

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

-----***-----

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
Tập I
(1946 - 1975)

(Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lý, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
NĂM 2022

Chịu trách nhiệm nội dung: BÙI XUÂN HÙNG

Chịu trách nhiệm bản thảo: PHẠM TẮT QUYNH
NGUYỄN DOÃN KINH

Biên soạn: NGUYỄN XUÂN MINH (Chủ biên)
HOÀNG NGỌC LA

Sửa bản in: VŨ CHỦ NGHĨA

Trình bày bìa: NGUYỄN CƯỜNG THỊNH

MÃ SỐ: $\frac{01 - 172}{ĐHTN - 2022}$

Chịu trách nhiệm nội dung chính lý, bổ sung, tái bản:
BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY THÁI NGUYÊN

Ban Chỉ đạo:

1- DƯƠNG VĂN LƯỢNG - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Thành ủy Thái Nguyên: Trưởng ban

2- NGUYỄN HOÀNG MÁC - Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố Thái Nguyên: Phó Trưởng ban Thường trực

3- NGUYỄN THANH BÌNH - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên (từ tháng 7/2022 là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên): Phó Trưởng ban

4- HÀ HUY HOÀNG - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị thành phố Thái Nguyên: Ủy viên Thường trực

5- HOÀNG THỊ MINH THU - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Dân vận Thành ủy Thái Nguyên: Ủy viên

6- PHẠM THỊ LÝ - Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Thái Nguyên: Ủy viên

7- NGÔ THỦY - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy Thái Nguyên: Ủy viên

8- DƯƠNG THỊ THU HẰNG - Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch HĐND thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

9- NGUYỄN THỊ TUYẾT - Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

10- PHẠM THANH HẢI - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Công an thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

11- NGUYỄN THANH NGÂN - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

12- NGUYỄN QUANG ANH - Ủy viên Ban Thường vụ, Chánh Văn phòng Thành ủy Thái Nguyên: Ủy viên

13- MAI HẢI TRUNG - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Bí thư Đảng ủy phường Trung Vương: Ủy viên

14- LÊ QUANG MINH - Thành ủy viên, Phó Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

15- NGUYỄN VĂN TUỆ - Thành ủy viên, Phó Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

Chỉnh lý, biên soạn bổ sung: NGUYỄN VĂN THẮNG

Biên tập: Tiến sĩ NGUYỄN XUÂN MINH

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy Bắc Thái, Ban Thường vụ Thành ủy Thái Nguyên khóa XI (nhiệm kỳ 1989 - 1992) tổ chức biên soạn, xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên 1930 - 1975*, tập I.

Nội dung cuốn sách đã dựng lại một cách trung thực quá trình vừa xây dựng, vừa lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ thành phố Thái Nguyên trong hai chặng đường lịch sử 1930 - 1954 và 1954 - 1975. Cuốn sách đã góp phần khơi dậy lòng tự hào và động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc thành phố phát huy tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, nỗ lực phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Tuy nhiên, do hạn chế về nguồn tư liệu thành văn, cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên tập I (1930 - 1975)* xuất bản năm 1991 còn có những sự kiện chưa chính xác, số liệu chưa cập nhật.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/1/2018 của Ban Bí thư về *Tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng*, Ban Thường vụ Thành ủy Thái Nguyên các khóa XVII, XVIII chỉ đạo tổ chức tái bản có chỉnh lý, bổ sung cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên tập I (1930 - 1975)* thành cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên tập I (1946 - 1975)* (sau đây gọi là cuốn sách tái bản).

Cuốn sách tái bản lấy mốc mở đầu năm 1946 là thời điểm Chi bộ thị xã Thái Nguyên được thành lập. Vì vậy, nội dung các chương *Mở đầu* và *Chương I* của cuốn sách xuất bản năm 1991 được chuyển về phần *Mở đầu* của cuốn sách tái bản. Cấu trúc cuốn sách tái bản có chỉnh lý, bổ sung gồm *Lời nói đầu* (của Ban Chỉ đạo chỉnh lý, bổ sung), *Lời giới thiệu*, *Mở đầu*, 3 chương nội dung, *Kết luận* và *Phụ lục*.

Cuốn sách tái bản có chỉnh lý, bổ sung đã đáp ứng được yêu cầu giáo dục lịch sử, truyền thống cho cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ thành phố; góp phần vào công tác xây dựng Đảng bộ thành phố ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Ban Chỉ đạo chỉnh lý, bổ sung, tái bản cuốn sách chân thành cảm ơn các đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt các thời kì đã cung cấp tư liệu, đóng góp ý kiến; cảm ơn các cơ quan, đơn vị đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên tập I (1946 - 1975)*.

Cuốn sách tái bản là một công trình nghiên cứu công phu, thể hiện tinh thần làm việc nghiêm túc, đầy trách nhiệm của Ban Chỉ đạo và các tác giả. Tuy nhiên, do các tư liệu về lịch sử Đảng bộ thành phố trong các thời kì kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ được lưu ở các kho lưu trữ Trung ương và địa phương đều rất khan hiếm; nhiều nhân chứng lịch sử, nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng bộ thành phố đã qua đời, nên chắc chắn nội dung cuốn sách còn có những khiếm khuyết.

Ban Chỉ đạo và các tác giả chỉnh lý, biên soạn bổ sung, biên tập cuốn sách rất mong cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ cùng các bạn đọc góp ý.

BAN CHỈ ĐẠO

PHẬT TÍCH CỦA Đ/C TRƯỞNG CHÍNH

Làm sao? mấy hình miền ngược trong
khu I, do đây tức về xuôi, hàng
vùng xuôi do đây bắt lên miền ngược
vì mặt quân sự, có thể nói Thái
nguyên là cửa ngõ đi vào V.B

UBKC HC thì xã có nhiệm vụ
rất nặng nề. Làm sao cho nó xứng
đáng với vai trò một đội du kích
cánh gác cửa ngõ VB. và một nhân
viên tiếp tế cho cả ngược và xuôi

Tôi tin rằng anh em xứng đáng với
nhiệm vụ ấy.

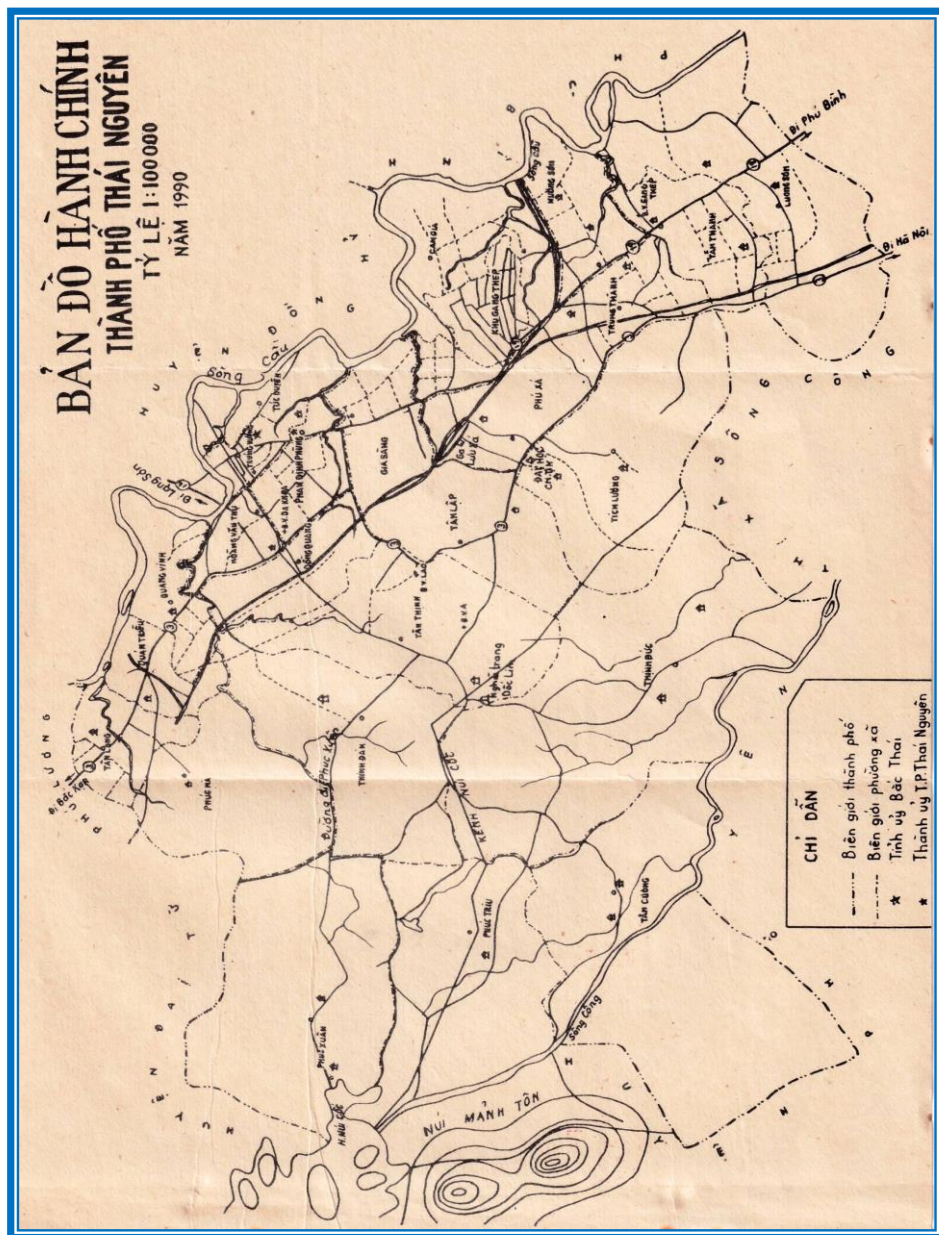
"... Năm 1917, cái lịch sử Đội Cận và
Liông ngọc. Quýển đã nói đây đánh
Pháp ở đây. Năm 1940-41, đồng bào
Đình ca, Trưng xã đã nổi dậy chống
Pháp. Tháng Tám năm 1945, Đại hội
Vô nguyên. Giáp chí huy quân giải phóng
đất nước ở thị xã này

Mong anh em noi theo hình thức
kiến phong ấy mà phấn đấu
Việt nam nhất định ^{chống Nhật và} độc lập!

Kháng chiến kiến quốc nhất định
thành công

7-5-1948

Trưởng Chính



LỜI GIỚI THIỆU

Giáo dục truyền thống cách mạng, xây dựng tình yêu quê hương là một nội dung có tầm quan trọng đặc biệt trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng hiện nay.

Nhận thức rõ điều đó, chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy Bắc Thái, Ban Thường vụ Thành ủy Thái Nguyên quyết định tiến hành việc nghiên cứu và biên soạn cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên - Tập I (1946 - 1975)*.

Nội dung cuốn sách nhằm dựng lại một cách trung thực quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ thành phố Thái Nguyên qua hai chặng đường lịch sử 1946 - 1954 và 1954 - 1975; trên cơ sở đó, khơi dậy lòng tự hào của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc thành phố, phát huy tinh thần tự lực, tự cường của mọi người dân trong sự nghiệp cách mạng hiện nay.

Trong quá trình sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, chúng tôi luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng đã từng sống, hoạt động ở Thái Nguyên, của các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành trong tỉnh, nhất là sự chỉ đạo sát sao, đầy tinh thần trách nhiệm của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Thái. Đặc biệt, cuốn sách được hoàn thành là nhờ có sự tham gia trực tiếp của hai đồng chí cán bộ giảng dạy Khoa Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc.

Do thời gian có hạn và nhất là do việc sưu tầm các nguồn tư liệu gặp nhiều khó khăn, cho nên nội dung cuốn sách sẽ có thiếu sót. Chúng tôi rất mong các đồng chí và các bạn đọc góp ý.

Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các đồng chí đã từng tham gia ý kiến xây dựng trong quá trình biên soạn và xuất bản cuốn sách.

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 10 năm 1991

NGUYỄN NGỌC YẾN

Bí thư Thành ủy

Mở đầu

KHÁI QUÁT THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

I- Địa danh và địa giới hành chính qua các thời kì

Vùng đất thành phố Thái Nguyên (ngày nay) thời các vua Hùng, thuộc bộ Vũ Định (1 trong số 15 bộ của nước Văn Lang). Dưới thời Bắc thuộc (179 tr. CN - 905), Thái Nguyên có lúc thuộc nước Nam Việt, có lúc thuộc huyện Long Biên, quận Giao Chỉ. Thời nhà Lý (1010 - 1225), địa bàn thành phố (ngày nay) thuộc phủ Phú Lương (sau đổi là châu Thái Nguyên); thời nhà Trần (1225 - 1400), thuộc phủ Thái Nguyên (từ năm 1397, đổi thành trấn Thái Nguyên)... Thời thuộc Minh (1407 - 1427), thuộc châu (sau là phủ) Thái Nguyên. Thời Lê sơ (1428 - 1789), có lúc thuộc thừa tuyên Thái Nguyên, hoặc thừa tuyên Ninh Sóc; có lúc thuộc xứ Thái Nguyên và đến năm 1533, thuộc trấn Thái Nguyên.

Dưới triều Nguyễn (từ năm 1802), địa bàn thành phố Thái Nguyên (ngày nay) vẫn thuộc trấn Thái Nguyên. Năm Gia Long thứ 12 (1813), thành trấn Thái Nguyên được chuyển từ xã Bình Kỳ, tổng Thượng Giã, huyện Thiên Phúc, tỉnh Bắc Ninh về xã Đồng Mỗ, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ, phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên.

Trong 2 năm (1831 - 1832), Vua Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính trên phạm vi cả nước, bỏ các tổng trấn, đổi các dinh trấn thành tỉnh. Theo đó, cả nước có 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên; trấn Thái Nguyên chính thức đổi thành tỉnh Thái Nguyên, tỉnh lỵ đặt tại khu vực Đồng Mỗ, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên).

Theo sách *Đại Nam nhất thống chí*: “*Tỉnh thành đất bằng phẳng, rộng rãi, đường thủy, đường bộ giao thông đều thuận tiện...*”

Thành tỉnh Thái Nguyên chu vi 345 trượng, cao 9 thước, mở 4 cửa, hào rộng 3 trượng, sâu 5 thước⁽¹⁾, ở địa phận huyện Đồng Hỷ, phủ Phú Bình; trước ở địa phận huyện Thiên Phúc tỉnh Bắc Ninh; bản triều đời Gia Long thứ 12 dời đến chỗ hiện nay và đắp thành bằng đất; đến năm Tự Đức thứ 2 đổi xây bằng gạch⁽²⁾.

Từ giữa thế kỉ XIX, lợi dụng sự suy yếu của triều đình phong kiến nhà Nguyễn, thực dân Pháp tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta. Sau khi hoàn thành việc chiếm đóng các tỉnh Nam Kỳ và các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ, thực dân Pháp tập trung quân đánh chiếm các tỉnh miền núi phía Bắc.

Ngày 17/3/1884, quân Pháp từ Bắc Ninh bắt đầu tiến sang đánh chiếm thành Thái Nguyên. Sau 2 lần tiến đánh (tháng 3 và tháng 4/1884) vẫn không chiếm được thành, đến lần thứ 3 (ngày 10/5/1884), chúng mới chiếm đóng được tỉnh lỵ Thái Nguyên. Từ đó đến đầu thế kỉ XX, cùng với việc tăng cường bộ máy cai trị, các cơ sở dịch vụ của thực dân Pháp và tay sai ở tỉnh lỵ Thái Nguyên ngày càng mở rộng. Tầng lớp viên chức, thợ thủ công và người buôn bán nhỏ ngày càng đông dần lên. Địa bàn tỉnh lỵ Thái Nguyên được mở rộng và phát triển dần về phía tây nam, bao gồm phần đất có diện tích tương ứng với phường Trưng Vương và một phần các phường Túc Duyên, Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng ngày nay.

Thời đó, tỉnh lỵ Thái Nguyên được xây dựng trên những đồi cây có ao sâu bao bọc xung quanh. Về sau, việc san lấp bình địa được thực hiện bằng công sức của dân chúng và những tù nhân ở đây. Một số nhà tranh được thay thế bằng các tòa nhà kiên cố. Cách tỉnh lỵ 200 mét về phía bắc có một chiếc cầu dài 93 mét (tức cầu Gia Bẫy) được xây dựng vắt qua sông Cầu trong những năm 1928, 1929. Năm 1933, Toàn

(1) Đơn vị đo lường thời xưa: 1 trượng tương đương khoảng 3,32 mét; 1 thước tương đương 0,32 mét.

(2) Dẫn theo: *Đại Nam nhất thống chí* - Quyển XX, tr.153, 155.

quyền Đông Dương ra quyết định thành lập thành phố Thái Nguyên. Ngày 23/4/1938, Thống sứ Bắc Kỳ ban hành Nghị định số 2046-1 thành lập thị xã Thái Nguyên.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, địa bàn thị xã Thái Nguyên được tách khỏi huyện Đồng Hỷ, chính thức trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh và là tỉnh lỵ Thái Nguyên. Sau ngày *Toàn quốc kháng chiến* (19/12/1946), hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân thị xã Thái Nguyên thực hiện triệt để tiêu thổ kháng chiến, tự tay phá bỏ các công trình, nhà cửa, cầu cống,... do chính sức lao động của mình xây dựng lên. Sau khi hoàn thành *tiêu thổ kháng chiến*, phần lớn nhân dân thị xã đã đi tản cư đến những nơi an toàn. Giữa năm 1947, Ủy ban Hành chính thị xã Thái Nguyên chuyển trụ sở ra khu vực ngoại vi thị xã (thuộc huyện Đồng Hỷ) để hoạt động. Đầu năm 1949, thị xã Thái Nguyên tạm thời giải thể. Một số đảng viên trong Chi bộ thị xã được Tỉnh ủy Thái Nguyên điều động đi nhận công tác khác, số còn lại phân tán về sinh hoạt ở các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy Đồng Hỷ.

Giữa quý III năm 1953, thị xã Thái Nguyên được tái lập, địa giới gồm toàn bộ địa bàn thị xã trước khi giải thể và xã Phù Liễn của huyện Đồng Hỷ, khu vực ngã ba Gia Sàng (còn gọi là phố Gia Sàng) của xã Gia Sàng huyện Đồng Hỷ.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954), Hiệp định Giơnevơ được kí kết (21/7/1954), hòa bình được lập lại, cùng với các tỉnh, thành phố khác trên miền Bắc, tỉnh Thái Nguyên bước sang thời kì khôi phục, phát triển và cải tạo kinh tế. Từ đó, thị xã Thái Nguyên không ngừng được mở rộng.

Sau khi Khu Tự trị Việt Bắc được thành lập theo Nghị quyết ngày 6/6/1956 của Hội đồng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt

động từ ngày 17/7/1956⁽¹⁾, thị xã Thái Nguyên trở thành Thủ phủ của Khu Tự trị Việt Bắc. Trên địa bàn thị xã, nhiều cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội của Trung ương, khu và tỉnh lần lượt ra đời, tạo cho thị xã có vị trí ngày càng quan trọng.

Cuối năm 1958, thực hiện chỉ đạo của Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban Hành chính thị xã Thái Nguyên thành lập 4 khu phố (Hoàng Văn Thụ, Đội Cấn, Phan Đình Phùng, Trưng Vương). Mỗi khu phố có 1 chi bộ, 1 ban hành chính để lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Đặc biệt, từ sau khi xây dựng Khu Công nghiệp Gang thép⁽²⁾, thị xã Thái Nguyên được nâng lên tầm vóc mới.

Thực hiện Quyết định số 114/CP ngày 19/10/1962 của Hội đồng Chính phủ, thành phố Thái Nguyên được thành lập, trực thuộc tỉnh Thái Nguyên. Từ ngày 1/4/1963, các cơ quan Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể của thành phố chính thức đi vào hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và địa giới hành chính mới. Khi thành lập, thành phố Thái Nguyên có tổng diện tích tự nhiên khoảng 100 km², dân số khoảng 6 vạn người.

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, thực hiện quyết định của Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban Hành chính thành phố giải thể 5 khu phố (Hoàng Văn Thụ, Đội Cấn, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Lưu Xá) để thành lập 18 tiểu khu (Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Hùng Vương, Tân Long, Quán Triều, Thống Nhất,

(1) Khu Tự trị Việt Bắc gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang (trừ huyện Yên Bình), Thái Nguyên (trừ các huyện Phổ Yên sáp nhập vào tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Bình sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang). Từ ngày 15/6/1957, hai huyện Phổ Yên và Phú Bình được sáp nhập trở lại tỉnh Thái Nguyên.

(2) Ngày 4/6/1959, Hội đồng Chính phủ ra quyết định thành lập Công trường Khu Gang thép Thái Nguyên. Ngày 2/9/1960, Công trường Khu Gang thép làm lễ khởi công bằng việc đổ bê tông móng lót lò cao số 1.

Chiến Thắng, Đội Cán sơ tán, Lưu Xá, Trung Thành, Ba Công, Tân Quang, Hương Sơn, Tích Lương, Vó Ngựa, Phú Mỹ, Độc Lập).

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường khả năng quốc phòng, thực hiện Nghị quyết số 112-NQ/TW ngày 8/4/1965 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 103-NQ/TVQH ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái, chính thức đi vào hoạt động theo địa giới hành chính mới. Từ đó, thành phố Thái Nguyên trở thành tỉnh lỵ của tỉnh Bắc Thái. Từ một đô thị nhỏ bé, với 10 phố sau ngày hòa bình lập lại (21/7/1954), qua 11 năm xây dựng, đến ngày 1/7/1965, thị xã Thái Nguyên đã trở thành một thành phố trực thuộc tỉnh rộng lớn, gồm 18 tiểu khu và 6 xã, 2 thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 21/TCCQ ngày 23/1/1973 của Ủy ban Hành chính tỉnh, tháng 3/1973, Ủy ban Hành chính thành phố Thái Nguyên giải thể 18 tiểu khu, tạm thời tổ chức lại thành 10 tiểu khu. Tiếp theo, thực hiện Quyết định số 388/TCCQ ngày 7/8/1974 của Ủy ban Hành chính tỉnh, thành phố Thái Nguyên chính thức thành lập 10 tiểu khu (Tân Long, Quán Triều, Chiến Thắng, Hoàng Văn Thụ, Trung Vương, Phan Đình Phùng, Phú Xá, Trung Thành, Hương Sơn, Tân Thành); mỗi tiểu khu có 1 Ban Đại diện hành chính tiểu khu.

Năm 1976, thành phố Thái Nguyên tiếp nhận xã Lương Sơn của huyện Phú Bình và chuyển giao thị trấn Trại Cau về huyện Đồng Hỷ. Thực hiện Quyết định số 276-TC/UB ngày 5/9/1981 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái, thành phố Thái Nguyên đổi tên Ban Đại diện hành chính của 10 tiểu khu thành Ủy ban nhân dân của 10 phường (Tân Long, Quán Triều, Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trung Vương, Chiến Thắng, Phú Xá, Trung Thành, Tân Thành, Hương Sơn).

Thực hiện Quyết định số 102/HĐBT ngày 2/4/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), thành phố Thái Nguyên tiếp nhận 7 xã: Phúc Xuân, Phúc Hà, Phúc Trìu, Tân Cương, Thịnh Đức, Thịnh

Đán, Tích Lương của huyện Đồng Hỷ; đồng thời chuyển giao xã Đồng Bầm, phường Chiến Thắng và thị trấn Núi Voi về huyện Đồng Hỷ.

Theo Quyết định số 109/HĐBT ngày 8/4/1985 của Hội đồng Bộ trưởng, phường Tân Thịnh được thành lập; 3 xã: Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng được đổi thành 3 phường: Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng.

Theo Quyết định số 25/HĐBT ngày 13/2/1987 của Hội đồng Bộ trưởng, 2 xã Túc Duyên, Quang Vinh được đổi thành 2 phường: Túc Duyên, Quang Vinh; phường Tân Thịnh được chia thành 2 phường: Tân Thịnh và Tân Lập.

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 11/7/1994 của Chính phủ, phường Đồng Quang tách thành 2 phường Đồng Quang và Quang Trung.

Theo Quyết định ngày 6/11/1996 của Quốc hội khoá IX, từ ngày 1/1/1997, tỉnh Bắc Thái được tách thành 2 tỉnh: Thái Nguyên và Bắc Kạn; thành phố Thái Nguyên là tỉnh lỵ tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 14/10/2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 135/2002/QĐ-TTg *Công nhận thành phố Thái Nguyên thuộc tỉnh Thái Nguyên là đô thị loại II.*

Thực hiện Nghị định số 14/2004/NĐ-CP ngày 1/9/2004 của Chính phủ, xã Thịnh Đán được tách thành phường Thịnh Đán và xã Quyết Thắng.

Thực hiện Nghị định số 84/2008/NĐ-CP ngày 31/7/2008 của Chính phủ *Về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đồng Hỷ để mở rộng thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên*, thành phố Thái Nguyên tiếp nhận 2 xã: Đồng Bầm và Cao Ngạn của huyện Đồng Hỷ.

Ngày 1/9/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1645/QĐ-TTg *Công nhận thành phố Thái Nguyên thuộc tỉnh Thái Nguyên là đô thị loại I.*

Thực hiện Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành phố Thái Nguyên chuyển toàn

bộ diện tích tự nhiên và dân số xã Lương Sơn về thị xã Sông Công quản lý.

Ngày 20/12/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2486/QĐ-TTg *Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035.*

Thực hiện Nghị quyết số 422/NQ-UBTVQH14 ngày 18/8/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *Về việc điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính thành phố Thái Nguyên và thành lập hai phường thuộc thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên*, thành phố Thái Nguyên tiếp nhận toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị trấn Chùa Hang và các xã Huống Thượng, Linh Sơn (huyện Đồng Hỷ); Đồng Liên (huyện Phú Bình), Sơn Cẩm (huyện Phú Lương); tổ chức thành lập các phường Chùa Hang trên cơ sở thị trấn Chùa Hang, phường Đồng Bầm trên cơ sở xã Đồng Bầm.

Sau khi tiếp nhận 5 xã, thị trấn và thành lập 2 phường mới, thành phố Thái Nguyên có 32 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 21 phường: Tân Long, Quán Triều, Quang Vinh, Đồng Quang, Quang Trung, Túc Duyên, Gia Sàng, Cam Giá, Hương Sơn, Phú Xá, Trung Thành, Tân Thành, Trung Vương, Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Tân Lập, Tân Thịnh, Thịnh Đán, Tích Lương, Chùa Hang, Đồng Bầm và 11 xã: Phúc Hà, Thịnh Đức, Quyết Thắng, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Tân Cương, Cao Ngạn, Đồng Liên, Huống Thượng, Linh Sơn, Sơn Cẩm.

II- Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và xã hội

Thành phố Thái Nguyên là 1 trong 9 đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Thái Nguyên; phía bắc giáp huyện Phú Lương, phía nam giáp các thành phố: Sông Công và Phổ Yên, phía đông giáp các huyện: Đồng Hỷ và Phú Bình, phía tây giáp huyện Đại Từ.

Thành phố Thái Nguyên có tổng diện tích đất tự nhiên 222,93 km² (22.293 ha), gồm 109,19 km² (10.919 ha) đất sản xuất nông nghiệp, 29,19 km² (2.970 ha) đất lâm nghiệp, 43,18 km² (4.318 ha) đất

chuyên dùng, 20,50 km² (2.050 ha) đất ở. So với toàn tỉnh, tổng diện tích đất tự nhiên bằng 6,32%, diện tích đất nông nghiệp bằng 9,75%, diện tích đất lâm nghiệp bằng 1,59%, diện tích đất chuyên dùng bằng 19,84%, diện tích đất ở bằng 16,60%⁽¹⁾.

Khí hậu thành phố Thái Nguyên mang những nét chung của khí hậu vùng đông bắc Việt Nam, chia làm 2 mùa nóng, lạnh rõ rệt. Mùa nóng bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10, thường có gió mùa đông nam, nóng ẩm mưa nhiều, nhiệt độ cao tuyệt đối lên đến 41,5°C; nóng nhất là tháng 7, nhiệt độ trung bình 28,5°C. Mùa lạnh bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, thường có gió mùa đông bắc, thời tiết hanh khô, nhiệt độ thấp tuyệt đối xuống đến 3°C; lạnh nhất là tháng 1, nhiệt độ trung bình 15,5°C. Lượng mưa trung bình hằng năm là 2.025,3 mm; trong đó, lượng mưa mùa nóng chiếm tới 80% lượng mưa cả năm.

Trên địa bàn thành phố Thái Nguyên có 2 sông lớn (sông Cầu và sông Công) chảy qua. Sông Cầu chảy theo hướng tây bắc - đông nam; đoạn chảy trên địa bàn thành phố dài 25 km, dòng sông mở rộng từ 70 m đến 100 m. Ở phía tây thành phố có sông Công chảy dọc địa bàn, tạo thành ranh giới tự nhiên giữa thành phố Thái Nguyên với thành phố Phổ Yên và thành phố Sông Công; đoạn sông Công chảy trên địa bàn thành phố Thái Nguyên dài 15 km. Sông Cầu và sông Công là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân các thành phố: Thái Nguyên, Sông Công, Phổ Yên và các huyện: Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình, Đại Từ.

Thành phố Thái Nguyên có thảm thực vật rất phong phú và đa dạng, bao gồm: Rừng trồng theo *Chương trình PAM* và *Dự án 327*, vùng chè đặc sản Tân Cương cùng với các loại cây ăn quả (ổi, nhãn, vải, quýt, chanh...), tạo thành một vùng sinh thái xanh, sạch, môi trường sống trong lành.

⁽¹⁾ Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2019*, Nxb. 2020, tr.21, 22.

Trên địa bàn thành phố có các Quốc lộ số 3 cũ, số 3 mới (cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên), số 37, số 1B; các Tỉnh lộ 259, 260 và các đường sắt Quán Triều - Hà Nội, Lưu Xá - Kép, Quán Triều - Núi Hồng. Thông qua các tuyến đường này, thành phố Thái Nguyên dễ dàng thông thương với các địa phương trong và ngoài tỉnh, rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tính đến thời điểm ngày 1/4/2019, tổng dân số thành phố Thái Nguyên có 340.403 người⁽¹⁾, thuộc hơn 40 thành phần dân tộc. Chiếm số đông nhất là dân tộc Kinh (280.460 người), tiếp đến là dân tộc Tày (24.259 người), Sán Dìu (14.929 người), Nùng (12.870 người), Dao (2.135 người), Sán Chay (1.600 người), Mông (1.026 người), Mường (1.015 người), Thái (872 người), Hoa (457 người), Ngái (201 người), Giáy (103 người), v.v...

Dân tộc Kinh gồm nhiều bộ phận hợp thành: Dân bản địa; công nhân làm thuê trong các mỏ, đồn điền; cán bộ, bộ đội, công nhân lên xây dựng, công tác tại Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên; đồng bào các tỉnh miền xuôi lên khai hoang, phát triển kinh tế miền núi; học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp tại các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề ở lại công tác trên địa bàn thành phố... Người Kinh có kinh nghiệm sản xuất và khả năng tiếp thu nhanh các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ. Tổ chức xã hội của người Kinh cũng rất chặt chẽ, từ thành thị đến nông thôn mang nét đặc thù tiêu biểu của xã hội Việt Nam. Xuất phát từ đặc điểm cư trú, người Kinh có truyền thống trồng lúa nước, làm nông nghiệp và các nghề thủ công.

Dân tộc Tày tụ cư ở địa bàn thành phố Thái Nguyên từ rất lâu đời. Tổ tiên của người Tày vốn là cư dân bản địa vùng rừng núi Bắc Việt Nam. Tộc người Tày thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái. Người Tày tiếp thu những yếu tố ngôn ngữ, văn hoá của các dân tộc khác để ngày một phát triển ngôn ngữ của mình một cách phong phú. Đặc biệt,

(1) Kết quả tổng điều tra dân số tỉnh Thái Nguyên 0 giờ ngày 1/4/2019, tr.23.

người Tày có quan hệ gần gũi với người Nùng, Cao Lan, bởi họ có sự tương đồng về ngôn ngữ, văn hoá. Người Tày cư trú rộng khắp địa bàn thành phố, tập trung nhiều ở xã Quyết Thắng và các phường: Thịnh Đán, Quang Trung, Tân Thịnh...

Dân tộc Sán Dìu gồm một bộ phận sinh sống trên địa bàn thành phố từ lâu đời, một bộ phận chuyển cư đến từ các huyện miền núi của tỉnh sau năm 1954 đến nay. Phạm vi cư trú của người Sán Dìu ở tất cả các phường, xã trên địa bàn thành phố; tập trung đông nhất là ở các xã: Sơn Cẩm, Linh Sơn, Cao Ngạn và phường Quán Triều...

Dân tộc Nùng có nhiều chi tộc: Nùng Phàn Sinh, Nùng Cháo, Nùng Inh; cư trú rải khắp các phường, xã trên địa bàn thành phố, nhưng tập trung đông nhất là ở các xã, phường: Quyết Thắng, Thịnh Đức, Cao Ngạn, Thịnh Đán...

Mặc dù mỗi dân tộc có những phong tục, tập quán khác nhau, nhưng đều có mối quan hệ đoàn kết, gắn bó, gần gũi, thân thiết được phản ánh trong truyện *Trăm trứng* của người Kinh, truyện *Quả bầu* của nhiều dân tộc thiểu số... Do vậy, dưới chế độ thực dân, phong kiến trước đây, mặc dù giai cấp thống trị tìm mọi cách chia rẽ, nhưng mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc vẫn bền vững. Ngoài tình họ hàng và đồng tộc, tình làng, nghĩa phố ngày càng thêm bền chặt. Từ những việc ma chay, cưới xin cho đến việc dựng nhà,... đều có sự quan tâm thăm hỏi, động viên, giúp đỡ lẫn nhau giữa đồng bào các dân tộc trên địa bàn.

Từ sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công đến nay, với chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước, mối quan hệ đoàn kết, gắn bó vốn có giữa các dân tộc trên địa bàn thành phố ngày càng bền chặt.

III- Truyền thống lịch sử

Thành phố Thái Nguyên là nơi giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các vùng. Mặt khác, do đặc điểm cư trú thành những đơn vị nhỏ và

xen kẽ giữa các dân tộc trên địa bàn (thành phố ngày nay), cho nên quá trình giao lưu, hòa hợp diễn ra khá sớm và dễ dàng, gần như là một lẽ tự nhiên. Trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, các dân tộc sống trên địa bàn thành phố đã sáng tạo một nền văn hóa đa dạng và phong phú.

Để bảo đảm sản xuất, duy trì cuộc sống của mình, các dân tộc thành phố - trải qua bao thế hệ nối tiếp, đã biết dựa vào nhau để chống chọi với thiên tai. Trong quá trình sản xuất nông nghiệp, người nông dân có nhiều kinh nghiệm xem xét thời tiết để gieo trồng cho đúng thời vụ. Đồng bào các dân tộc nơi đây cố kết chặt chẽ, giúp nhau khắc phục thiên tai, cùng nhau bạt đồi, san bãi, đào mương, đắp đập, ngăn bờ giữ nước, từng bước cải tạo ruộng đồng, đất đai. Phải trải qua nhiều gian nan, khó nhọc, những cư dân ở nơi đây mới có thể tạo dựng được một thành phố với dáng vẻ bề thế như ngày nay. Trong quá trình đó, không phải chỉ có cải tạo đất đai, mở rộng diện tích canh tác và xây dựng, mà họ còn bảo tồn và phát triển các loại cây trồng.

Ngoài cây lương thực và hoa màu, cây chè là một đặc sản của tỉnh Thái Nguyên nói chung, thành phố Thái Nguyên nói riêng. Trên đất nước Việt Nam, hầu như địa phương nào cũng có chè, nhưng không đâu có thể sánh được với chè Thái. Với hương vị thơm ngon, từ lâu chè Thái - nhất là chè Tân Cương, đã từng nổi tiếng khắp cả nước. Chè Tân Cương có màu sắc xanh trong, vị đậm ngọt và hương thơm mát, khác hẳn chè ở các nơi khác. Hương vị thơm ngon đặc biệt của chè Tân Cương không phải chỉ do chất đất vùng này tạo nên, mà còn do kỹ thuật sao chè của người dân nơi đây. Bao nhiêu đời nay, chè Thái vẫn giữ được hương vị có một không hai đó.

Cư dân thành phố Thái Nguyên phần lớn là từ các nơi chuyên đến, mang theo cả kinh nghiệm tổ chức cuộc sống cũng như các ngành nghề cổ truyền ở quê hương cũ. Từ đời này sang đời khác, do có sự

trao đổi kinh tế - văn hóa giữa các vùng và giữa các dân tộc, thành phố Thái Nguyên ngày càng có nhiều ngành sản xuất đa dạng, phong phú.

Hoạt động thương mại cũng ngày càng mở rộng, đặc biệt là từ khi thành lập thị xã, một số cơ sở dịch vụ và hiệu buôn xuất hiện. Việc trao đổi hàng hóa ở trong thị xã và giữa thị xã với bên ngoài tăng lên cùng với sự ra đời của tầng lớp tiểu thương⁽¹⁾.

Ngày nay, hoạt động thương mại trong thành phố phát triển thành một mạng lưới sầm uất gồm các cơ sở dịch vụ, các trung tâm thương mại, siêu thị thuộc đủ các ngành nghề khác nhau.

Trong quá trình lao động sản xuất và đấu tranh chế ngự thiên nhiên, nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên đã sáng tạo nên một kho tàng văn hóa phong phú, đặc sắc.

Với đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo, từ thời xa xưa, đồng bào nơi đây đã dựng nên những công trình thủy lợi, tuy còn nhỏ bé và thô sơ, nhưng rất phù hợp với việc tưới nước ruộng. Đó là hệ thống phai đập, mương máng. Đồng bào biết tự chế tạo những công cụ thích hợp, như cày, cuốc, liềm, hái... cho đến các loại súng, nỏ để săn bắn thú rừng.

Trong quá trình lao động, đồng bào các dân tộc nơi đây đã sáng tạo các công trình kiến trúc, văn hóa tiêu biểu. Đó là, những ngôi đình, đền, chùa xây dựng cách nay hàng mấy thế kỉ, vẫn giữ được vẻ độc đáo, với những nét bài trí khá tinh xảo, thể hiện một trình độ phát triển khá cao về nghệ thuật kiến trúc cũng như về đầu óc thẩm mỹ.

Ngoài văn hóa vật chất, nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên còn có một đời sống văn hóa tinh thần rất phong phú, bao gồm nhiều yếu tố tích cực, lành mạnh và trong sáng. Mỗi dân tộc có những nét sắc thái riêng về phong cách thể hiện, nhưng trong kho tàng

⁽¹⁾ Thời thuộc Pháp, Chợ thị xã Thái Nguyên có 13 cầu chợ, làm nhiệm vụ trung chuyển, giao lưu hàng hóa trong vùng rừng núi phía bắc.

văn học nghệ thuật dân gian của các dân tộc đều có nội dung tư tưởng, tình cảm căn bản giống nhau.

Cùng với quá trình lao động xây dựng quê hương, bảo tồn và phát triển nền văn hóa dân tộc, với ý chí đoàn kết, thiết tha với độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên trước sau vẫn một lòng kiên trinh, bền gan chiến đấu chống giặc ngoại xâm, chống mọi thế lực cường quyền áp bức, góp phần làm rạng rỡ thêm những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Thế kỉ X và thế kỉ XI, nhà Tống 2 lần đem quân xâm lược nước ta. Tháng 4/981, quân Tống theo 2 đường thủy, bộ tấn công Đại Cồ Việt. Cánh quân thủy bị đánh tan trên sông Bạch Đằng. Đại quân đi đường bộ bị quân ta phục kích, tiêu diệt hơn một nửa ở Chi Lăng (tỉnh Lạng Sơn ngày nay). Trận Tây Kết (ở ven sông Hồng, thuộc tỉnh Hưng Yên ngày nay), quân Tống tan vỡ phải rút chạy lên hướng Thái Nguyên. Quân Đại Cồ Việt do Vua Lê Đại Hành trực tiếp chỉ huy, có sự giúp đỡ của dân binh và nhân dân địa bàn thành phố Thái Nguyên (ngày nay) đã vượt sông Cầu tại Đà Dịch Giang (trên địa bàn thành phố Thái Nguyên ngày nay); đuổi đến vùng Vạn Nhai (nay là huyện Võ Nhai) thì đánh tan tành quân Tống, “*bất sống tướng giặc Tống là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư*”⁽¹⁾. Cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ nhất của nhà Tống thất bại thảm hại.

Vào nửa đầu thế kỉ XII, vùng đất phường Quán Triều, thành phố Thái Nguyên ngày nay đã sản sinh ra một người con có nhiều công lao với nhân dân, đất nước. Đó là Dương Tự Minh - dân tộc Tày, quê ở Quán Triều, người được nhà Lý phong chức Thủ lĩnh phủ Phú Lương, được giao “*cai quản việc công các Khê động dọc theo biên giới (phía bắc) về đường bộ*”; được vua Lý Nhân Tông gả công chúa (Diên

⁽¹⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Trọn bộ. Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.169.

Bình); đến năm thứ 5 đời vua Lý Anh Tông (1144), được gả công chúa Thiều Dung và phong làm Phò mã lang⁽¹⁾.

Hơn 20 năm làm quan dưới 3 đời vua nhà Lý (Nhân Tông, Thần Tông, Anh Tông), Thủ lĩnh Dương Tự Minh đã có nhiều công lao trong việc phủ dụ an dân, làm cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở nhiều khe động luôn trung thành với triều đình nhà Lý. Năm 1145, Dương Tự Minh đã chỉ huy quân dân phủ Phú Lương dẹp tan bè đảng người nước Tống do Đàm Hữu Lượng cầm đầu sang cướp châu Quảng Nguyên (nay là huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng). Khi về làm quan trong triều đình, chứng kiến sự lộng quyền của Thái úy nhiếp chính Đỗ Anh Vũ, ông đã cùng Điện tiền chỉ huy sứ Vũ Đới và một số võ quan, thân vương nhà Lý làm cuộc diệt trừ Đỗ Anh Vũ. Việc không thành, những người tham gia đều bị giết hoặc đày biệt xứ. Dương Tự Minh bị đày về sống ở vùng núi Đuôm (Điểm Sơn) và mất tại đây. Về sau, nhiều vua đời nhà Hậu Lê, nhà Nguyễn đã ban sắc, phong ông là Thượng đẳng thần; nhân dân nhiều làng xóm suốt một dải sông Cầu đã dựng đền, đình, nghề thờ ông. Đền Đuôm (di tích Lịch sử Văn hóa Quốc gia) ở xã Động Đạt, huyện Phú Lương là nơi tổ chức lễ hội dân gian lớn nhất vùng vào ngày 6 tháng Giêng hằng năm để tưởng nhớ ông.

Đầu thế kỉ XV, đất nước ta bị quân Minh xâm lược và đô hộ. Đi tới đâu, chúng cũng tàn phá, cướp bóc đến đây. Không cam chịu cuộc đời nô lệ, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nhiều lần nổi dậy khởi nghĩa. Đầu năm 1408, dưới sự lãnh đạo của Trần Nguyên Khoáng và Nguyễn Đa Bí, nhân dân trong vùng nổi dậy chống lại giặc Minh. Những năm sau, phong trào đấu tranh lan rộng dưới sự lãnh đạo của Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Trà, Dương Khắc Chung, Dương Thế Chân...

⁽¹⁾ Đại Việt sử ký toàn thư, Sdd, tr.269, 294.

Nghĩa quân Ông Lão lập căn cứ chống giặc Minh ở Đồng Hỷ và lan rộng ra vùng tây bắc Phổ Yên, được đông đảo nhân dân hưởng ứng, ủng hộ. Tiêu biểu cho tinh thần yêu nước của nhân dân các dân tộc địa bàn thành phố Thái Nguyên (ngày nay) trong những năm đầu thế kỉ XV là đã nhiệt tình ủng hộ và hăng hái tham gia hoạt động của nghĩa quân “Áo đỏ”. Xuất phát từ Thái Nguyên, nghĩa quân “Áo đỏ” mở rộng địa bàn hoạt động ra các vùng xung quanh. Suốt 17 năm hoạt động, phong trào “Áo đỏ” lan rộng khắp vùng núi rừng phía bắc, phát triển sang vùng tây bắc, vào đến vùng miền núi Thanh Hóa, Nghệ An. Được nhân dân che chở, ủng hộ, nghĩa quân “Áo đỏ” đã gây cho địch nhiều tổn thất, *“làm cho chúng không thể nào đặt vững được chính quyền đô hộ trên miền rừng núi bao la của ta”*⁽¹⁾.

Sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (Thanh Hóa) do Lê Lợi đứng đầu đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi, đất nước ta bước vào thời kì phát triển mạnh mẽ về các mặt. Nhưng đến đầu thế kỉ XVI, xã hội triều Lê bắt đầu suy yếu, nạn cát cứ và tranh chấp giữa các tập đoàn phong kiến diễn ra gay gắt.

Năm 1527, tập đoàn phong kiến do Mạc Đăng Dung cầm đầu thắng thế, gây sức ép phế truất triều Lê, lập ra triều Mạc, làm gay gắt thêm các mối xung đột giữa các phe phái, dẫn đến tình trạng cát cứ và nội chiến lâu dài.

Từ giữa thế kỉ XVI, đất nước ta bị chia làm 2 miền: Từ Thanh Hóa trở ra thuộc họ Mạc (Bắc Triều), từ Thanh Hóa trở vào thuộc họ Trịnh (Nam Triều). Trịnh - Mạc phân tranh đánh nhau kéo dài trên nửa thế kỉ. Uy vương Mạc Kính Dung chiếm giữ Thái Nguyên. Đi đến đâu, nhà Mạc cũng bắt dân chúng xây thành, đắp lũy nhằm chống lại

⁽¹⁾ *Lịch sử Việt Nam - Tập 1*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 1971, tr.239.

họ Trịnh⁽¹⁾. Địa bàn thành phố Thái Nguyên (ngày nay) là một trong những nơi trở thành bãi chiến trường⁽²⁾.

Bất bình trước những thảm cảnh do cuộc chiến tranh giữa 2 tập đoàn phong kiến Trịnh, Mạc gây ra, dưới sự chỉ huy của một viên quan triều Lê là Phó tướng Nông Quận công Trần Đăng Minh và con trai là Triều liệt đại phu tằng Bình Quận công, nhân dân khu vực thành phố Thái Nguyên ngày nay đã ủng hộ quân nhà Lê, tham gia chống lại quân nhà Mạc. Cả hai cha con đều tử trận. Để tỏ lòng ngưỡng mộ, nhân dân địa phương đã lập đền thờ 2 cha con Phó tướng Nông Quận công Trần Đăng Minh tại Đồng Mỗ (gọi là đền Trần Quận Công).

Bước vào thế kỉ XVIII, mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi. Đầu thế kỉ XIX, từ năm 1803 đến năm 1835, hưởng ứng các cuộc khởi nghĩa do Dương Đình Cúc, Nông Văn Vân lãnh đạo, nhân dân địa bàn thành phố Thái Nguyên (ngày nay) đã chống lại chính sách cai trị hà khắc của phong kiến nhà Nguyễn.

Từ giữa thế kỉ XIX, lợi dụng sự suy yếu của triều đình phong kiến nhà Nguyễn, thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Sau khi hoàn thành việc chiếm đóng các tỉnh Nam Kỳ và các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ, thực dân Pháp tập trung quân đánh chiếm các tỉnh miền núi phía bắc.

Ngày 17/3/1884, từ Bắc Ninh, quân Pháp bắt đầu tiến sang đánh chiếm thành Thái Nguyên⁽³⁾. Sáng 19/3/1884, từ khu vực cách thành Thái Nguyên 3.000 mét, quân Pháp nổ súng đánh thành Thái Nguyên, 2.000 quân Mãn Thanh (Trung Quốc) bỏ chạy. Dưới sự chỉ huy của Nguyễn Quang Khoáng, 600 quân của triều đình nhà Nguyễn và 200

(1) Đến nay dấu tích thành nhà Mạc vẫn còn ở Núi Voi, Túc Duyên, Đồng Bầm, Lưu Xá.

(2) Núi Tịen (Gia Sàng) là nơi luyện quân, đua ngựa của nhà Mạc.

(3) ALFRED ECHINARD (Công sứ Pháp tỉnh Thái Nguyên): *Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái Nguyên*. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên, tr.24.

quân “Cờ đen”⁽¹⁾ của Lưu Vĩnh Phúc đã chiến đấu quyết liệt với quân Pháp để bảo vệ thành. Quân Pháp đã “vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của quân Việt Nam”.

Tuy nhiên, sau khi Nguyễn Quang Khoáng hi sinh, quân của triều đình nhà Nguyễn và quân “cờ đen” buộc phải rút lui. Chiều 19/3/1884, quân Pháp ồ ạt tràn vào chiếm thành Thái Nguyên, cướp 39 khẩu đại bác (có 25 khẩu bằng đồng), 20 súng máy, 200 súng trường cùng nhiều đạn dược, thuốc súng, tiền, gạo dự trữ. Ngày 21/3/1884, quân Pháp rút về thành Bắc Ninh.

Sau khi quân Pháp rút, triều đình Huế cử Dương Thành Lập (nguyên Án sát tỉnh Hà Tĩnh) làm Tuần phủ cùng với Bố chánh Vũ Giốc và Án sát Triệu Đức Vọng cai trị tỉnh Thái Nguyên.

Theo đuổi dã tâm đánh chiếm Thái Nguyên, ngày 15/4/1884, từ Đa Phúc, quân Pháp tiến đánh thành Thái Nguyên lần thứ 2. Bị quân ta chặn đánh ở Lưu Xá, nên đến chiều ngày 16/4/1884, quân Pháp mới đến được gần thành. Chúng dùng pháo binh và các hỏa lực mạnh yểm trợ cho bộ binh tấn công. Quân ta chiến đấu kiên cường, đẩy lùi nhiều đợt tấn công của địch. Tuy nhiên, do tương quan lực lượng chênh lệch, cuối cùng quân Pháp đã chiếm được thành Thái Nguyên. Quân ta rút khỏi thành và tổ chức bao vây, cắt đứt các đường tiếp tế của quân Pháp. Do thiếu lương thực, thực phẩm, nên ngày 19/4/1884, quân Pháp phải rút khỏi thành, về Bắc Ninh.

Sau 2 lần đánh chiếm nhưng không giữ nổi thành, ngày 10/5/1884, quân Pháp tổ chức đánh chiếm thành Thái Nguyên lần thứ 3. Quân và dân Thái Nguyên chiến đấu dũng cảm, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Tuy nhiên, do tương quan lực lượng, quân ta phải rút lui; thành Thái Nguyên bị quân Pháp chiếm đóng. Từ đó, chúng tỏa ra càn quét, chiếm đóng các huyện khác trong tỉnh.

⁽¹⁾ Quân “Cờ đen” là tàn quân của cuộc khởi nghĩa nông dân Thái bình thiên quốc ở 2 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây (Trung Quốc) do Lưu Vĩnh Phúc chỉ huy.

Tỉnh lỵ Thái Nguyên lúc đó nằm trên diện tích không rộng, là nơi đặt bộ máy kìm kẹp của thực dân Pháp và tay sai. Đó là dinh Công sứ, dinh Tuần phủ, huyện đường Đồng Hỷ, trại lính, nhà tù, ty cảnh sát và nhiều công sở khác. Nhân dân Thái Nguyên sống nghệt thở bởi các công cụ bạo lực của chính quyền thực dân, phong kiến.

Nhằm đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân, thực dân Pháp tập trung ở tỉnh lỵ một lực lượng quân sự gồm 200 lính Âu tinh nhuệ và hơn 200 lính khố xanh, khố đỏ. Ngoài ra còn có gần 200 cảnh sát và lính cơ để bảo vệ các công sở (chưa kể các lực lượng có vũ trang nằm trong các sở Kiểm lâm, Thuế quan).

Cùng với bộ máy cai trị, đàn áp, thực dân Pháp ra sức vơ vét, bóc lột nhân dân ta. Nguồn thu lớn nhất cho ngân sách của chính quyền thực dân thời gian này là thuế các loại. Tính trong toàn tỉnh, năm 1931 với hơn 8 vạn dân, thực dân Pháp đã bòn rút tới 386.443 đồng tiền thuế⁽¹⁾.

Bằng mọi thủ đoạn, thực dân Pháp tìm cách tăng nhanh mức thuế các loại để đáp ứng các khoản chi tiêu và bù đắp sự hao hụt trong cơn khủng hoảng kinh tế. Riêng thuế điền, chính quyền thực dân lập Sở Điền bạ để “xác định quyền sở hữu ruộng”, thực chất là tăng không diện tích bất dân phải chịu. Bởi vậy, trong khoảng thời gian 10 năm (1920 - 1930), thuế trực thu (thuế thân và thuế điền) tăng hơn 2 lần. Từ năm 1931, để bù đắp sự hao hụt trong ngân sách Đông Dương, thực dân Pháp bổ sung thêm 15% khoản phụ thu vào thuế thân và thuế điền. Tại tỉnh lỵ Thái Nguyên, thuế thân tăng 2,5 lần, thuế thổ trạch tăng 2,6 lần so với năm 1920.

Để dễ bề cai trị, thực dân Pháp và phong kiến tìm mọi cách kìm hãm nhân dân trong vòng ngu dốt. Trên địa bàn thị xã, chúng mở 1 trường kiêm bị con trai và 1 trường kiêm bị con gái. Bởi vậy, tuyệt đại

(1) Số tiền trên tương đương với 15.457,7 tấn thóc, theo giá đương thời (25 đồng/tấn).

đa số con em nhân dân lao động không được cấp sách đến trường học. Nạn mê tín dị đoan cùng với các tệ nạn rượu chè, cờ bạc, nghiện hút thuốc phiện... tự do phát triển.

Việc chăm lo, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân không được chính quyền thực dân, phong kiến quan tâm. Thị xã Thái Nguyên lúc đó chỉ có 1 nhà thương, gồm 1 khu đàn ông (30 giường), 1 khu đàn bà (30 giường), 1 phòng khám bệnh, 1 phòng pha chế thuốc, 1 phòng thí nghiệm nhỏ⁽¹⁾. Vì thế, các dịch bệnh thường xảy ra, đe dọa sức khỏe và tính mạng của nhân dân.

Sống dưới thời Pháp thuộc, đời sống của nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân thị xã Thái Nguyên nói riêng, hết sức cơ cực. Đó chính là nguyên nhân cơ bản dẫn đến các phong trào đấu tranh ngày càng quyết liệt của nhân dân để giành độc lập, tự do.

Trong những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nhân dân các dân tộc trên địa bàn thành phố Thái Nguyên (ngày nay) tích cực giúp đỡ nghĩa quân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Thực dân Pháp đã phải thừa nhận: “*Toàn bộ vùng ven Thái Nguyên đều quy thuộc Đề Thám và có thái độ chống đối rõ rệt nhà cầm quyền Pháp và bản xứ*”⁽²⁾.

Để ngăn chặn và đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân ta, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, thực dân Pháp đã xây dựng 37 đồn binh trải ra khắp các phủ, huyện, châu. Riêng tại tỉnh lỵ Thái Nguyên nhỏ hẹp lúc đó, thực dân Pháp đã xây dựng 2 trại lính (1 trại lính Pháp và 1 trại lính khổ xanh).

Không cam chịu cuộc sống nô lệ, nhân dân tỉnh lỵ Thái Nguyên đã liên tiếp nổi dậy đấu tranh chống thực dân Pháp; tiêu biểu là cuộc

(1) Echinard: *Tiểu chí Thái Nguyên* - Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

(2) Dẫn theo: *Lịch sử Việt Nam - Tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr.79.

khởi nghĩa Thái Nguyên nổ ra đêm 30 rạng ngày 31/8/1917, do Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo⁽¹⁾.

Sau khi giết chết tên Giám binh Nộn và Phó quản Lạp, phá nhà tù, giải phóng tù nhân, đánh chiếm toà Công sứ vào đêm 30/8, sáng 31/8/1917, nghĩa quân tiếp tục đánh chiếm Toà án, Nhà đòa, kho vũ khí... Nghĩa quân phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt Quốc hiệu là Đại Hùng, định Quốc kì nền vàng 5 ngôi sao đỏ, kêu gọi nhân dân tham gia khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân phát triển lên tới 623 người (gồm 131 lính khổ xanh, 180 tù chính trị, 312 công nhân và nông dân).

⁽¹⁾ Trịnh Văn Cấn tên thật là Trịnh Văn Đạt, sinh năm 1881, quê ở làng Yên Nhiên (còn gọi là làng Nhàn), tổng Thượng Trưng, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây (nay là xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc), bị bắt làm lính khổ xanh từ lúc còn rất trẻ và từ năm 1910 bị điều động lên đóng quân ở nhiều nơi trên đất Thái Nguyên. Khi buộc phải cầm súng đi đàn áp khởi nghĩa Yên Thế, ông đã cảm phục và chịu ảnh hưởng của nhiều tấm gương anh hùng, bất khuất của nghĩa quân Đề Thám, càng nung nấu thêm ý chí đánh thực dân cứu nước.

Lương Ngọc Quyến, hiệu là Lương Lập Nham, con trai thứ hai của Lương Văn Can - người sáng lập Đông Kinh nghĩa thực, sinh năm 1885 ở phố Hàng Đào (Hà Nội). Năm 1905, ông sang Nhật học và sau đó tốt nghiệp vào loại ưu ở Trường Chấn Võ học hiệu. Năm 1908, ông bị Nhật trục xuất, về Trung Quốc vào học Trường Quân nhu học hiệu Quảng Đông, rồi Trường Sĩ quan học hiệu Bắc Kinh. Từ năm 1911 đến năm 1913, ông phục vụ trong quân đội Trung Quốc với quân hàm Thiếu tá. Năm 1912, ông tham gia thành lập Việt Nam Quang phục hội, phụ trách Ban Quân vụ. Sau vụ Việt Nam Quang phục hội đánh bom khách sạn Hà Nội năm 1913, ông bị thực dân Pháp kết án tù hình vắng mặt. Cuối năm 1914, ông bị cảnh sát bắt tại Hương Cảng dẫn độ cho các nhà đương cục Pháp ở Quảng Châu đưa về Việt Nam xét xử. Đầu năm 1915, ông bị thực dân Pháp kết án chung thân cầm cố, giam tại nhà tù Hòa Lò (Hà Nội), sau đó là các nhà tù Sơn Tây, Cao Bằng, Phú Thọ... Tháng 7/1916, ông bị đưa về giam tại nhà tù Thái Nguyên lúc đó có 200 tù nhân, phần lớn là tù chính trị... Tại đây, ông bị Công sứ Darles cho cai ngục đâm thủng bàn chân, luồn dây thép vào khóa lại và bị nhốt trong xà lim suốt ngày đêm. Ông đã gặp và giác ngộ Đội Cấn. Hai người đã bàn bạc kế sách vận động, tập hợp binh lính người Việt ở tỉnh lỵ Thái Nguyên nổi dậy khởi nghĩa lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp.

Ngay sau khi nhận được tin cấp báo, thực dân Pháp ở Hà Nội đã huy động 2.000 quân lên đàn áp cuộc khởi nghĩa. Nghĩa quân chống cự quyết liệt trong suốt 4 ngày liền. Tuy nhiên, nghĩa quân cũng bị tổn thất nặng nề. Lương Ngọc Quyến trong lúc chỉ huy chiến đấu, đã hi sinh anh dũng.

Sau một tuần làm chủ tỉnh lỵ, do tương quan lực lượng quá chênh lệch, Đội Cấn quyết định rút lui, qua các tỉnh: Vĩnh Yên, Phúc Yên để tránh sự truy lùng của kẻ thù. Đến tháng 10/1917, nghĩa quân trở lại Thái Nguyên với lực lượng đã giảm sút rất nhiều, chỉ còn lại 40 người. Bị quân địch truy kích ráo riết, nghĩa quân lâm vào thế hiểm nghèo. Đội Cấn cùng một số ít nghĩa quân cầm cự với giặc ở vùng núi Pháo huyện Đại Từ. Do bị thương rất nặng và nhận thấy không còn khả năng chống cự, ngày 5/1/1918, Đội Cấn đã tự sát để giữ trọn khí tiết. Cuộc khởi nghĩa bị dập tắt.

Khởi nghĩa Thái Nguyên tồn tại trong khoảng 6 tháng. Đây là cuộc khởi nghĩa lớn nhất, chiến đấu dẻo dai nhất trong thời gian Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918). Tuy cuối cùng thất bại, nhưng cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên có sức cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục vững bước trên con đường đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, chấm dứt thời kì khủng hoảng về lãnh đạo, bế tắc về đường lối trong phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta. Vừa mới ra đời, Đảng đã kịp thời tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng sâu rộng trong cả nước, đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Những sự kiện trên có tác động mạnh mẽ đến nhân dân các dân tộc Thái Nguyên. Bất chấp sự đàn áp, khủng bố của thực dân Pháp, người dân Thái Nguyên vẫn một lòng hướng về phong trào cách mạng dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tiêu biểu cho

tin thần đó là đồng chí Triệu Thị Đình⁽¹⁾ - người con của xóm Chùa, xã Đồng Mỗ, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ (nay là tổ 5, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên), đã giác ngộ lí tưởng cộng sản và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam trong năm 1930.

Vượt qua thời kì khủng bố trắng của thực dân Pháp và tay sai (1932 - 1935), trong những năm 1936 - 1939, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh lại bùng lên mạnh mẽ, rộng khắp, dưới nhiều hình thức phong phú, nhằm đòi các quyền tự do, dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân, gây được những ảnh hưởng nhất định trong các tầng lớp nhân dân thị xã Thái Nguyên. Tại tỉnh lỵ Thái Nguyên, giữa năm 1937, một số phạm nhân ở nhà tù Thái Nguyên đấu tranh trực diện với quan Thống sứ Bắc Kỳ, phản đối chế độ nhà tù hà khắc. Kết quả, Thống sứ Bắc Kỳ buộc phải ra lệnh cho cấp dưới không được đánh đập tù nhân. Tuy những ảnh hưởng đó chưa mạnh mẽ, chưa tập hợp được quần chúng vào những tổ chức cách mạng, nhưng nó là bước chuẩn bị về mặt tư tưởng cho nhân dân thị xã tham gia vào phong trào giải phóng dân tộc trong những năm sau này.

Ngày 1/9/1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Hai ngày sau (3/9), nước Pháp tham chiến. Thực dân Pháp ở Đông Dương tăng cường bộ máy đàn áp, ban bố lệnh thiết quân luật; giải tán các hội ái hữu và nghiệp đoàn, đóng cửa hàng loạt báo chí cách mạng và tiến

⁽¹⁾ Đồng chí Triệu Thị Đình sinh ngày 24/12/1912. Tháng 6/1930, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, công tác tại Xứ ủy Bắc Kỳ. Ngày 24/3/1931, đồng chí bị mật thám Pháp bắt tại Ngõ Đá, phố Cầu Đất (Hải Phòng) cùng các đồng chí: Lê Duẩn, Trịnh Đình Cửu, Lê Thị Chắt...; bị tòa án thực dân xử tù chung thân. Tháng 10/1936, đồng chí được trả tự do, tham gia Ban Quản trị các báo *Bạn Dân*, *Thế Thời*, *Tin Tức*... Tháng 9/1939 và tháng 8/1941, hai lần đồng chí bị địch bắt, tra tấn rất dã man. Từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công (1945) đến khi nghỉ hưu (1970), đồng chí đảm nhận nhiều công việc ở các cơ quan Trung ương và tỉnh Thái Nguyên. Đồng chí đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương; được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng. Đồng chí Triệu Thị Đình từ trần ngày 23/9/2007 tại Hà Nội.

bộ... Những quyền lợi mà nhân dân ta đấu tranh giành được trong những năm 1936 - 1939 đều bị thủ tiêu.

Tháng 6/1940, Pháp đầu hàng Đức, nước Pháp bị quân đội phát xít Hitle chiếm đóng. Nhân cơ hội đó, ngày 22/9/1940, phát xít Nhật cho quân vượt qua biên giới Việt - Trung, đánh chiếm Lạng Sơn, đổ bộ lên Đồ Sơn, ném bom Hải Phòng. Khi quân Nhật đánh chiếm Lạng Sơn, đại bộ phận quân Pháp đầu hàng, một bộ phận hoảng sợ, tháo chạy theo Đường 1B về hướng Thái Nguyên. Chớp thời cơ, ngày 27/9/1940, một số chiến sĩ Cộng sản vừa thoát khỏi nhà tù của thực dân Pháp ở Lạng Sơn, cùng với tổ chức đảng ở Bắc Sơn (Lạng Sơn) phát động nhân dân khởi nghĩa. Đội du kích Bắc Sơn và Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai ra đời, có ảnh hưởng mạnh mẽ tới các tầng lớp nhân dân và phong trào cách mạng ở thị xã Thái Nguyên⁽¹⁾.

Năm 1941, thực dân Pháp lập Căng Bá Vân (nằm trên địa bàn xã Bá Sơn, huyện Đồng Hỷ - nay là xã Bình Sơn, thành phố Sông Công) ở phía tây nam thị xã Thái Nguyên để giam giữ các chiến sĩ Cộng sản. Có sự chỉ đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ, các đảng viên Cộng sản ở Chi bộ Căng Bá Vân đã tuyên truyền, vận động, xây dựng cơ sở và phong trào cách mạng trong quần chúng ở các xã Bá Vân, Tân Cương. Phong trào cách mạng từ các xã Bá Vân, Tân Cương phát triển tới xã Đồng Quang và lan sang xã Quang Vinh. Tại xóm Phú Thái, xã Đồng Quang (nay khu vực xóm Phú Thái thuộc phường Tân Thịnh), một trạm liên lạc đã được xây dựng làm đầu mối giao thông liên lạc giữa Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai với Xứ ủy Bắc Kỳ ở dưới xuôi⁽²⁾.

⁽¹⁾ Ngày 23/4/1938, Thống sứ Bắc Kỳ ban hành Nghị định số 2046-1 thành lập thị xã Thái Nguyên.

⁽²⁾ Hồi ký của đồng chí Nguyễn Văn Quý đảng viên ở xã Quyết Thắng, Đồng Hỷ, Bắc Thái Nói về hoạt động cách mạng ở Vân Xuyên, Hiệp Hòa (Bắc Giang) và Quyết Thắng, Đồng Hỷ, Thái Nguyên ghi “Tháng Giêng âm lịch 1940, tôi lên làm tá điền, đồn điền Kép Le. Do yêu cầu công tác liên lạc của xứ ủy để nắm được tình hình phong trào cách mạng ở Bắc Sơn, Đình Cả và là trạm lên Bắc Sơn hoặc về cơ quan xứ ủy ở xuôi, để bảo vệ xứ ủy và giữ bí mật cơ sở, tháng 8-1940, anh Vi, anh

Tháng 1/1942, ở thị xã Thái Nguyên đã xuất hiện cờ đỏ sao vàng, truyền đơn và biểu ngữ chống Pháp. Hướng về Bắc Sơn - Võ Nhai, nhân dân thị xã Thái Nguyên đã quyên góp tiền bạc, thuốc men ủng hộ Cứu quốc quân chống địch khủng bố.

Từ cuối năm 1944 đầu năm 1945, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển rộng khắp. Trong khi đó, Chiến tranh thế giới thứ hai sắp bước vào giai đoạn kết thúc, phe phát xít thất bại ở nhiều nơi. Tại Đông Dương, mâu thuẫn vốn có giữa Nhật và Pháp trở nên sâu sắc, dẫn đến cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp vào đêm 9/3/1945.

Tin Nhật đảo chính đã làm cho quân Pháp và tay sai ở Thái Nguyên hoang mang, lo sợ. Sáng 10/3/1945, Phó Công sứ vội vã cho xe ô tô chở binh lính và vũ khí theo Đường 13A rút chạy sang Tuyên Quang. Đến Đèo Khế (Km33), bị Cứu quốc quân chặn đánh, tiêu diệt và làm bị thương hàng chục tên, buộc chúng phải quay trở lại nơi xuất phát.

Chiều ngày 10/3/1945, từ Hà Nội, quân Nhật theo Quốc lộ 3 lên đánh chiếm thị xã Thái Nguyên. Bọn quan chức dân sự Pháp cùng bè lũ tay sai, dưới quyền chỉ huy của Phó Công sứ vác cờ trắng xuống tận Gia Sàng đón quân Nhật. Vào thị xã, quân Nhật nhanh chóng chiếm đóng các công sở, bắt giữ các quan chức cai trị người Pháp và lập chính quyền tay sai thân Nhật. Một số quan chức người Việt đã từng làm tay sai cho thực dân Pháp, quay sang ôm chân Nhật, tiếp tục khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng.

Dưới ánh sáng của Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* (12/3/1945) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng,

Mạnh và anh Lục Hải đã họp ở nhà anh Thắng, giao nhiệm vụ cho chị Đảng, được anh Quý ở nhà anh Hải Long lên đặt trạm liên lạc ở nhà tôi (xóm Phú Thái)... Nhà tôi chỉ là trạm cho cán bộ qua lại còn việc giao dịch cái gì thì tôi không được biết vì không được giao nhiệm vụ, chỉ có một lần xức ỳ gửi quần áo cho du kích Bắc Sơn, Bắc Sơn chưa về nhận thì có gửi lại nhà tôi. Tôi chỉ làm nhiệm vụ đưa đường trong phạm vi gần...".

phong trào cách mạng ở thị xã Thái Nguyên và vùng phụ cận vẫn tiếp tục phát triển. Cơ sở và phong trào cách mạng được xây dựng và mở rộng ở các xã thuộc tổng Xuân Kiêu. Các đoàn thể Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh được xây dựng và phát triển nhanh chóng.

Nhân dân các xã Tân Cương, Phúc Xuân... đấu tranh chống phu, chống thuế. Hầu hết các cuộc đấu tranh được tổ chức công khai, vừa có tác dụng tuyên truyền, giáo dục quần chúng rộng rãi; vừa góp phần làm thất bại chính sách bóc lột của phát xít Nhật.

Trước khí thế cách mạng sôi sục của quần chúng, nhiều chức dịch trong bộ máy chính quyền tay sai Nhật không dám hoạt động, một số ngả về phía cách mạng. Hệ thống chính quyền tay sai Nhật ở cấp cơ sở gần như bị tê liệt.

Những sự kiện trên có sức cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc thị xã Thái Nguyên. Khoảng cuối tháng 6/1945, một nhóm thanh niên yêu nước ở thị xã Thái Nguyên tự động lên căn cứ Võ Nhai để được tham gia cách mạng. Sau khi xác minh nhóm thanh niên này là những thanh niên yêu nước, các đồng chí: Hoàng Thế Thiện, Đào An Thái (cán bộ phụ trách Đội Tuyên truyền vũ trang châu Võ Nhai) đã mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho họ về các vấn đề: Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam; Tổ chức và nhiệm vụ các đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh; Công tác tuyên truyền và tổ chức các hội quần chúng cách mạng; Động tác chiến đấu từ cá nhân đến tiểu đội. Sau lớp huấn luyện và được giao nhiệm vụ, số thanh niên này trở về thị xã hoạt động rất tích cực.

Vào trung tuần tháng 8/1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc bằng thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và phe Đồng minh. Sự kiện phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện đã làm cho quân đội Nhật ở Đông Dương và tay sai hoang mang, dao động cực điểm.

Chớp thời cơ ngàn năm có một, ngay trong đêm 13/8/1945, từ Tân Trào, bản Quân lệnh số 1 được phát trong cả nước, kêu gọi toàn dân Việt Nam nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Chiều ngày 16/8/1945, một đơn vị Việt Nam Giải phóng quân, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Thị xã Thái Nguyên là một đô thị lớn có nhiều đồn trại, nhà ở kiên cố và có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất so với các tỉnh trong Khu Giải phóng. Quân Nhật đã biến thị xã Thái Nguyên thành cứ điểm mạnh, án ngữ cửa ngõ phía nam Khu Giải phóng, ngăn làn sóng cách mạng tràn xuống trung châu. Lúc này, trong thị xã có 120 lính Nhật do tên quan Tư chỉ huy; trong số đó, có từ 60 đến 70 lính đóng tại Trại lính khố xanh cũ và dinh Công sứ Pháp trên đồi cao, có công sự kiên cố. Số còn lại đóng ở các điểm lẻ trong những ngôi nhà gạch lớn, được xây dựng kiên cố, như nhà Gôchiê, Ty Liêm phóng, kho gạo và đồn điền Gia Sàng. Ngoài lính Nhật, còn có khoảng 400 lính bảo an, hơn 100 lính cơ đóng ở Trại lính Tây cũ, bảo vệ dinh Tỉnh trưởng, Huyện trưởng Đồng Hỷ.

Giải phóng thị xã Thái Nguyên vừa là yêu cầu cấp thiết mở đường cho Quân Giải phóng tiến về giải phóng Hà Nội, vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên nói chung, thị xã Thái Nguyên nói riêng.

Sau khi nhận được lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, đa số tự vệ vũ trang các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ và châu Võ Nhai đã tiến về các vùng phụ cận thị xã sẵn sàng phối hợp với Quân Giải phóng đánh Nhật. Ngày 16/8/1945, tự vệ các xã vùng tây nam huyện Đồng Hỷ đã tập kết tại làng Bình Định (nay thuộc xã Bình Sơn, thành phố Sông Công).

Ngày 18/8/1945, tổ Việt Minh ở thị xã do đồng chí Nguyễn Thế Nhang phụ trách đã họp với một số thanh niên trung kiên bàn việc

chuẩn bị đánh Nhật, quyết định các nhiệm vụ chủ yếu: Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực đóng góp nhân lực, vật lực cho Quân Giải phóng; Vạch trần tội ác và trừng trị những tên Việt gian, phản động có nhiều nợ máu với nhân dân.

Sau cuộc họp, Ban Tiếp tế thị xã được thành lập, gồm các đồng chí: Bạch Thị Tân, Nguyễn Thị Tư, Nguyễn Thị Soàng... Ban Tiếp tế thị xã tích cực vận động nhân dân các phố ủng hộ lương thực, thực phẩm, nấu cơm, nước tiếp tế cho Quân Giải phóng. Đêm 18/8/1945, Trung đội tự vệ vũ trang tuyên truyền châu Võ Nhai do đồng chí Hoàng Thế Thiện chỉ huy, cùng tự vệ và nhân dân các xã vùng đông bắc huyện Đồng Hỷ tập trung tại xã Đồng Bầm. Đại đội tự vệ huyện Phú Bình vượt nước lũ sông Cầu tiến lên thị xã Thái Nguyên.

Khoảng 5 giờ sáng ngày 19/8/1945, từ Đồng Bầm, đông đảo nhân dân các xã Hoá Trung, Cao Ngạn, Hóa Thượng, Đồng Giang, Đồng Bầm (huyện Đồng Hỷ) với gậy gộc, giáo, mác, câu liêm trong tay, do cán bộ, chiến sĩ Trung đội tự vệ chiến đấu châu Võ Nhai dẫn đầu rầm rập tiến qua cầu Gia Bầy vào thị xã Thái Nguyên. Nhân dân thị xã Thái Nguyên mang băng, cờ, khẩu hiệu tập trung tại đầu cầu Gia Bầy hoà nhập cùng đoàn người từ Đồng Bầm tới, tiến vào trung tâm thị xã tuần hành, thị uy, biểu dương lực lượng qua các đường phố chính. Từ các phố, nhân dân thị xã Thái Nguyên tiếp tục đổ xuống đường, hòa vào đoàn người biểu tình, hô vang các khẩu hiệu: *Đả đảo phát xít Nhật! Ủng hộ Việt Minh!* Tiếp đó, nhân dân thị xã lùng bắt và trừng trị những tên Việt gian, tay sai của Nhật; đóng góp lương thực, thực phẩm ủng hộ cách mạng; dựng chiến lũy, đào đắp công sự chiến đấu chuẩn bị đón Quân Giải phóng tiến vào thị xã Thái Nguyên đánh Nhật.

Về phía Quân Giải phóng, sau 3 ngày hành quân, khoảng 13 giờ ngày 19/8/1945, đơn vị tập kết tại xã Thịnh Đán (huyện Đồng Hỷ), cách trung tâm thị xã Thái Nguyên trên 4 km về phía tây. Tổ Việt

Minh thị xã Thái Nguyên cử đại diện đến báo cáo Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng về tình hình địch, tình hình nhân dân trong thị xã; đồng thời giao nhiệm vụ cho một số chiến sĩ tự vệ và thanh niên Cứu quốc làm liên lạc, dẫn đường cho Quân Giải phóng.

Lực lượng Quân Giải phóng chia làm 3 bộ phận: Một bộ phận chủ công là Đại đội Việt - Mĩ⁽¹⁾ do đồng chí Đàm Quang Trung chỉ huy được tăng cường thêm Trung đội hỏa lực do đồng chí Nguyễn Hồng An làm Trung đội trưởng⁽²⁾, có nhiệm vụ bao vây, tiến công quân Nhật ở đồi Chánh sứ, Trại lính khổ xanh và biệt thự Gôchiê. Bộ phận này được trang bị hỏa lực mạnh (gồm súng cối, badôca và súng tiểu liên). Một bộ phận do Đại đội trưởng Đào Mạnh Vy (tức Thế Anh) chỉ huy, có nhiệm vụ bao vây, bức hàng lính bảo an ở Trại lính Tây cũ, khu Đề lao, dinh Tỉnh trưởng Thái Nguyên, dinh Huyện trưởng Đồng Hỷ. Một bộ phận (dự bị) do Đại đội trưởng Đàm Quốc Chung chỉ huy, có nhiệm vụ bảo vệ Sở Chỉ huy chiến đấu (đặt tại đình Hàng Phố), bảo vệ Sở Chỉ huy Hậu cần (đặt tại nhà Chủ sự Nhà Đền) và sẵn sàng chi viện cho 2 bộ phận trên.

Cũng trong ngày 19/8/1945, lực lượng tự vệ Phú Bình cùng với Tiểu đội tự vệ tổng Xuân Kiều có sự phối hợp của tự vệ Cam Giá, Tích Mễ đánh chiếm đồn điền Gia Sàng, trừng trị tên Bécna Ngọc - tay sai của Nhật, chốt giữ cửa ngõ Đông Nam huyện Đồng Hỷ, cắt đứt con đường liên lạc của Nhật từ Thái Nguyên đi Hà Nội.

Rạng sáng ngày 20/8/1945, đồng chí Đoàn Sáp (tự vệ thị xã) dẫn 1 tiểu đội Quân Giải phóng đánh chiếm Nhà máy Nước, bắt sống 5 lính bảo an, thu 5 súng, sau đó phối hợp đánh địch ở đồi Chánh Sứ; 4 giờ sáng, các đại đội Quân Giải phóng chiếm lĩnh xong trận địa chiến đấu. Khoảng 5 giờ 30 phút, Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng gửi tối hậu

(1) Trong đại đội có 6 quân nhân Mĩ do Thiếu tá Tômát chỉ huy.

(2) Đồng chí Nguyễn Hồng An sau này là Tỉnh đội trưởng Thái Nguyên, Tỉnh đội trưởng Bắc Thái (từ năm 1955 đến năm 1970).

thư cho Tỉnh trưởng Bùi Huy Lượng, yêu cầu phải trao chính quyền cho Ủy ban Khởi nghĩa. Nhận tối hậu thư, Bùi Huy Lượng không trả lời, cố tình kéo dài thời gian. Trung đội trưởng Lương Thịnh dẫn đầu 1 trung đội Quân Giải phóng tấn công vào dinh Tỉnh trưởng, bắt Bùi Huy Lượng, Quản Khiêm (chỉ huy bảo an) và toàn bộ trung đội bảo vệ dinh; buộc Quản Khiêm ra lệnh cho tất cả lính bảo an đầu hàng, nộp vũ khí cho Quân Giải phóng. Hầu hết lính bảo an tuân theo lệnh của Quân Giải phóng, giao nộp gần 600 súng trường, một số súng máy và đạn dược. Chiều 20/8, hơn 400 lính bảo an tập hợp nghe Chỉ huy trưởng Quân Giải phóng giải thích đường lối cứu nước và chính sách khoan hồng của Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam. Hơn 60 lính bảo an tự nguyện tham gia Quân Giải phóng, đánh Nhật; số còn lại xin về quê làm ăn sinh sống, được lực lượng cách mạng cấp tiền ăn và giấy đi đường.

Sau khi giải quyết xong Trại bảo an binh, Quân Giải phóng tiến đánh quân Nhật ở Trại lính khổ xanh. Khoảng 7 giờ 30 phút, Quân Giải phóng nổ súng, diệt nhiều tên Nhật trong Trại. Sau 30 phút nổ súng, theo yêu cầu của Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng, Nhật cử đại diện ra thương lượng. Cuộc đàm phán kéo dài hơn một giờ đồng hồ. Phía Nhật viện cớ là sẽ nộp vũ khí cho Đồng minh, không thể giao cho Việt Minh, với ý đồ muốn kéo dài thời gian để chờ viện binh từ Hà Nội lên. Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng ra điều kiện cho phía Nhật: Nếu đến 14 giờ không trả lời, thì sẽ nổ súng. Để bảo đảm an toàn, Sở Chỉ huy Quân Giải phóng chuyển từ dinh Hàng Phố về Nhà Đèn thị xã. Đúng 14 giờ, quân Nhật không chấp hành tối hậu thư, Quân Giải phóng nổ súng, tiêu diệt 3 ổ đề kháng của chúng ở Ty Liêm phóng, kho gạo, nhà Gôchiê, thu toàn bộ vũ khí. Quân Nhật hoàn toàn bị vây hãm trong trại.

Trong khi đó, các tầng lớp nhân dân thị xã Thái Nguyên và vùng phụ cận, không phân biệt già, trẻ, trai, gái đã hăng hái đào hào, đắp lũy, tải lương, tiếp tế cơm, nước, đạn dược cho Quân Giải phóng và tự

vệ ngay tại trận địa. Một số cán bộ, chiến sĩ Quân Giải phóng và tự vệ chiến đấu bị thương được kịp thời đưa vào Nhà thương Thái Nguyên cứu chữa.

Chiều 20/8/1945, tại cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở sân vận động thị xã, đồng chí Võ Nguyên Giáp - thay mặt Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, tuyên bố xoá bỏ chính quyền của Nhật và tay sai, thành lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên, do đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch.

Sáng 21/8/1945, Quân Giải phóng tiếp tục bao vây, nổ súng bắn vào các vị trí chiếm đóng của quân Nhật và gọi loa kêu gọi quân Nhật đầu hàng. Ngày 22/8/1945, quân Nhật vẫn ngoan cố, không chịu đầu hàng, súng hai bên vẫn tiếp tục nổ lẻ tẻ trong thị xã.

Tối 22/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Tân Trào về đến thị xã Thái Nguyên. Mặc dù chưa khỏi bệnh, nhưng ngay tối hôm đó, Người gặp các cán bộ lãnh đạo tỉnh để nghe báo cáo tình hình, đồng thời căn dặn những việc cần làm của chính quyền cách mạng còn non trẻ.

Sau khi chính quyền tỉnh được thành lập, Quân Giải phóng tiếp tục bao vây quân Nhật. Các đoàn thể Cứu quốc thị xã vừa mới được tổ chức, bắt tay ngay vào hoạt động. Phụ nữ thị xã lo tiếp tế cơm nước cho Quân Giải phóng; thanh niên, công nhân nhà máy điện, học sinh, viên chức và nhân dân ngả cây to, khiêng bàn tủ, lật xe bò, xe ngựa xuống đường làm chướng ngại vật cản giặc. Các em thiếu niên kiên cường vừa sát cánh với cha, anh đánh địch, vừa đảm nhiệm xuất sắc công tác thông tin liên lạc. Giương dũng cảm chiến đấu, hi sinh của các em đã góp phần cổ vũ quân và dân thị xã xông lên diệt địch. Sau ngày giải phóng, 5 thiếu niên đã được Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh khen ngợi. Nhân dân thị xã quý mến tặng các em danh hiệu *5 tiểu anh hùng*.

Bị quân và dân thị xã siết chặt vòng vây, quân Nhật không có lương ăn và thiếu nước uống nghiêm trọng. Quân Giải phóng vừa tiến công vừa làm công tác địch vận. Ngày 24/8, phía Nhật đề nghị gặp đại

diện Quân Giải phóng và chịu nhận một số điều kiện: Giao nộp vũ khí ở các đồn lẻ Hùng Sơn (Đại Từ), Phấn Mễ, Giang Tiên (Phú Lương), Đá Gân, Phương Độ (Phú Bình), La Hiên (Võ Nai) cho Quân Giải phóng. Riêng số vũ khí của lính ở thị xã, Nhật xin lùi lại một thời gian để xin lệnh cấp trên, chịu “án binh bất động” không can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân Việt Nam. Được Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng chấp thuận, ngay sau đó, viên sĩ quan Nhật đưa đoàn cán bộ cách mạng, do đồng chí Lê Trung Đình phụ trách, đến các đồn lẻ tiếp nhận vũ khí của chúng, còn binh lính đưa về tập trung tại thị xã.

Ngày 25/8/1945, phái viên của Bộ Tư lệnh Nhật cùng phái viên Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc từ Hà Nội lên Thái Nguyên để giải quyết, tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật. Ngày 26/8/1945, sau khi nộp lại toàn bộ vũ khí cho Quân Giải phóng, quân Nhật rút về Hà Nội⁽¹⁾. Tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn được giải phóng.

Ngày 28/8/1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở sân vận động thị xã; Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh chính thức làm lễ ra mắt trước sự chứng kiến của hàng vạn dân chúng từ các huyện trong tỉnh về dự. Trong niềm vui chiến thắng, mọi người hô vang các khẩu hiệu, thể hiện ý chí quyết tâm bảo vệ chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng.

Cùng thời gian trên, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước kết thúc thắng lợi. Ngày 2/9/1945, tại cuộc mít tinh được tổ chức ở Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh - thay mặt Chính phủ lâm thời, đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, chính thức tuyên bố trước toàn thể quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

⁽¹⁾ Theo: Hồi kí *Những ngày đầu giữ chính quyền* của đồng chí Ma Đình Tương (nguyên Phó Chủ tịch tỉnh Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời Thái Nguyên).

Cách mạng Tháng Tám thành công đã đưa dân tộc Việt Nam bước vào kỉ nguyên mới: Kỉ nguyên độc lập, tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Nước Việt Nam từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, trở thành một nước độc lập, có chủ quyền. Cũng từ đây, nhân dân các dân tộc thị xã Thái Nguyên cùng với nhân dân cả nước bước vào thời kì mới.

Sau ngày giành chính quyền, trong hoàn cảnh chung của cả nước, cán bộ và nhân dân thị xã Thái Nguyên đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách. Trận lụt lớn xảy ra hồi tháng 8/1945 vừa dứt, thì hạn hán lại đến, kéo dài, gây thiệt hại nặng nề cho lúa và hoa màu; ruộng đồng bỏ hoang. Các ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp bị đình trệ, hàng hóa trên thị trường rất khan hiếm. Hậu quả của nạn đói do Nhật - Pháp gây ra đầu năm 1945 chưa được khắc phục, thì nguy cơ nạn đói mới xuất hiện. Tình trạng thiếu lương thực, “*đứt bữa*” trong các gia đình xảy ra khá phổ biến. Đại đa số nhân dân lao động trong thị xã đều không biết chữ, trình độ nhận thức rất hạn chế, gây cản trở đến việc xây dựng chính quyền và tham gia các hoạt động chung. Một số hủ tục và tệ nạn xã hội còn tồn tại ở nhiều nơi. Trong khi “*giặc đói*”, “*giặc dốt*” chưa được giải quyết thì nhân dân và chính quyền cách mạng non trẻ ở thị xã lại phải đối phó với giặc ngoại xâm.

Núp dưới danh nghĩa đại diện lực lượng Đồng minh vào miền Bắc Đông Dương giải giáp quân đội Nhật, khoảng đầu tháng 9/1945⁽¹⁾, hàng nghìn quân Trung Hoa Dân quốc vượt biên giới Việt - Trung tràn qua các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, huyện Đại Từ xuống chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thị xã Thái Nguyên và một số điểm

(1) Theo: Hồi kí *Những ngày đầu giữ chính quyền* của đồng chí Ma Đình Tương (nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên).

đọc Quốc lộ số 3 đến tận cầu Đa Phúc (huyện Phổ Yên). Chúng ngang nhiên cướp bóc, bắt nhân dân ta phải cung cấp lương thực, thực phẩm, tiêu tiền “*Quan kim*” đã mất giá trị; lôi kéo người Hoa, lập trụ sở “*Nam Dương Hoa kiều hiệp hội*”, xúi giục người Hoa đòi trở lại quốc tịch Trung Quốc và không thực hiện nghĩa vụ của người công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Theo chân quân Trung Hoa Dân quốc, các tổ chức tay sai Việt Quốc, Việt Cách cũng về nước, tăng cường các hoạt động chống phá bằng cách móc nối với những phần tử phản cách mạng, tuyên truyền lôi kéo quần chúng, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc...

Để đề phòng âm mưu chống phá của quân Trung Hoa Dân quốc và bè lũ tay sai, từ tháng 9/1945, các cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh và các đoàn thể quần chúng tạm thời di chuyển ra ngoài thị xã. Trong nội thị chỉ còn các đại diện của Mặt trận Việt Minh và Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh làm nhiệm vụ tổ chức, động viên nhân dân đấu tranh bảo vệ, củng cố chính quyền cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời thị xã tổ chức Hội nghị Cán bộ chính quyền, đoàn thể các xã, các khu phố trên địa bàn quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, để giải thích cho nhân dân hiểu và tiến hành cuộc đấu tranh vừa kiên quyết, vừa mềm dẻo, khôn khéo đối với quân Trung Hoa Dân quốc theo tinh thần bản Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* (25/11/1945) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trước tinh thần đoàn kết đấu tranh của cán bộ và nhân dân thị xã Thái Nguyên, từ giữa tháng 12/1945, quân Trung Hoa Dân quốc phải rút khỏi thị xã Thái Nguyên về xuôi.

Lực lượng tự vệ chiến đấu phối hợp với lực lượng công an và nhân dân thị xã đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống phản cách mạng, bắt hàng chục mật thám, chỉ điểm, đặc vụ của quân Trung Hoa Dân quốc;

những kẻ cầm đầu các tổ chức phản động (Nam Dương Hoa kiều hiệp hội, Đại Việt quốc gia liên minh...). Tuần phủ Cung Đình Vận - tay sai đắc lực của thực dân Pháp, khét tiếng gian ác, có nhiều nợ máu với nhân dân, đã bị Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử và tuyên án tử hình tại thị xã Thái Nguyên.

Trong khi đó, từ ngày 23/9/1945, nhân dân Nam Bộ buộc phải cầm vũ khí tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp để bảo vệ nền độc lập vừa mới giành được.

Thực hiện lời kêu gọi của Đảng: *Hi sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam*, phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến ở thị xã Thái Nguyên diễn ra sôi nổi. Băng, cờ, khẩu hiệu khẳng định chủ quyền của Việt Nam, phản đối thực dân Pháp xâm lược, được căng trên các đường phố chính. Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình phản đối thực dân Pháp gây chiến tranh xâm lược được tổ chức tại trung tâm thị xã, thu hút hàng ngàn người tham gia. Cuộc vận động quyên góp thuốc men, quần áo, tiền bạc ủng hộ đồng bào Nam Bộ được đông đảo nhân dân thị xã Thái Nguyên hưởng ứng. Trong một cuộc mít tinh lớn tổ chức tại trung tâm thị xã, đồng chí Nguyễn Thị Tư đã ủng hộ Nam Bộ kháng chiến 345 đồng (tương đương với 700 kg gạo). Tinh thần ủng hộ Nam Bộ kháng chiến của đồng chí Nguyễn Thị Tư đã cổ vũ mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân thị xã hăng hái tham gia cuộc vận động. Trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều phụ nữ, nhất là nữ thanh niên “*đã đi bán bánh và huy hiệu suốt ngày để lấy tiền giúp quỹ Nam Bộ*”⁽¹⁾. Đồng đảo thanh niên thị xã đã đến “*Phòng Nam Bộ*” ghi tên gia nhập các đơn vị Nam tiến để cùng với đồng bào Nam Bộ đánh giặc Pháp xâm lược.

Thực hiện đường lối vũ trang toàn dân, cùng với việc xây dựng các đơn vị Nam tiến, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời thị xã, tất cả các xã, khu phố trên địa bàn đều thành lập

⁽¹⁾ Theo báo *Cứu quốc* - Số 19/6/1946.

các tiểu đội, trung đội tự vệ chiến đấu. Tuy trang bị còn thô sơ, chủ yếu là giáo, mác, nhưng tinh thần tập luyện của cán bộ, chiến sĩ tự vệ chiến đấu thị xã rất hăng say. Công tác tuần tra, canh gác giữ gìn an ninh trật tự thường xuyên được duy trì. Lực lượng tự vệ thị xã còn kết hợp chặt chẽ với các lực lượng công an, tự vệ huyện Đồng Hỷ và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động phá hoại của các tổ chức phản động.

Để giải quyết các nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho nhân dân và ngăn chặn nạn đói có nguy cơ tái diễn, cán bộ, chiến sĩ tự vệ thị xã cùng với nhân dân các dân tộc trên địa bàn đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Trong khu vực nội thị, tận dụng từng tấc đất, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ tự vệ đã trồng nhiều loại cây thực phẩm, cây lương thực ngắn ngày. Ở các xã ngoại vi, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức đảng, chính quyền, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang thị xã đẩy mạnh phong trào khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích canh tác gieo cấy lúa và trồng rau, màu.

Hưởng ứng lời kêu gọi tiết kiệm cứu đói của Hồ Chủ tịch “*Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo*”⁽¹⁾, hầu hết các gia đình trong thị xã đều lập các hũ gạo, dành dụm từng nắm gạo để ủng hộ đồng bào đang bị đói. Đoàn Phụ nữ Cứu quốc thị xã thành lập Ban Cứu tế xã hội, làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ người nghèo khổ và tổ chức quyên góp cứu đói. Ban có 10 người, do Bí thư Đoàn Phụ nữ Cứu quốc thị xã Bạch Thị Tân làm Trưởng ban.

Phát huy truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, “*lá lành đùm lá rách*”, “*lá rách ít đùm lá rách nhiều*”, chính quyền thị xã Thái Nguyên lập Trại Tế bần làm nơi trú chân cho những người gặp nạn đói từ nơi khác phiêu dạt đến. Hằng ngày, chị em phụ nữ

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập. Tập 4 (1945 - 1946)*. Xuất bản lần thứ ba. Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2011, tr.33.

trong Ban Cứu tế xã hội thị xã đi quyên góp gạo ở các gia đình, nấu cháo mang đến cứu giúp những người trong trại. Bà con tiểu thương thị xã tổ chức mở quán ăn, thu tiền ủng hộ cách mạng và giúp đỡ đồng bào đang bị nạn đói đe dọa.

Nhờ có sự chỉ đạo kiên quyết của các cấp chính quyền, sự nỗ lực của các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân các dân tộc, nên nạn đói ở thị xã Thái Nguyên đã kịp thời được ngăn chặn và đẩy lùi.

Cùng với việc giải quyết nạn đói, nhân dân thị xã Thái Nguyên tích cực quyên góp xây dựng *Quỹ Độc lập* và hưởng ứng *Tuần lễ vàng* (17 - 24/9/1945) do Chính phủ lâm thời phát động. Mặc dù cuộc sống còn hết sức khó khăn, thiếu thốn, do vừa trải qua nạn đói đầu năm và trận lụt lớn cuối tháng 8/1945, nhưng với ý thức xây dựng và bảo vệ nền độc lập vừa giành được, chỉ trong 1 tuần lễ, nhân dân thị xã Thái Nguyên đã tình nguyện ủng hộ cho Nhà nước 5 kg vàng và hàng vạn đồng tiền mặt... Riêng chị em phụ nữ đã quyên góp hơn 2 vạn đồng; trong đó, đồng chí Bạch Thị Tân - Bí thư Đoàn Phụ nữ Cứu quốc ủng hộ 1 đôi hoa tai bằng vàng 2 đồng cân; đồng chí Nguyễn Thị Tư - Phó Bí thư Đoàn Phụ nữ Cứu quốc, ủng hộ 1 chiếc nhẫn vàng.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”*⁽¹⁾, nhân dân thị xã tích cực tham gia diệt *“giặc đói”*. Phong trào bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ ngày càng lan rộng, thu hút mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi. Thông qua đó, trình độ văn hóa và sự hiểu biết của nhân dân lao động thị xã từng bước được nâng lên.

Ngày 23/12/1945, với niềm hân hoan, phấn khởi được sống trong độc lập, tự do, đông đảo cử tri thị xã Thái Nguyên cùng cử tri

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập. Tập 4 (1945 - 1946)...* Sdd, tr.40.

toàn tỉnh hăng hái đi bỏ phiếu, bầu 3 đại biểu (ông Lê Trung Đình - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh; ông Đặng Đức Thái - đại biểu trí thức; ông Nguyễn Trung Thành - đại biểu dân tộc do Mặt trận Việt Minh giới thiệu) vào Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Ngày 17/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí ban hành Sắc lệnh số 51/SL, quy định thể lệ cuộc Tổng tuyển cử và ấn định đến ngày 23/12/1945, sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước. Nhằm tạo điều kiện cho cuộc Tổng tuyển cử chu đáo hơn nữa và nhất là để các ứng cử viên có điều kiện nộp đơn, ngày 18/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh số 76/SL, lùi Tổng tuyển cử đến ngày 6/1/1946 và gia hạn nộp đơn ứng cử đến hết ngày 27/12/1945. Do tỉnh Thái Nguyên không nhận được Sắc lệnh số 76 nên vẫn tổ chức bầu cử ngày 23/12/1945 theo Sắc lệnh số 51/SL.

Chương I

CHI BỘ THỊ XÃ TRONG THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1954)

I - Lãnh đạo xây dựng, củng cố chính quyền, tham gia chiến đấu bảo vệ cửa ngõ phía nam An toàn khu (ATK) Trung ương (1946 - 1949)

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, khoảng giữa tháng 9/1945, Tỉnh ủy lâm thời Thái Nguyên - do đồng chí Ngô Nhị Quý làm Bí thư, chính thức được thành lập⁽¹⁾. Vào thời điểm này, thị xã Thái Nguyên chưa có đảng viên⁽²⁾.

Theo đề nghị của đồng chí Đào An Thái (Tỉnh ủy viên, Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh), Tỉnh ủy Thái Nguyên mở 2 lớp huấn luyện để bồi dưỡng quần chúng tích cực, ưu tú kết nạp vào Đảng (một lớp ở đồn điền Képle và một lớp ở nội thị). Sau 2 lớp huấn luyện trên, đồng chí Phạm Văn Nghiên (tức Mực), tiếp đến là các đồng chí: Vượng, Bạch Thị Tân, Nguyễn Thị Tư, Nguyễn Thế Nhang được kết nạp vào Đảng. Trên cơ sở đó, vào tháng 2/1946, Tỉnh ủy lâm thời quyết định thành lập Chi bộ thị xã, gồm 5 đảng viên (Phạm Văn Nghiên, Nguyễn Thế Nhang, Bạch Thị Tân, Nguyễn Thị Tư và đồng chí Vượng), do đồng chí Phạm Văn Nghiên làm Bí thư.

Sau khi thành lập, Chi bộ thị xã lãnh đạo nhân dân tích cực tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp tỉnh và xã. Tại kì họp lần

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết của Xứ ủy Bắc Kỳ về thành lập Đảng bộ tỉnh và chỉ định Tỉnh ủy lâm thời Thái Nguyên, do đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Trần Quốc Hoàn kí.

⁽²⁾ Theo Hồi kí ngày 21/11/1968 của đồng chí Ngô Nhị Quý (nguyên Bí thư Tỉnh ủy lâm thời Thái Nguyên).

thứ nhất, Hội đồng nhân dân thị xã đã bầu Ủy ban Hành chính thị xã gồm 3 đồng chí: Đặng Đức Thắng (Chủ tịch), Đào Ngọc Thanh (Phó Chủ tịch) và Lê Văn Xuyên (Ủy viên Thư kí).

Thắng lợi cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân đã thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của Chi bộ và tinh thần làm chủ của các tầng lớp nhân dân thị xã. Tuy mới thành lập, chỉ có 5 đảng viên, nhưng Chi bộ đã tập trung lãnh đạo những mặt công tác trọng yếu và phát huy sức mạnh của các đoàn thể quần chúng để tổ chức thực hiện.

Trong những tháng cuối năm 1946, trên địa bàn thị xã Thái Nguyên đã diễn ra một sự kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển giáo dục của tỉnh: Đó là sự ra đời và khai giảng năm học đầu tiên (1946 - 1947) của Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến vào tháng 10/1946, do ông Phạm Duy Nhượng (Trưởng ty Bình dân học vụ tỉnh Thái Nguyên) làm Hiệu trưởng. Khi mới thành lập, Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến chỉ có 1 lớp đệ nhất⁽¹⁾ (lớp học được đặt nhờ nhà ông Trần Bá Quán - nay thuộc địa bàn phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên), với khoảng 40 học sinh là con em nhân dân trong tỉnh và con em đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư lên.

Chi bộ thị xã rất coi trọng việc lãnh đạo xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang để trấn áp phản cách mạng, trừng trị các phần tử lưu manh, giữ gìn trật tự trị an. Các đội tự vệ hình thành từ thời kì Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945, đến thời gian này không những được bổ sung thêm lực lượng, mà còn trưởng thành về nhiều mặt. Trong số đó, có nhiều người trở thành chiến sĩ Vệ quốc đoàn.

⁽¹⁾ Từ tháng 9/1945 đến năm 1950, ở vùng tự do nước ta hệ Trung học phổ thông là 4 năm, gồm Đệ nhất (tương đương lớp 6), Đệ nhị (tương đương lớp 7), Đệ tam (tương đương lớp 8), Đệ tứ (tương đương lớp 9). Hệ trung học chuyên khoa là 3 năm, gồm Đệ nhất niên (tương đương lớp 10), Đệ nhị niên (tương đương lớp 11), Đệ tam niên (tương đương lớp 12) bây giờ.

Cũng trong những tháng cuối năm 1946, nhất là từ trung tuần tháng 12/1946, thực dân Pháp liên tiếp gây ra các hành động khiêu khích và xâm lược ngày càng trắng trợn. Ngày 17/12/1946, chúng gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún và chiếm một số trụ sở của Chính phủ ta. Ngày 18/12/1946, thực dân Pháp liên tiếp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta phải tước vũ khí của tự vệ và trao quyền kiểm soát Thủ đô Hà Nội cho chúng.

Trước những hành động xâm lược của thực dân Pháp, để bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ quyền của đất nước, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng (18 - 19/12/1946) quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong cả nước. Ngay trong đêm 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến*.

Cuối năm 1946, đầu năm 1947, các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Quân đội cùng các đồng chí lãnh đạo (Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Võ Nguyên Giáp) rời khỏi Thủ đô Hà Nội lần lượt lên vùng ATK, trung tâm là các huyện: Định Hóa (tỉnh Thái Nguyên), Sơn Dương, Yên Sơn (tỉnh Tuyên Quang), Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn). Hồ Chủ tịch sau một thời gian ở và làm việc tại huyện Sơn Dương, đã chuyển về ở và làm việc tại huyện Định Hóa.

Tranh thủ trong thời gian chiến sự chưa lan tới, Chi bộ thị xã tập trung lãnh đạo công tác chuẩn bị kháng chiến, trước hết là xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang địa phương. Các đội vũ trang tập trung ở các xã và khu phố gấp rút được xây dựng, củng cố. Lực lượng tự vệ thị xã hoạt động sôi nổi, nhiều thanh niên hăng hái ghi tên xung phong vào bộ đội. Nhân dân thị xã tích cực ủng hộ lương thực, thực phẩm, quần áo và vũ khí (dao, kiếm, mã tấu...) cho các lực lượng dân quân, du kích, tự vệ chiến đấu.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng, từ sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, nhân dân thị xã Thái Nguyên tích cực tản cư. Các ban tản cư được thành lập, nhanh chóng

tổ chức nhân dân tản cư đến những nơi an toàn. Chính quyền và nhân dân các xã lân cận đã giúp đỡ bà con thị xã và các địa phương khác tản cư về, ổn định chỗ ăn, ở và sản xuất.

Cùng thời gian trên, Ban Phá hoại các cấp từ thị xã xuống các xã, khu phố cũng lần lượt ra đời, làm nhiệm vụ tiêu thổ kháng chiến. Thị xã Thái Nguyên vốn là trung tâm chính trị, kinh tế - văn hoá của tỉnh Thái Nguyên, nơi giao lưu giữa các tỉnh trong khu Việt Bắc, cửa ngõ phía nam của ATK Trung ương. Thị xã Thái Nguyên lúc này có trên 400 ngôi nhà ngói, nhà gạch, trong đó có khoảng 10% là nhà kiên cố (dinh Tuần phủ, dinh Công sứ, Trại lính Pháp...); 90% còn lại là nhà cấp 4 của bà con tiểu thương và người lao động.

Công cuộc phá hoại thị xã đòi hỏi phải có kế hoạch cụ thể, tinh thần quyết tâm và sự hi sinh cao cả của mọi người dân. Căn cứ vào tình hình thực tế, Ban Phá hoại thị xã vạch kế hoạch tiêu thổ gồm 3 bước: Bước một phá các công trình kiên cố, các công sở, đồn bót; bước hai phá hệ thống nhà cao tầng; bước ba phá các công trình còn lại. Trong công tác phá hoại để kháng chiến, cán bộ, đảng viên là những người đi tiên phong, có tác dụng tập hợp, lôi cuốn quần chúng tham gia. Người dân thị xã đã tỏ rõ lòng yêu nước tuyệt vời khi tự tay mình phá hoại nhà cửa, cầu cống.

Để công tác phá hoại được triệt để, chính quyền và các đoàn thể Cứu quốc tích cực tuyên truyền, vận động sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân nội thị. Đội Thông tin tuyên truyền của thị xã thường xuyên dùng loa tay phát đi *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chủ tịch và Chỉ thị *Tiêu thổ kháng chiến* của Chính phủ. Khẩu hiệu “*Tản cư để kháng chiến*”, “*Tiêu thổ để kháng chiến*” được kẻ, vẽ, treo, dán ở khắp nơi. Nhờ đó, quân và dân thị xã Thái Nguyên đã nhận thức được mục đích của tiêu thổ kháng chiến là để “... *chặn quân Pháp lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng*”⁽¹⁾. Cán bộ, đảng

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập. Tập 5 (1947 - 1949)*. Xuất bản lần thứ ba, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.34.

viên là những người đi tiên phong trong việc giao lại nhà cửa cho Ban Phá hoại vì thắng lợi của kháng chiến.

Với tinh thần quyết tâm của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân thị xã có sự phối hợp, giúp sức của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện Đồng Hỷ, đến giữa năm 1947, công tác phá hoại ở thị xã Thái Nguyên đã căn bản hoàn thành. Toàn bộ nhà cửa đã được phá sập; gạch, ngói được chuyển ra mặt đường để làm thành các ụ; mặt đường giao thông trong thị xã được xẻ thành hào sâu, rộng; nhiều cây cổ thụ được chặt hạ, đặt chắn ngang mặt đường để cản xe cơ giới địch. Thị xã Thái Nguyên đông vui, nhộn nhịp vài tháng trước, đã trở thành những đồng gạch vụn⁽¹⁾. Quân, dân thị xã Thái Nguyên đã hoàn thành triệt để nhiệm vụ tiêu thổ kháng chiến. Điều đó biểu thị lòng yêu nước, ý chí quyết tâm kháng chiến và niềm tin tất thắng của quân và dân các dân tộc thị xã Thái Nguyên.

Sau khi phần lớn nhân dân thị xã đã đi tản cư và thị xã đã tiêu thổ kháng chiến, Ủy ban Hành chính thị xã chuyển trụ sở ra ngoại vi thuộc địa bàn huyện Đồng Hỷ để hoạt động.

Khoảng 22 giờ ngày 11/5/1947, tại một địa điểm trong thị xã Thái Nguyên đã diễn ra một sự kiện lịch sử quan trọng: Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp Pôn Muýt (Paul Mus) - đặc phái viên của Bôlae (Bollaert - Cao ủy Pháp ở Đông Dương). Chứng kiến cảnh một thị xã tự tiêu thổ kháng chiến, Pôn Muýt phải thừa nhận *“Tôi vừa sững sốt, vừa khâm phục,... Những người dân đã tự tay phá sạch nhà mình. Không có sức mạnh nào khuất phục nổi một dân tộc có tinh thần hi sinh như vậy!”*⁽²⁾.

Thực hiện âm mưu chiến lược *đánh nhanh, thắng nhanh*, từ ngày 7/10/1947, giặc Pháp huy động 12.000 quân (gồm cả hải, lục,

⁽¹⁾ Do yêu cầu giao thông, vận chuyển của các cơ quan trên địa bàn, cầu Gia Bầy vẫn được giữ lại cho đến khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc Thu - Đông 1947, mới bị phá sập.

⁽²⁾ Dẫn theo: *Trận đánh 30 năm*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.188.

không quân) mở cuộc tấn công quân sự quy mô lớn vào Căn cứ địa Việt Bắc, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của ta... Quân Pháp hình thành 2 gọng kìm tấn công, bao vây Việt Bắc từ 2 hướng tây - tây bắc và bắc - đông bắc; đồng thời cho quân nhảy dù, tổ chức thành những mũi tiến công thọc sâu vào hậu phương của ta.

Để kịp thời đối phó với cuộc tấn công của địch, ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Phải phá cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp*. Quán triệt Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, quân và dân Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp đảng bộ đã nhanh chóng triển khai kế hoạch chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với các tỉnh bạn, với bộ đội chủ lực tiến công tiêu hao, tiêu diệt địch.

Sau hơn 1 tháng cho quân tấn công lên Việt Bắc, do không đạt được ý đồ, lại bị thiệt hại nặng nề, Bộ Chỉ huy quân Pháp quyết định vừa tổ chức rút lui, vừa huy động thêm lực lượng cùng với các lực lượng đã tham gia cuộc hành quân LEA mở cuộc càn quét khu tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Việt Trì - Phủ Lạng Thương, trên một phạm vi rộng hơn 8.000 km². Kế hoạch này mang tên Xanh tuya (Ceinture: Siết chặt), bắt đầu thực hiện từ ngày 20/11/1947, hướng chủ yếu là Thái Nguyên.

Sau hơn 10 ngày liên tục càn quét, bị quân và dân ta chặn đánh khắp nơi, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực, đầu tháng 12/1947, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp buộc phải rút quân khỏi Việt Bắc. Ngày 7/12/1947, quân Pháp từ các xã: Tràng Xá, La Hiên (Võ Nhai) rút về Chùa Hang thuộc xã Đồng Bẩm (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên). Tại đây, chúng bị du kích xã Đồng Bẩm tấn công, quấy rối.

Ngày 8/12/1947, từ Chùa Hang, quân Pháp tổ chức tuần tiểu từ khu vực đồn điền Đồng Bẩm, qua Bến Tượng sang các khu vực Đồng Mỗ, Thác Oánh, rồi quay về Chùa Hang. Ngày 9/12/1947, khoảng 400 quân Pháp từ Chùa Hang vượt qua Bến Tượng sang chiếm đóng Nhà

thờ thị xã Thái Nguyên. Ngày 10/12/1947, từ Chùa Hang và Nhà thờ thị xã Thái Nguyên, quân địch hành quân càn quét đốt phá các xã: Huống Trung, Huống Thượng, Cam Giá, Gia Sàng, Đồng Quang.

Ngày 11/12/1947, toàn bộ quân Pháp ở Chùa Hang và Nhà thờ thị xã Thái Nguyên rút lên xã An Khánh (huyện Đại Từ). Trong khi đó, trên các hướng Định Hoá, Phú Lương, Đại Từ, bị quân và dân ta chặn đánh quyết liệt, quân địch phải rút về co cụm ở thị trấn Hùng Sơn và xã An Khánh. Ngày 18/12/1947, quân Pháp từ Làng Ngò (xã An Khánh) về thị xã Thái Nguyên, liên tiếp bị quân ta chặn đánh ở Mỏ Bạch, đồi Yên Ngựa, đồi Đội Cấn. Từ thị xã, chúng theo đường Thái Nguyên - Gia Sàng và Thái Nguyên - Thịnh Đán - Phi Đơn để rút về xuôi.

Ngày 23/12/1947, quân Pháp rút hết khỏi Thái Nguyên. Tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược. Sau khi quân Pháp rút hết khỏi tỉnh Thái Nguyên, phần lớn nhân dân thị xã đi tản cư trở về làm ăn, buôn bán. Trụ sở Ủy ban Hành chính thị xã từ địa bàn huyện Đồng Hỷ, chuyển vào thị xã để nắm dân. Nhiệm vụ của Ủy ban Hành chính thị xã trong thời gian này là theo dõi hoạt động của địch, đón tiếp các đồng chí cán bộ và bộ đội đi công tác qua Thái Nguyên; đồng thời tổ chức lực lượng giữ gìn an ninh trật tự cho nhân dân.

Vào thời điểm đầu năm 1948, dân số thị xã Thái Nguyên có khoảng 5.500 người⁽¹⁾. Chi bộ thị xã lãnh đạo quân và dân trên địa bàn tích cực hưởng ứng phong trào thi đua thực hiện chương trình trồng trọt và chăn nuôi do Bộ Canh nông phát động. Từ đó, đến đầu năm 1949, nhân dân thị xã thực hiện tốt các phong trào thi đua “*Mỗi nhà một vườn rau gia đình*”, “*Mỗi nhà một vườn sản kháng chiến 200 gốc*”, “*Mỗi nhà một đàn gà tiếp tế cho bộ đội*”. Kết quả các phong trào thi đua đã góp

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo đặc biệt Về tình hình chính quyền trong tỉnh của H.Đ.C.Q Thái Nguyên (Từ cuối Hội nghị Tân Trào đến tháng 5/1948)*. Tháng 5/1948, tr.75.

phần quan trọng vào việc ổn định đời sống nhân dân và cung cấp một phần lương thực, thực phẩm cho bộ đội ở ngoài mặt trận.

II- Thị xã Thái Nguyên tạm thời giải thể; nhân dân thị xã tiếp tục tham gia kháng chiến, kiến quốc (1949 - 1953)

Đầu năm 1949, thị xã Thái Nguyên tạm thời giải thể. Địa bàn thị xã sáp nhập vào các xã thuộc huyện Đồng Hỷ ở bên Hữu ngạn sông Cầu. Các đảng viên của Chi bộ thị xã, ngoài các đồng chí được Tỉnh ủy điều động lên các cơ quan thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, hoặc vào quân đội; số còn lại phân tán về các cơ sở đảng thuộc Đảng bộ huyện Đồng Hỷ tiếp tục hoạt động. Trên các lĩnh vực công tác mới, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Chi bộ thị xã Thái Nguyên tiếp tục phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Đầu năm 1950, thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng *Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công*, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cơ sở đảng thuộc Đảng bộ huyện Đồng Hỷ, phong trào thi đua yêu nước của quân và dân địa bàn thị xã tiếp tục phát triển. Thực hiện cuộc vận động *Rèn cán, chinh quân*, trong 3 tháng đầu năm 1950, Đại đội dân quân, du kích và tự vệ tập trung thuộc địa bàn thị xã, do đồng chí Trần Văn Cầu phụ trách, tích cực học tập, nâng cao nhận thức chính trị và trình độ kỹ, chiến thuật chiến đấu; tăng cường thực hiện nếp sống quân sự hoá, tổ chức cất giấu tài sản, sẵn sàng đánh địch tấn công vào địa bàn.

Tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới, nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, khai thông biên giới, mở đường giao lưu với các nước xã hội chủ nghĩa và củng cố Căn cứ địa Việt Bắc. Ngày 16/9/1950, bộ đội ta tấn công cứ điểm Đông Khê, mở màn Chiến dịch Biên giới. Sau 2 ngày đêm chiến đấu kiên cường, dũng cảm, quân ta tiêu diệt toàn bộ cứ điểm quan trọng này. Đông Khê thất thủ, quân địch ở Thất Khê bị uy

hiếp, quân địch ở Cao Bằng bị cô lập. Tuyến phòng thủ Đường số 4 của địch bị rối loạn.

Để cứu vãn tình thế đó, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương vội vàng vét hết lực lượng dự bị chiến lược ở Bắc Bộ (gồm 6 tiểu đoàn) mở cuộc hành quân Phôcơ (Phoque: Chó biển), tấn công lên thị xã Thái Nguyên, nhằm kéo một phần bộ đội chủ lực của ta ở Mặt trận Biên giới về đối phó với chúng, đỡ đòn cho đồng bọn ở đường số 4. Đánh lên thị xã Thái Nguyên, thực dân Pháp còn nhằm che giấu thất bại ở Mặt trận Biên giới, trấn an tinh thần quân đội của chúng, đồng thời đánh phá hậu phương của ta...

Hành động đánh lên Thái Nguyên của quân Pháp không nằm ngoài sự phán đoán của ta. Trong bản chỉ thị *Tích cực đề phòng địch tiến công mở rộng phạm vi kiểm soát ở trung du*, Liên khu ủy Việt Bắc chỉ rõ “*Sau khi càn quét vùng đồng bằng Liên khu III, địch có thể tập trung lực lượng để tấn công mở rộng phạm vi kiểm soát của chúng ở trung du Việt Bắc. Việc tấn công lên trung du Việt Bắc lại càng cần thiết cho địch nếu chúng bị ta đánh mạnh ở biên giới*”. Trên cơ sở đó, bản chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ cho các vùng hậu phương ta là “*phải luôn luôn đặt vào tình thế địch sắp tấn công mà gây nên một không khí tích cực chuẩn bị trong nhân dân*” để sẵn sàng đánh địch.

Trước một vài hoạt động của địch, ngày 10/4/1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên ban hành Chỉ thị số 13/CT-TN *Về việc chuẩn bị đề phòng địch đánh lên Thái Nguyên*, nêu rõ: “*Địch rất có thể gần đây sẽ đánh lên Thái Nguyên bằng cả bộ binh và không quân với mục đích: Cứu vãn sự thất bại nặng nề ở Tây Bắc và Đông Bắc sắp tới...*”. Đến ngày 21/7/1950, Tỉnh ủy ra tiếp bản chỉ thị *Về việc chống địch càn quét, bảo vệ địa phương, bảo vệ mùa màng*, nhấn mạnh: “*Trước sự chuẩn bị ráo riết của ta chuyển mạnh sang tổng phản công thì địch có thể đánh mạnh vào hậu phương của ta mà trung tâm là Thái Nguyên để hòng phá và cản trở công cuộc chuẩn bị chuyển mạnh sang*

tổng phản công của ta. Bởi vậy, công cuộc chuẩn bị của ta lúc này phải ráo riết, tích cực hơn lúc nào hết”. Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ cho bộ đội địa phương và dân quân, du kích các huyện, xã về việc chuẩn bị vũ khí, đào hầm hào trú ẩn và tác chiến... Ngày 27/8/1950, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra Chỉ thị số 26/CT-TN hướng dẫn cụ thể việc thực hiện sắc lệnh của Hồ Chủ tịch về *Tích cực chuẩn bị thi hành Mệnh lệnh của Hồ Chủ tịch về Tuần lễ thi đua diệt địch lập công*.

Chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy, cùng với các địa phương khác, quân và dân địa bàn thị xã Thái Nguyên đã chủ động, tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương. Các cơ quan, kho tàng trên địa bàn thị xã nhanh chóng được chuyển đến những nơi an toàn. Lực lượng vũ trang thị xã Thái Nguyên sẵn sàng phối hợp với các đơn vị bộ đội địa phương và chủ lực tấn công, tiêu diệt địch.

Ngày 30/9/1950, khoảng 4.000 quân Pháp có pháo binh, tàu chiến, máy bay yểm trợ, mở cuộc tấn công vào địa phận thị xã Thái Nguyên theo 3 hướng. Ngày 1/10/1950, địch tiến về phía thị xã Thái Nguyên. Trên dọc Đường số 3, quân Pháp kéo vào Lưu Xá, Gia Sàng, Âm Hồn. Ở phía Thịnh Đán, chúng kéo ra Képle. Buổi chiều, chúng cho quân nhảy dù xuống Đồng Bầm.

Chiếm Thái Nguyên, địch đóng 2 vị trí chính là thị xã và Đồng Bầm. Những vị trí phụ hay những vị trí đóng quân nhỏ đều đặt ở xung quanh 2 nơi này. Từ các vị trí chiếm đóng, chúng lùng sục, càn quét ra các vùng xung quanh, phá hoại mùa màng, cướp thóc lúa và tài sản của nhân dân. Trên các hướng địch hành quân càn quét, chúng đều bị lực lượng bộ đội địa phương huyện và du kích các xã chặn đánh rất quyết liệt, nhất là ở Làng Hà (xã Phúc Hà ngày nay), Quán Triều, Képle, Hiệp Hoà, Lưu Xá,...

Do không đạt được ý đồ kéo chủ lực của ta ở Mặt trận Biên giới về, lại bị thiệt hại nặng nề, ngày 11/10/1950, quân Pháp buộc phải rút

khởi thị xã Thái Nguyên. Chiều ngày 12/10/1950, toàn bộ quân Pháp ở Thái Nguyên rút hết qua cầu Đa Phúc về Hà Nội.

Trải qua hơn 10 ngày chiến đấu, quân - dân địa bàn thị xã Thái Nguyên cùng với quân - dân trong tỉnh đánh địch hơn 60 trận, loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 950 tên, bắn rơi 1 máy bay, bắn hỏng 3 ca nô, thu nhiều vũ khí, đạn dược, làm thất bại hoàn toàn cuộc hành quân Phoque của thực dân Pháp, vừa bảo vệ vững chắc cửa ngõ phía nam ATK Trung ương, vừa góp phần vào chiến thắng Biên giới.

Chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950 đã làm thay đổi cục diện chiến tranh. Từ sau chiến thắng này, quân ta giành được quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ). Ngược lại, thực dân Pháp ngày càng bị sa lầy nghiêm trọng. Chúng dựa vào sự viện trợ của Mỹ để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược. Tháng 12/1950, Chính phủ Pháp cử tướng Đơ Lát đơ Tátxinhi làm Tổng Chỉ huy quân đội Pháp kiêm Cao ủy Đông Dương. Đơ Lát đơ Tátxinhi vạch ra một kế hoạch mới, với nhiều nội dung thâm độc, gây cho ta nhiều khó khăn mới.

Tại Thái Nguyên, sau khi thất bại trong cuộc hành quân Phoque, từ những tháng đầu năm 1951, thực dân Pháp tăng cường sử dụng máy bay ném bom đánh phá các trục đường giao thông, các cơ quan, kho tàng..., gây cho ta một số thiệt hại về người và của. Chỉ riêng trong ngày 1/5/1951, địch đã huy động gần 40 máy bay ném bom, bắn phá địa bàn thị xã Thái Nguyên. Ngoài những vụ bắn phá, máy bay địch còn thả nhiều truyền đơn nói xấu, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, chia rẽ khối đoàn kết quân, dân, dụ dỗ nhân dân di cư vào vùng địch tạm chiếm.

Những hoạt động trên đây của thực dân Pháp tuy gây nhiều trở ngại, nhưng nhận rõ trách nhiệm của hậu phương đối với tiền tuyến, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân địa bàn thị xã vẫn tích cực công tác, đẩy mạnh tăng gia sản xuất

phục vụ nhu cầu tại chỗ và chi viện chiến trường. Các ngành sản xuất, tiểu thủ công nghiệp, hoạt động thương mại của các hộ tiểu thương dần dần được phục hồi. Các cơ sở sản xuất nông cụ thô sơ, xe kéo, đồ dùng gia đình... bắt đầu hoạt động trở lại, đáp ứng một phần nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. Các hộ nông dân thi đua đẩy mạnh tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm, để vừa tự đảm bảo đời sống, vừa cung cấp cho nhu cầu kháng chiến.

Để đáp ứng nhu cầu cung cấp nhân, tài, vật lực cho các mặt trận ngày càng lớn, trong những năm 1951 - 1953, cán bộ và nhân dân thị xã tích cực tham gia các đợt dân công sửa đường, tiếp tế, vận tải, xây dựng lán trại... Có những đợt toàn bộ đảng viên, cán bộ, công nhân được huy động đi dân công. Nhiều đảng viên nêu cao tinh thần gương mẫu, xung phong đi dân công liên tục 3, 4 đợt trong 1 năm; người đi nhiều nhất ở xã Hiệp Hòa là 160 ngày, ở xã Túc Duyên là 135 ngày⁽¹⁾.

Từ năm 1953, kết hợp với cuộc vận động giảm tô được phát động sâu rộng ở nông thôn, các hộ buôn bán trong địa bàn thị xã được tổ chức học tập chính sách thuế công - thương nghiệp, hiểu rõ hơn nghĩa vụ của mình đối với sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Nhờ đó, các hộ kinh doanh, buôn bán đã tự giác đóng thuế đầy đủ; nhiều gia đình tự nguyện đóng thuế cao hơn mức quy định và trước hạn định.

III- Thị xã Thái Nguyên tái lập; Ban Cán sự Đảng thị xã ra đời, lãnh đạo nhân dân tích cực xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến (1953 - 1954)

Để bảo đảm công tác lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất đối với sự phát triển nhiều mặt của địa bàn thị xã Thái Nguyên, giữa quý III năm 1953, Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thành lập lại thị xã Thái Nguyên. Khi tái lập, địa giới thị xã Thái Nguyên bao gồm địa bàn các đơn vị như trước khi tạm thời

⁽¹⁾ Tỉnh ủy Thái Nguyên: Báo cáo ngày 31/3/1953 - Tài liệu lưu tại phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

giải thể (1949). Theo đó, xã Hiệp Hòa thuộc huyện Đồng Hỷ được giải thể; địa bàn các xã: Đồng Quang và Gia Sàng (trừ khu vực ngã ba Gia Sàng) thuộc huyện Đồng Hỷ; xã Phù Liễn và khu vực phố - ngã ba Gia Sàng chuyển về trực thuộc thị xã Thái Nguyên. Vào thời điểm tái lập, thị xã Thái Nguyên gồm 10 phố: Bến Tượng, Hùng Vương, Phù Liễn, Tân Long, Tân Thành, Chiến Thắng, Gia Bầy, Quán Triều, Đội Cấn, Quang Trung⁽¹⁾.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập và chỉ định Ban Cán sự Đảng thị xã gồm 5 ủy viên: Trần Văn Cầu (Trưởng ban), Nguyễn Văn Chúc (Ủy viên phụ trách Tổ chức), Nguyễn Bá Sửu (Ủy viên phụ trách Thương nghiệp), Nguyễn Hữu Chấn (Ủy viên phụ trách An ninh trật tự), Hải Chu (Ủy viên phụ trách Quân sự)⁽²⁾. Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên quyết định thành lập Ban Trù bị tái lập thị xã (chức năng, nhiệm vụ như Ủy ban Kháng chiến Hành chính cấp huyện), do đồng chí Trần Văn Cầu phụ trách; Ủy viên Ban Cán sự Đảng đồng thời cũng là Ủy viên Ban Trù bị tái lập thị xã. Chi bộ Ban Trù bị tái lập thị xã (còn gọi là Chi bộ Chính quyền) được thành lập, do đồng chí Nguyễn Hữu Chấn làm Bí thư.

Để bảo đảm công tác giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn thị xã mới được tái lập, tháng 9/1953, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên quyết định thành lập Đoàn Công an thị xã trực thuộc Ty Công an Thái Nguyên, do đồng chí Nguyễn Hữu Chấn làm Trưởng đoàn; các đồng chí: Hoàng Vân, Nguyễn Đức Tân làm Phó đoàn. Các đảng viên công tác ở Đoàn Công an thị xã tổ chức thành 1 tổ đảng trực thuộc Chi bộ Chính quyền (Chi bộ Ban Trù bị tái lập thị xã).

⁽¹⁾ Các phố không phải là một đơn vị hành chính tương đương cấp xã, nên không có Ủy ban Hành chính phố, mà chỉ có Ban Ủy nhiệm phố.

⁽²⁾ Theo *Lịch sử đảng viên* của đồng chí Nguyễn Hữu Chấn - nguyên Ủy viên Ban Cán sự Đảng thị xã Thái Nguyên, gia đình trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Thị xã Thái Nguyên vừa mới tái lập - với khoảng 100 gia đình công thương hoạt động sản xuất, kinh doanh, đã trở thành trung tâm thương mại quan trọng nhất của tỉnh Thái Nguyên. Địa bàn thị xã không chỉ là nơi trao đổi hàng hoá của nhân dân trong tỉnh, mà còn là nơi trung chuyển hàng hoá giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm; nơi cung cấp nhiều nguồn hàng cho các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn.

Công tác bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn thị xã ngày càng quan trọng và cấp thiết. Vì vậy, tại khu vực nội thị, Ban Cán sự Đảng lãnh đạo thành lập các tổ bảo vệ giao thông do các lực lượng tự vệ và bảo vệ an ninh trật tự làm nòng cốt, có nhiệm vụ tuần tra, canh gác; sẵn sàng phối hợp với nhân dân kịp thời ứng cứu, sửa chữa giao thông khi xảy ra các sự cố do mưa, lũ hoặc máy bay địch đánh phá⁽¹⁾.

Nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương tập trung mọi nỗ lực, dồn sức chi viện cho tiền tuyến. Đầu năm 1954, Ban Cán sự Đảng thị xã đã lãnh đạo nhân dân địa phương huy động 772 lượt dân công (gồm 168 lượt dân công xe đạp thồ, 407 lượt dân công bộ làm cầu, đường và 197 lượt dân công làm thợ mộc) tham gia vận chuyển lương thực, thực phẩm, tải thương và sửa chữa cầu đường trên các tuyến giao thông, góp phần cùng với quân, dân cả nước làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954), buộc thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (21/7/1954), cam kết công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân 3 nước Đông Dương.

Phấn khởi trước chiến thắng vĩ đại của dân tộc, trong đó có phần đóng góp của mình, nhân dân thị xã Thái Nguyên vinh dự và tự hào được thay mặt nhân dân cả nước đón chào phái đoàn Chính phủ Việt

⁽¹⁾ Theo thống kê chưa đầy đủ, trong kháng chiến chống Pháp, thị xã Thái Nguyên bị máy bay địch bắn phá 121 lần, làm chết 202 người, bị thương 100 người, phá hủy 734 ngôi nhà (có nhà bị cháy đến 4 lần). Xem: Báo cáo số 150-BC/TX, ngày 29/1/1955 của Ban Cán sự Đảng thị xã Thái Nguyên.

Nam Dân chủ Cộng hòa - do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn, tham dự Hội nghị Giơnevơ thắng lợi trở về. Một cuộc mít tinh trọng thể được tổ chức tại sân vận động thị xã. Nhân dân thị xã cùng với nhân dân các xã: Đồng Bầm, Túc Duyên, Gia Sàng, Đồng Quang, Quang Vinh tham dự cuộc mít tinh, chăm chú lắng nghe tin vui thắng lợi.

Như vậy, ngay sau khi được thành lập (2/1946), Chi bộ thị xã - dù chỉ có 5 đảng viên - đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trên địa bàn xây dựng bộ máy chính quyền; tích cực chuẩn bị mọi mặt, trước hết là xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang, tổ chức cho nhân dân tản cư, thực hiện công tác phá hoại triệt để để bước vào kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong những năm thị xã tạm thời giải thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc thị xã tiếp tục tham gia kháng chiến, kiến quốc. Trên các lĩnh vực công tác mới, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Chi bộ thị xã tiếp tục phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Sau khi thị xã được tái lập, Ban Cán sự Đảng thị xã - với chức năng như một Ban Chấp hành Đảng bộ, đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trên địa bàn tích cực phát triển kinh tế, hăng hái đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến, góp phần vào chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “*Lừng lẫy 5 châu, chấn động địa cầu*”, buộc thực dân Pháp phải kí kết Hiệp định Giơnevơ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Chương II

ĐẢNG BỘ THỊ XÃ (THÀNH PHỐ) TRONG THỜI KÌ HÒA BÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC (1954 - 1965)

I - Lãnh đạo khôi phục, thực hiện kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1954 - 1960)

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ được kí kết (21/7/1954), miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam tạm thời đặt dưới sự kiểm soát của quân đội Liên hiệp Pháp, nhưng sau đó đế quốc Mỹ đã vào thay thế và dựng lên chính quyền tay sai do Ngô Đình Diệm cầm đầu. Từ đây, nhân dân Việt Nam thực hiện đồng thời 2 chiến lược cách mạng: Chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Cùng với các địa phương trên miền Bắc, sau ngày hòa bình lập lại, nhân dân thị xã Thái Nguyên bắt tay vào việc thực hiện các nhiệm vụ: Khôi phục, phát triển kinh tế, văn hoá.

Vào thời điểm đầu năm 1955, thị xã Thái Nguyên có 2.502 hộ, với 10.602 nhân khẩu; trong đó, có 119 nhân khẩu người Hoa, 46 nhân khẩu người Tày, 6 nhân khẩu người Nhật (Nhật kiều), còn lại là người Kinh⁽¹⁾. Do hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh để lại, cộng với thiên tai lụt lội, hạn hán kéo dài đã dẫn đến mùa màng bị thất bát. Lợi dụng sự khan hiếm lương thực, một số tư thương đầu cơ tích trữ làm cho giá thóc, gạo tăng vọt từ 1,5 lần đến 2 lần; đời sống của nhân dân thị xã Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn.

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo số 150/BC-TX, ngày 29/1/1955 của Ban Cán sự Đảng thị xã Thái Nguyên.

Tình hình trật tự trị an xã hội ở thị xã cũng có những diễn biến phức tạp. Lợi dụng kinh tế khó khăn, các phần tử phản động đội lốt tôn giáo ra sức chống phá đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ. Nhằm dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào Công giáo di cư vào Nam, chúng phao tin: “*Chúa đã vào Nam, con chiên phải theo Chúa, nếu ở lại khi chết sẽ không được cứu rỗi linh hồn*”; đồng thời đe dọa: “*Sau khi hết thời hạn di cư, Mỹ sẽ dùng bom nguyên tử ném xuống miền Bắc*” hòng làm cho giáo dân hoang mang, lo sợ. Một số giáo dân nhẹ dạ, cả tin, đã nghe theo lời dụ dỗ, tuyên truyền của chúng, bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn, họ hàng để di cư vào Nam. Ngoài ra, các phần tử phản động và tay sai của Pháp trước đây lén lút hoạt động phá hoại kinh tế, máy móc ở các nhà máy, xí nghiệp.

Trong khi đó, bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo của thị xã Thái Nguyên vẫn chưa được kiện toàn. Thời gian này, thị xã chỉ có 1 chi bộ (Chi bộ Chính quyền) trực thuộc Ban Cán sự Đảng⁽¹⁾ và Ban Trù bị tái lập thị xã. Do vậy, vấn đề củng cố, kiện toàn cán bộ các tổ chức đảng, chính quyền các cấp trên địa bàn trở thành một yêu cầu cấp bách.

Đáp ứng yêu cầu trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh điều động, bổ sung đồng chí Nguyễn Quang Hiệu (nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Phổ Yên) tham gia Ban Cán sự Đảng thị xã, giữ chức vụ Phó ban phụ trách chính quyền⁽²⁾. Ban Cán sự Đảng thị xã gồm 5 ủy viên, do các đồng chí: Trần Văn Cầu làm Trưởng ban, Nguyễn Quang Hiệu làm Phó ban.

Tháng 12/1954, thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, Ban Cán sự Đảng thị xã tiến hành chia tách Chi bộ Chính quyền thành 5 chi bộ, gồm Chi bộ Cơ quan thị xã và 4 chi bộ đường phố (Long Thành, Hùng Vương, Chiến Thắng, Hòa Bình).

(1) Ban Cán sự Đảng thị xã: Báo cáo số 120 BC/TX, ngày 23/11/1954. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

(2) Ban Cán sự Đảng thị xã: Báo cáo số 78 BC/TX, ngày 18/9/1954. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Chi bộ Cơ quan thị xã Thái Nguyên do các đồng chí Đào Văn Hùy làm Bí thư và Nguyễn Tất Hạch làm Chi ủy viên.

Chi bộ Long Thành lãnh đạo 3 phố: Đội Cấn (2 bên Quốc lộ số 3 khu Gia Sàng), Tân Long (2 bên Quốc lộ số 3 từ Bưu điện tỉnh đến Điện lực thành phố), Tân Thành (2 bên Quốc lộ số 3 từ cầu Xương Rồng đến đường rẽ vào sân vận động); do các đồng chí: Hoàng Thế Minh làm Bí thư và Trần Văn Đoan, Nguyễn Thị Hạnh làm Chi ủy viên.

Chi bộ Hùng Vương lãnh đạo 2 phố: Hùng Vương, Bến Tượng, do các đồng chí: Nguyễn Ngọc Diệp làm Bí thư và Nguyễn Văn Thân làm Chi ủy viên.

Chi bộ Chiến Thắng lãnh đạo phố Chiến Thắng (2 bên Quốc lộ số 1B từ cầu Gia Bầy lên ngã 4 Chùa Hang), do các đồng chí: Nguyễn Kiến Đa làm Bí thư, Nguyễn Quang Tinh làm Chi ủy viên.

Chi bộ Hoà Bình lãnh đạo 4 phố: Gia Bầy (2 bên Quốc lộ số 3 từ cầu Gia Bầy lên cầu Mỏ Bạch), Quán Triều (2 bên Quốc lộ số 3 từ cầu Mỏ Bạch lên phố Quán Triều), Phù Liễn (2 bên đường cũ từ Bảo tàng ra ga Thái Nguyên), Quang Trung (2 đường từ Bến xe lên ngã 3 Mỏ Bạch), do các đồng chí: Đỗ Văn Tiết làm Bí thư, Đào Ngọc Thanh và Chu Văn Thức làm Chi ủy viên.

Thực hiện chủ trương của Liên khu ủy và chỉ đạo của Ủy ban Hành chính Liên khu Việt Bắc, tháng 6/1955⁽¹⁾, Ủy ban Hành chính thị xã Thái Nguyên được thành lập (thay thế Ban Trù bị tái lập thị xã), do đồng chí Nguyễn Quang Hiệu giữ chức Chủ tịch, Hoàng Thế Minh giữ chức Phó Chủ tịch.

Năm 1956, Chi bộ Cơ quan thị xã tách thành 2 chi bộ: Chi bộ Chính quyền và Chi bộ Dân - Đảng. Từ thời điểm này, Ban Cán sự Đảng thị xã có 6 chi bộ trực thuộc, với 81 đảng viên; trong đó, Chi bộ

⁽¹⁾ Ban Cán sự Đảng thị xã: *Báo cáo Tổng kết công tác năm 1958 tại Đại hội toàn Đảng bộ thị xã Thái Nguyên*. Số 29/BC, ngày 12/12/1958, tr.12.

Chính quyền có 22 đảng viên (công tác ở Ủy ban Hành chính, Thị đội và Đồn Công an thị xã), Chi bộ Dân - Đảng có 8 đảng viên, Chi bộ đường phố Long Thành có 15 đảng viên, Chi bộ đường phố Hùng Vương có 20 đảng viên, Chi bộ đường phố Chiến Thắng có 5 đảng viên, Chi bộ đường phố Hoà Bình có 11 đảng viên.

Quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị *Về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng* (9/1954), các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, ngay từ năm 1955, Ban Cán sự Đảng và Ủy ban Hành chính thị xã đã phát động phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm. Xuất phát từ đặc điểm địa bàn thị xã và sự phân bố dân cư nông nghiệp ở nội thị, Ban Cán sự Đảng thị xã tăng cường lãnh đạo nhân dân trồng các loại cây hoa màu ngắn ngày (ngô, khoai, đỗ...) và trồng thêm lúa nam ninh để nhanh thu hoạch, kịp thời giải quyết tình trạng thiếu lương thực đang diễn ra trên diện rộng. Chỉ tính riêng những tháng cuối năm 1955, nhân dân thị xã đã trồng và thu hoạch được trên 20 tấn hoa màu các loại. Từ kết quả này, Ban Cán sự Đảng thị xã tiếp tục lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh trồng các loại cây hoa màu, coi đó là một hướng đi quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Năm 1957, so với năm 1955, diện tích trồng hoa màu (chủ yếu là khoai lang) đã tăng từ 20% đến 30%.

Các biện pháp kỹ thuật xử lý giống, làm cỏ cải tiến, làm phân xanh, bón thêm phân vô cơ... được áp dụng. Nhờ đó, sản lượng lương thực năm 1957 tăng gấp 1,8 lần so với năm 1955. Cùng với việc trồng các loại cây lương thực và hoa màu, phong trào trồng rau xanh được đẩy mạnh. Năm 1957, diện tích trồng rau xanh ở thị xã tăng gấp 2 lần so với năm 1955. Chăn nuôi gia súc cũng được chú trọng. Đàn lợn từ 419 con năm 1956, tăng lên 1.261 con năm 1957⁽¹⁾; đàn trâu, bò có 107 con.

⁽¹⁾ Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa tỉnh Bắc Thái 1955 - 1970*, tr.37, 38.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thị xã, sản xuất thủ công nghiệp bước đầu được khôi phục và phát triển. Một số ngành, nghề (làm gạch, nung vôi, dệt vải...) được mở thêm, góp phần giải quyết việc làm cho phần lớn lao động và từng bước khắc phục tình trạng khan hiếm hàng hoá, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho đời sống sinh hoạt của nhân dân. Năm 1957, thị xã sản xuất được 1.034.284 viên gạch nung (tăng 34.284 viên so với năm 1956), đáp ứng tốt các yêu cầu cung cấp vật liệu cho ngành Xây dựng. Nghề nung vôi phát triển mạnh mẽ. Đến năm 1957, thị xã xây dựng được 16 lò vôi (cả thủ công và lò liên hoàn); sản lượng tăng 2,5 lần so với năm 1955. Tuy nhiên, sản lượng vôi cũng mới đáp ứng được 1/6 nhu cầu sản xuất nông nghiệp và xây dựng. Ngành Cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp (cuốc, xẻng, cày, bừa, đập cày...) và phục vụ vận tải (đóng xe trâu kéo, bò kéo, đóng thuyền...) bước đầu đáp ứng được yêu cầu sản xuất, khôi phục kinh tế. Đặc biệt, trong thời kì này, thị xã thành lập 1 xưởng dệt vải khổ rộng, với tổng số 28 khung dệt. Năm 1957, Xưởng đã sản xuất được 52.598 mét vải (tăng 6.151 mét so với năm 1956), đáp ứng một phần nhu cầu may mặc cho nhân dân trên địa bàn và các huyện lân cận...

Tuy nhiên, ngành Tiểu thủ công nghiệp của thị xã thời gian này còn nhiều hạn chế. Một số mặt hàng (đồ gỗ, thủy tinh, gạch, ngói, đồ song mây, rổ rá...) chất lượng kém, mẫu mã xấu, loại hình chưa phù hợp với thị hiếu của nhân dân. Cá biệt, có một số ngành còn phát triển tự do, không theo định hướng của Ban Cán sự Đảng và chính quyền thị xã. Một số cơ sở nhận gia công, sản phẩm không đạt yêu cầu về kĩ thuật theo hợp đồng... Tình trạng ăn cắp nguyên, vật liệu do Nhà nước cung cấp đem ra ngoài bán kiếm lời, vẫn diễn ra ở nhiều cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp.

Để đáp ứng nhu cầu giao lưu hàng hoá giữa thị xã với các địa phương trong và ngoài tỉnh ngày càng tăng. Chợ Trung tâm thị xã ở Bến Tượng và các chợ lân cận được phục hồi. Các mặt hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ... ở trong và ngoài tỉnh được lưu chuyển về thị xã

ngày càng nhiều; giá cả các mặt hàng giảm, chất lượng tăng, đáp ứng được sức mua và thị hiếu của người tiêu dùng. Tình hình kinh doanh của hầu hết các hộ tư thương tương đối ổn định.

Tuy nhiên, trong thời gian này do hạn hán, lũ lụt gây mất mùa, lợi dụng tình hình khan hiếm lương thực, một số tư thương đã đầu cơ tích trữ thóc, gạo để bán giá cao kiếm lời, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình trên, Ban Cán sự Đảng lãnh đạo các ngành chức năng tăng cường công tác quản lý, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý thu hồi được 14 tấn gạo để bán theo giá quy định của Nhà nước cho hơn 300 người thiếu lương thực. Điều đó có tác dụng giáo dục, ngăn chặn nạn đầu cơ tích trữ. Các hoạt động buôn bán của tư thương đi dần vào quỹ đạo, giá cả thị trường ổn định, sức mua của nhân dân ngày một tăng.

Cùng với việc tăng cường công tác quản lý các bến, bãi xe và xe của tư nhân hoạt động trên địa bàn, Ủy ban Hành chính thị xã chỉ đạo ngành Giao thông vận tải tận dụng, khuyến khích khả năng vận tải của các loại xe chở hàng, chở khách ra vào thị xã hằng ngày. Nhờ đó, tình hình lưu thông hàng hoá và sự đi lại của hành khách được thuận tiện. Các hành vi tự ý nâng giá cước hàng hoá, tranh giành hành khách; chở hàng và người sai quy định,... đều bị các ngành chức năng phát hiện, xử lý nghiêm minh, đảm bảo được trật tự các bến, bãi và chuyên chở hành khách đúng quy định. Các phương tiện vận tải bằng xe thô sơ (chủ yếu là xe trâu kéo tập trung ở các khu vực Trung tâm thị xã và Đồng Bầm) được khuyến khích sử dụng. Trong 2 năm (1956 - 1957), khối lượng hàng hoá được vận chuyển bằng xe trâu kéo đạt 78.369 tấn, chiếm tỉ lệ 59,4% so với tổng khối lượng vận tải.

Sự nghiệp văn hoá - giáo dục được Ban Cán sự Đảng thị xã quan tâm lãnh đạo. Các hoạt động thông tin tuyên truyền được tăng cường dưới nhiều hình thức, kịp thời chuyển tải các chủ trương, chính sách

của Đảng và Chính phủ tới mọi tầng lớp nhân dân. Bộ mặt thị xã từng bước đổi mới, sạch đẹp và văn minh.

Trên lĩnh vực giáo dục, từ đầu năm 1955, Ban Cán sự Đảng thị xã chủ trương mở thêm các trường quốc lập và dân lập. Thực hiện chủ trương trên, trong 3 năm (1955 - 1957), thị xã đã xây dựng 3 trường công lập ở 3 phố: Tân Long, Phù Liễn, Chiến Thắng; 10 trường dân lập ở tất cả 10 phố và sửa chữa 7 trường học cũ. Ngày 20/9/1956, hầu hết các trường ở thị xã đều tổ chức khai giảng năm học 1956 - 1957.

Lễ Khai giảng năm học 1956 - 1957 ở Trường Phổ thông cấp I thị xã, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Lê Dục Tôn cùng với hơn 100 đại biểu các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, thị xã và phụ huynh học sinh tham dự. Tại Lễ Khai giảng, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy biểu dương cấp ủy, chính quyền, nhân dân thị xã Thái Nguyên và cán bộ, giáo viên nhà trường có nhiều cố gắng xây dựng được 30 phòng học, mua sắm 630 bộ bàn ghế chuẩn bị cho năm học mới. Đến năm 1957, Đảng bộ thị xã đã lãnh đạo xây dựng được trường, lớp có phòng học tốt, có bàn ghế cho học sinh, thu hút 925 con em nhân dân các dân tộc trên địa bàn vào học. Nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục, Đảng bộ, chính quyền thị xã lãnh đạo, chỉ đạo thành lập Ban Bảo trợ học đường, làm nhiệm vụ phối, kết hợp giữa nhà trường, các đoàn thể và gia đình trong việc quản lý, giáo dục học sinh.

Phong trào bình dân học vụ tiếp tục được duy trì và đạt một số kết quả. Năm 1957, trên địa bàn thị xã có 350 người theo học các lớp bình dân học vụ (bằng 68% số người trong diện phải thanh toán nạn mù chữ) và 700 người theo học các lớp bổ túc văn hóa (đạt 40% kế hoạch).

Nghành Y tế thị xã có nhiều cố gắng trong việc củng cố và xây dựng thêm các trạm y tế. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng tốt hơn; phong trào vệ sinh phòng bệnh được chú trọng nên hạn chế được nhiều bệnh dịch. Năm 1957 đã xảy ra dịch cúm, 2.720 người bị mắc bệnh. Được sự hỗ trợ của cán bộ ngành Y tế Khu Tự trị

Việt Bắc và tỉnh Thái Nguyên, ngành Y tế thị xã đã tập trung 50 cán bộ, nhân viên nhanh chóng dập tắt được ổ dịch.

Trước tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn có nhiều diễn biến phức tạp, Ban Cán sự Đảng thị xã lãnh đạo Đoàn Công an tập trung và đẩy mạnh công tác tuần tra, canh phòng. Do địa bàn thị xã rộng (gồm 10 phố), nên ban ngày cán bộ, chiến sĩ Đoàn Công an thị xã làm công tác chuyên môn ở cơ quan, buổi tối lại xuống cùng với Ban Ủy nhiệm các phố nắm tình hình, vận động nhân dân bảo vệ, giữ gìn an ninh, trật tự. Đoàn Công an thị xã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng dân quân, tự vệ của các phố tăng cường công tác tuần tra, canh phòng, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, thu giữ 6 khẩu súng trường, 10 khẩu súng ngắn, trên 200 viên đạn và 6 quả lựu đạn tàng trữ trái phép.

Để nắm chắc tình hình dân số trên địa bàn, Đoàn Công an thị xã đẩy mạnh công tác đăng kí, quản lý hộ khẩu; duy trì chặt chẽ chế độ trình báo hộ khẩu tạm trú, tạm vắng. Thông qua công tác đăng kí, quản lý hộ khẩu, đầu năm 1957, Đoàn Công an thị xã đã nắm được toàn thị xã có 2.255 hộ, với 13.539 nhân khẩu (gồm 10.179 nhân khẩu là người thị xã và 3.180 nhân khẩu là cán bộ, công nhân, viên chức các cơ quan khu, tỉnh và huyện Đồng Hỷ). Trong số 2.255 hộ ở thị xã, có 973 hộ làm nghề buôn bán, 576 hộ làm nghề sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, 315 hộ làm nghề dịch vụ (cắt tóc, sửa chữa xe đạp...), 300 hộ làm nghề kinh doanh ăn, uống, 130 hộ làm nghề vận tải, 552 hộ là gia đình bộ đội (có 25 hộ được cấp Bằng, Bằng vàng danh dự và 527 hộ được cấp Bằng, Bằng Gia đình vẻ vang), 35 hộ là gia đình liệt sĩ.

Sau khi đăng kí, quản lý được số hộ, số nhân khẩu trên địa bàn, Đoàn Công an thị xã cung cấp cho các ngành Lao động và Giáo dục thị xã bố trí, sắp xếp công ăn, việc làm, xoá nạn mù chữ; kịp thời ngăn chặn các âm mưu, thủ đoạn phá hoại của địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Lực lượng vũ trang nhân dân địa phương thị xã trong thời kì này được củng cố và phát triển. Ban Chỉ huy Thị đội được kiện toàn. Các

lực lượng dân quân, du kích, tự vệ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, hoạt động có nền nếp. Năm 1957, Ban Chỉ huy Thị đội mở 3 lớp bồi dưỡng về chính trị và quân sự cho đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ. Lực lượng dân quân, tự vệ thị xã tích cực tổ chức tuần tra canh gác, bảo vệ các cơ quan, cầu, đường; kết hợp với các ngành chức năng đấu tranh chống đầu cơ, tích trữ của tư thương. Lực lượng dân quân các phố: Tân Thành, Gia Bảy, Quán Triều... làm tốt công tác tuần tra, bảo vệ kho tàng, được Ủy ban Hành chính thị xã khen ngợi.

Tuy nhiên, kết quả công tác xây dựng, phát triển lực lượng dân quân, tự vệ của thị xã trong giai đoạn này còn hạn chế, biên chế tổ chức của dân quân các phố chưa hợp lý; một số cán bộ kiêm nhiệm quá nhiều việc, (có phố, cán bộ phụ trách dân quân được sắp xếp làm các việc: Tổ trưởng sản xuất, Trưởng ban bảo vệ, Tổ trưởng nhân dân, giáo viên bình dân học vụ), nên chất lượng công tác dân quân đạt thấp. Trước tình hình trên, tháng 3/1957, Ban Chỉ huy Thị đội tham mưu cho Ban Cán sự Đảng và Ủy ban Hành chính thị xã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức lại bộ máy chỉ huy dân quân ở các phố đảm bảo gọn nhẹ. Từ đó, phong trào hoạt động của lực lượng dân quân phát triển ngày càng mạnh, số lượng và chất lượng lực lượng dân quân được nâng lên.

Bước sang thời kì thực hiện kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1958 - 1960), thị xã có những thuận lợi mới. Đầu năm 1958, Ban Cán sự Đảng thị xã tiếp nhận thêm Chi bộ sản xuất đồ gỗ miền Nam (còn gọi là Chi bộ Tập đoàn mộc Bình Dân), nâng tổng số chi bộ trực thuộc Đảng bộ lên 7 đơn vị (Ủy ban Hành chính thị xã, Dân Đảng thị xã, Long Thành, Hùng Vương, Chiến Thắng, Hoà Bình và Tập đoàn mộc Bình Dân). Ban Cán sự Đảng thị xã có 3 ủy viên: Trần Văn Cầu (Trưởng ban), Nguyễn Quang Hiệu (Phó ban), Nguyễn Văn Chức (Ủy viên). Thông qua tăng cường đấu tranh tự phê bình và phê bình, tình hình chưa thật sự thống nhất, va vấp về lề lối công tác trong nội bộ Ban Cán sự Đảng thị xã (chủ yếu giữa các đồng chí

Trưởng ban và Phó ban) đã được giải quyết, tuy chưa triệt để nhưng có tiến bộ và tương đối ổn định⁽¹⁾.

Cuối năm 1958, thực hiện quyết định của Ủy ban Hành chính tỉnh, Ủy ban Hành chính thị xã thành lập 4 khu phố: Hoàng Văn Thụ, Đội Cấn, Phan Đình Phùng, Trưng Vương⁽²⁾. Cùng thời gian này, thực hiện quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng thị xã thành lập 4 chi bộ ở 4 khu phố: 1- Chi bộ Khu phố Hoàng Văn Thụ được thành lập trên cơ sở số đảng viên của Chi bộ Hoà Bình và Chi bộ Chiến Thắng; 2- Chi bộ Khu phố Phan Đình Phùng được thành lập trên cơ sở Chi bộ Long Thành; 3- Chi bộ Khu phố Đội Cấn được thành lập trên cơ sở số đảng viên của Chi bộ Hòa Bình ở 2 phố Phủ Liễn và Quang Trung; 4- Chi bộ Khu phố Trưng Vương được thành lập trên cơ sở số đảng viên ở 2 phố Hùng Vương và Bến Tượng.

Bước sang năm 1959 - một năm có nhiều sự kiện quan trọng đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc thị xã Thái Nguyên. Vào đầu năm, Hội nghị đảng viên toàn thị xã được tổ chức, công bố quyết định của Ban Thường vụ Khu ủy về việc giải thể Ban Cán sự Đảng thị xã để thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Thái Nguyên gồm 9 ủy viên; Ban Thường vụ Thị ủy có 3 ủy viên: Trần Văn Cầu giữ chức vụ Bí thư, Huỳnh Hữu giữ chức vụ Phó Bí thư và Nguyễn Quang Hiệu là Ủy viên.

⁽¹⁾ Ban Cán sự Đảng thị xã Thái Nguyên: *Báo cáo Công tác 6 tháng đầu năm 1958*. Số 12/BC, ngày 1/7/1958, tr.3.

⁽²⁾ Trong đó: Khu phố Hoàng Văn Thụ gồm 3 phố: Chiến Thắng (2 bên Quốc lộ 1B từ cầu Gia Bầy lên ngã 4 Chùa Hang), Gia Bầy (2 bên Quốc lộ 3 từ cầu Gia Bầy lên cầu Mỏ Bạch), Quán Triều (2 bên Quốc lộ 3 từ cầu Mỏ Bạch lên Cầu số 5); Khu phố Đội Cấn gồm 2 phố: Phù Liễn (2 bên đường cũ từ Bảo tàng ra ga Thái Nguyên), Quang Trung (2 bên đường từ bến xe cũ lên ngã 3 Mỏ Bạch); Khu phố Phan Đình Phùng gồm 3 phố: Đội Cấn (2 bên Quốc lộ 3 khu Gia Sàng), Tân Long (2 bên Quốc lộ 3 từ Bưu điện tỉnh đến Điện lực Thành phố), Tân Thành (2 bên Quốc lộ 3 từ cầu Xương Rồng đến đường rẽ vào sân vận động); Khu phố Trưng Vương gồm 2 phố: Hùng Vương, Bến Tượng.

Ngày 4/6/1959, Hội đồng Chính phủ ra quyết định thành lập Công trường xây dựng Khu Gang thép Thái Nguyên. Chỉ 4 ngày sau, ngày 8/6/1959, Bác Hồ đến thăm Công trường. Bác động viên cán bộ, công nhân Công trường là những người đi trước. Bác khen kết quả xây dựng bước đầu của Công trường và ân cần nhắc nhở cán bộ, công nhân đoàn kết thi đua hoàn thành xây dựng Khu Gang thép.

Những sự kiện trên đã tạo điều kiện thuận lợi rất to lớn, đồng thời có sức cổ vũ mạnh mẽ về tinh thần đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc thị xã Thái Nguyên trong suốt chặng đường xây dựng, phát triển quê hương.

Tại Hội nghị đảng viên toàn thị xã, hầu hết các đại biểu nhất trí khẳng định: Năm 1958, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện vượt kế hoạch sản xuất rau xanh và chăn nuôi. Việc mở rộng cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế công, thương nghiệp tư bản tư doanh, ổn định giá cả thị trường, giải quyết công ăn, việc làm cho nhân dân lao động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên đã thu được kết quả bước đầu⁽¹⁾. Trên cơ sở đó, Hội nghị đề ra nhiệm vụ của Đảng bộ năm 1959: *“Tích cực cải tạo thành phần kinh tế tiểu thủ công, tiểu thương, nông nghiệp cá thể thành kinh tế hợp tác xã, cải tạo kinh tế công thương nghiệp tư bản, tư doanh... đồng thời phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và vật liệu phục vụ cho xây dựng địa phương với phương châm nhanh, nhiều, tốt, rẻ. Thực hiện phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, xóa nạn mù chữ cho số người còn lại trong diện từ 12 đến 50 tuổi, bổ túc văn hóa cho cán bộ và nhân dân lao động; trên cơ sở đó mà củng cố Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng”*⁽²⁾.

(1) Ban Cán sự Đảng thị xã Thái Nguyên: *Báo cáo tổng kết công tác năm 1958 tại Đại hội toàn Đảng bộ thị xã Thái Nguyên*. Số 29/BC, ngày 12/12/1958, tr.1.

(2) Thị ủy Thái Nguyên: *Báo cáo tổng kết công tác năm 1959*. Số 68/BC, ngày 15/1/1960, tr.1.

Khi bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ cải tạo các thành phần kinh tế, Đảng bộ thị xã đã nhận thức đầy đủ ý nghĩa to lớn của nó, coi đó là một cuộc cách mạng sâu sắc và triệt để về mọi mặt. Do đó, để đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này, Đảng bộ coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm cho mọi người phân biệt con đường tư bản chủ nghĩa và con đường xã hội chủ nghĩa; nhận rõ con đường đi lên của miền Bắc là phải bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp chủ yếu là tổ chức nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Đảng bộ thị xã luôn quán triệt đường lối, phương châm của Đảng là: Kết hợp chặt chẽ hợp tác hóa với cải tiến kỹ thuật và phát triển sản xuất; hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa và tổ chức lại lực lượng lao động; đưa nông dân từ làm ăn riêng lẻ, qua tổ đổi công, tiến lên hợp tác xã bậc thấp, chuyển lên hợp tác xã bậc cao.

Việc lãnh đạo thực hiện nguyên tắc: *“Tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ”* với phương châm dựa vào quần chúng, kiên trì giáo dục, tổ chức quần chúng, đã dẫn đến kết quả: Năm 1960, thị xã có 85% số hộ nông dân vào hợp tác xã.

Cư dân nông nghiệp của thị xã gồm 3 bộ phận: Một bộ phận chuyên canh sản xuất lương thực (chủ yếu là lúa), một bộ phận vừa cấy lúa vừa trồng rau và một bộ phận chuyên canh rau. Xuất phát từ đặc điểm này, Đảng bộ tập trung lãnh đạo xây dựng các hợp tác xã chuyên trồng lúa để tự giải quyết một phần lương thực; đồng thời coi trọng lãnh đạo xây dựng các hợp tác xã chuyên canh rau hoặc hợp tác xã vừa trồng lúa vừa trồng rau, nhằm cung cấp rau xanh và sản phẩm chăn nuôi cho thị xã.

Do Đảng bộ coi trọng lãnh đạo công tác quản lý hợp tác xã, sản xuất có kế hoạch và đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nên sản xuất nông nghiệp của thị xã đạt được nhiều thành tích. Tính riêng

năm 1960, nhân dân thị xã đã gieo cấy 3,1 ha lúa mùa, trồng được 4 ha khoai lang, 1,6 ha sắn, 27,7 ha rau xanh, 3 ha mía; năng suất lúa mùa đạt 1.939 kg/ha, năng suất rau xanh các loại đạt 15.669 kg/ha; sản lượng lúa mùa đạt 6 tấn, sắn 23,5 tấn, rau xanh 378,3 tấn (tăng 139,3 tấn so với năm 1958).

Ngành Chăn nuôi (chủ yếu là chăn nuôi gia súc) có những bước tiến rõ rệt: Đàn trâu từ 105 con năm 1958, tăng lên 392 con năm 1959 và 399 con năm 1960; đàn bò từ 46 con năm 1958, tăng lên 141 con năm 1959 và 150 con năm 1960. Tuy nhiên, đàn lợn lại giảm sút, từ 2.938 con năm 1958, xuống 2.728 con năm 1959 và 1.802 con năm 1960⁽¹⁾.

Song song với cải tạo nông nghiệp, Đảng bộ thị xã tập trung lãnh đạo cải tạo công, thương nghiệp tư bản tư doanh, coi đây là một công tác trung tâm. Trước khi cải tạo công, thương nghiệp, trên địa bàn thị xã một số hộ công, thương đã tham gia các hình thức kinh tiêu, đại lí, nhận gia công theo hợp đồng. Nhờ đó, công tác lãnh đạo cải tạo công, thương nghiệp tư bản tư doanh ở thị xã đạt kết quả tốt.

Tính đến tháng 12/1959, toàn thị xã có 175 trong tổng số 266 hộ thủ công (bằng 65,78%), 431 trong tổng số 527 hộ tiểu thương (bằng 81,7%), 698 trong tổng số 1.183 hộ thương nghiệp phục vụ và ăn uống (bằng 59%) và 127 trong tổng số 135 hộ hoạt động vận tải bằng xe trâu kéo (bằng 93,4%) vào hợp tác xã. Sang năm 1960, số hộ thương nghiệp vào hợp tác xã tăng lên 1.778 (chiếm 77,4% tổng số hộ thương nghiệp). Trong quá trình cải tạo thương nghiệp, Đảng bộ đã lãnh đạo vận động gần 350 hộ chuyển sang sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thị xã, nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể, tư hữu đã đạt được kết quả quan trọng, hoàn thành trước 4 tháng so với kế hoạch 3

⁽¹⁾ Tất cả các số liệu trồng trọt, chăn nuôi trên đều theo Số liệu thống kê kinh tế, văn hóa tỉnh Thái Nguyên 1955 - 1960 của Chi cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên.

năm (1958 - 1960). Trong những tháng cuối năm 1960, Thị ủy tập trung lãnh đạo củng cố phong trào hợp tác hóa, phát triển sản xuất.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1958 - 1960), được sự quan tâm của Đảng bộ thị xã, ngành Giáo dục phổ thông tiếp tục phát triển. Năm học 1959 - 1960, Trường Phổ thông (quốc lập) cấp I có 10 lớp, với 10 giáo viên và 466 học sinh; Trường Phổ thông (dân lập) cấp I có 20 lớp, với 18 giáo viên và 980 học sinh (số học sinh vượt chỉ tiêu sĩ số 59,07%); Trường Phổ thông (dân lập) cấp II có 4 lớp, với 7 giáo viên và 228 học sinh. Phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì và mở rộng. Năm 1959, thị xã có thêm 359 người trong tổng số 447 người thuộc diện phải thanh toán được thoát nạn mù chữ (đạt 80,3%); các khu phố Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đội Cấn hoàn thành 100% chỉ tiêu xóa nạn mù chữ. Tuy nhiên, công tác bổ túc văn hóa cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, xã viên hợp tác xã, do chưa được Đảng bộ quan tâm đầy đủ, thiếu biện pháp tích cực, nên năm 1959, toàn thị xã chỉ có 72 người đỗ bổ túc văn hóa lớp 1, 10 người đỗ bổ túc văn hóa lớp 2 và 21 người đỗ bổ túc văn hóa lớp 3. Công tác y tế, chăm lo sức khỏe cán bộ và nhân dân được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Hầu hết các khu phố, các cơ sở sản xuất lớn đều có tủ thuốc, có ban phòng bệnh, trạm hộ sinh dân lập, trạm xá.

Những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa trong 3 năm (1958 - 1960) phản ánh kết quả công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ. Trong năm 1959, Đảng bộ bồi dưỡng, kết nạp 16 quần chúng ưu tú vào Đảng; điều động 2 Bí thư chi bộ khu phố lên Ủy ban Hành chính thị xã, đề bạt 2 Chi ủy viên lên Bí thư chi bộ khu phố, 1 Tổ trưởng Đảng lên Chi ủy viên; đồng thời cũng thi hành kỉ luật khai trừ ra khỏi Đảng 1 đảng viên, cách chức (hạ tâng công tác) 1 đảng viên, cảnh cáo 1 đảng viên và phê bình ghi lí lịch 1 đảng viên. Cuối năm 1959, Thị ủy tổ chức chia tách Chi bộ Chính quyền thành 3 chi

bộ: Chính quyền, Đoàn Công an, Phòng Công thương và thành lập thêm Chi bộ Phòng Thuế. Vào thời điểm này, Đảng bộ thị xã có 127 đảng viên, sinh hoạt ở 10 chi bộ, gồm 4 chi bộ ở 4 khu phố (Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đội Cấn), với 59 đảng viên; 1 chi bộ hợp tác xã (Chi bộ Hợp tác xã sản xuất đồ gỗ), với 6 đảng viên và 5 chi bộ cơ quan (Dân Đảng, Chính quyền, Đoàn Công an, Phòng Công thương và Phòng Thuế), với 62 đảng viên.

Đầu năm 1960, cùng với nhân dân cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc thị xã Thái Nguyên long trọng tổ chức Lễ kỉ niệm lần thứ 30 Ngày thành lập Đảng. Chỉ hơn 1 tháng sau, ngày 13/3/1960, tại Sân vận động thị xã đã diễn ra cuộc mít tinh lớn, với hơn 4 vạn đại biểu nhân dân các dân tộc trong tỉnh tham dự để đón nhận *Huân chương Lao động hạng Ba* của Chính phủ tặng cho tỉnh Thái Nguyên và *Huân chương Lao động hạng Hai* tặng cho huyện Định Hóa. Niềm vui được nhân lên gấp bội khi được Bác Hồ về thăm và nói chuyện với cán bộ, đồng bào trong ngày hội lớn này. Bác khen: “*Ở thị xã Thái Nguyên, công nhân, bộ đội, cán bộ và đồng bào đều cố gắng sản xuất và tham gia lao động xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phong trào thể thao, thể dục, chú ý vệ sinh phòng bệnh, xây dựng công nghiệp địa phương, như vậy là tốt*”⁽¹⁾.

Sau khi biểu dương những thành tích đã đạt được trong chiến tranh cũng như trong hòa bình, Bác căn dặn cán bộ và nhân dân Thái Nguyên “... *phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm*...”⁽²⁾; “... *phải đoàn kết hơn nữa. Đoàn kết giữa các dân tộc, giữa đồng bào lương và giáo. Đoàn kết là sức mạnh, có sức mạnh đoàn kết thì làm việc gì cũng thành công*”⁽³⁾. Tiếp theo, Bác Hồ đi thăm Công trường Xây dựng Khu Gang thép, Trường Thiếu nhi Vùng cao Việt Bắc (nay

(1) Theo: *Bác Hồ với Thái Nguyên. Thái Nguyên với Bác Hồ*. In lần thứ 2 (có sửa chữa và bổ sung). Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2014, tr.298.

(2) Theo: *Bác Hồ với Thái Nguyên. Thái Nguyên với Bác Hồ*... Sdd, tr.295.

(3) Theo: *Bác Hồ với Thái Nguyên. Thái Nguyên với Bác Hồ*... Sdd, tr.302.

là Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc), Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến (nay là Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến), Bệnh viện Khu Tự trị Việt Bắc (nay là Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên)... Ở mỗi nơi đến thăm, Người đều ân cần nhắc nhở, căn dặn mọi người tăng cường đoàn kết, ra sức thi đua làm nhanh, nhiều, tốt, rẻ; cố gắng học tập chính trị, khoa học kỹ thuật và văn hoá.

Những lời nhắc nhở, căn dặn của Bác Hồ là nguồn động viên toàn Đảng bộ tỉnh nói chung, Đảng bộ thị xã Thái Nguyên nói riêng nỗ lực phấn đấu vươn lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo các mặt công tác trong những năm sau đó.

Trong không khí phấn khởi vừa được đón Bác Hồ về thăm, thực hiện chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, từ ngày 12 đến ngày 19/4/1960, Đảng bộ thị xã tổ chức Đại hội lần thứ nhất. Tham dự Đại hội, có 113 đảng viên (trong đó có 26 đảng viên dự bị) trên tổng số 143 đảng viên của Đảng bộ. Bí thư Tỉnh ủy Lê Đức Chính đã đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến bổ sung vào bản dự thảo *Điều lệ Đảng (Sửa đổi)* do Ban Chấp hành Trung ương khóa II trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III. Đại hội thảo luận, thông qua nghị quyết về công tác lãnh đạo của Đảng bộ thị xã năm 1960 và những năm tiếp theo trên các lĩnh vực: 1- Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế; 2- Đẩy mạnh sản xuất thủ công nghiệp, rau màu; 3- Lao động xã hội; 4- Trồng cây gây rừng; 5- Quản lý thị trường; 6- Giao thông vận tải; 7- Tài chính, ngân hàng; 8- Văn hóa, giáo dục, y tế; 9- Công tác trị an, xây dựng lực lượng hậu bị; 10- Công tác mặt trận và các tổ chức quần chúng; 11- Công tác chính quyền; 12- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: Phải ra sức củng cố hợp tác xã, ổn định tư tưởng cho xã viên, đẩy mạnh sản xuất; bước đầu đưa các hợp tác xã đi vào sản xuất có kế

hoạch để phục vụ nông nghiệp, hàng tiêu dùng và phục vụ Khu Công nghiệp Gang thép; đẩy mạnh phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục nhằm cải thiện đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân... Củng cố chi bộ, phát triển đảng viên, tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ đảng làm hạt nhân lãnh đạo công tác lãnh đạo của Đảng ở cơ sở.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã khóa I và bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI. Đại hội quyết định Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I có 13 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Tuy nhiên, phải qua 5 vòng, Đại hội mới bầu đủ 13 ủy viên chính thức và qua 1 vòng bầu được 2 ủy viên dự khuyết. Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI gồm 5 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết.

Chiều ngày 19/4/1960, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã khóa I họp phiên thứ nhất để bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Thị ủy và phân công nhiệm vụ cho từng ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ. Theo đó, Ban Thường vụ Thị ủy gồm 5 ủy viên; các đồng chí: Nguyễn Quang Hiệu được bầu giữ chức vụ Bí thư và Huỳnh Hữu được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư.

Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất là phương hướng cho Đảng bộ thị xã tiếp tục lãnh đạo củng cố phong trào hợp tác hóa, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

II- Lãnh đạo thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)

Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III đề ra nhiệm vụ cách mạng của nhân dân Việt Nam là đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ... Đại hội nhất trí thông qua nhiệm vụ và phương

hướng của Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ nhất, các cấp ủy đảng trong Đảng bộ tập trung lãnh đạo củng cố phong trào hợp tác hóa các ngành: Thủ công nghiệp, Thương nghiệp, Nông nghiệp và Vận tải thô sơ. Kết quả, chỉ tính riêng năm 1960, các cấp ủy đảng trong toàn Đảng bộ lãnh đạo phát triển thêm được 22 hợp tác xã tiểu thủ công, nâng số hợp tác xã tiểu thủ công toàn thị xã lên 36 đơn vị; 24 tổ hợp tác ăn uống, phục vụ và thương nghiệp; 4 hợp tác xã rau xanh và 1 hợp tác xã vận tải thuyền⁽¹⁾.

Sáu tháng cuối năm 1961, cán bộ, xã viên trong các hợp tác xã rèn, sản xuất đồ gỗ, sửa chữa xe đạp, cắt tóc, ăn uống... được tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 5/7/1961 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về nhiệm vụ, phương hướng phát triển sản xuất và củng cố hợp tác xã thủ công nghiệp*.

Thông qua học tập, *“cán bộ, xã viên các hợp tác xã đã thấy được rõ hơn ý nghĩa về những thắng lợi to lớn và căn bản của phong trào hợp tác xã, xác định được vai trò và nhiệm vụ của mình đối với hợp tác xã, đối với Nhà nước, đối với việc phục vụ nhân dân; đồng thời cũng thấy được những sai lầm, thiếu sót của mình để sửa chữa, khắc phục”*⁽²⁾. Trong điều kiện nguyên vật liệu khan hiếm, các hợp tác xã thủ công nghiệp đã có nhiều cố gắng vận động cán bộ, xã viên tự khai thác, tìm tòi, tiết kiệm, cung cấp một phần nguyên vật liệu để đảm bảo kế hoạch sản xuất và thu nhập. Cán bộ, xã viên Hợp tác xã Cơ khí Bắc

⁽¹⁾ Thị ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết công tác năm 1960*. Số 03/BC, ngày 9/1/1961, tr.2, 3.

Hợp tác xã vận tải thuyền thị xã Thái Nguyên được thành lập ngày 6/7/1960, gồm 53 hộ, 134 xã viên, với tổng số 39 chiếc thuyền.

⁽²⁾ Thị ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết công tác năm 1961*. Số 01/BC, ngày 10/1/1962, tr.2.

Nam đã phát huy nhiều sáng kiến tiết kiệm than, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Năm 1961, sản xuất thủ công nghiệp của thị xã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch cả năm trước thời hạn 1 tháng; giá trị tổng sản lượng đạt 1.847.929 đồng, tăng 19,4% so với năm 1960 và tăng 2,47% so với kế hoạch.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được củng cố và giữ vững. Đến cuối năm 1961, trên 81% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã. Tổng diện tích gieo trồng đạt 57 ha (có 15 ha trồng cây lương thực, 33 ha trồng cây thực phẩm, 9 ha trồng cây công nghiệp). Tổng sản lượng lương thực đạt 37 tấn (có 25 tấn thóc), tổng sản lượng rau xanh đạt 434 tấn; đàn lợn có 2.557 con (tăng 822 con so với năm 1960)⁽¹⁾.

Hợp tác xã Vận tải xe trâu hoàn thành vượt mức kế hoạch 5% và trước thời gian 16 ngày, thu nhập bình quân của mỗi xã viên từ 48 đồng năm 1960, tăng lên 74 đồng năm 1961.

Công tác xây dựng, rèn luyện đội ngũ đảng viên tiếp tục được các cấp ủy đảng coi trọng. Trong 2 năm (1960 - 1961), Đảng bộ thị xã đã kết nạp 63 đảng viên. Cuối năm 1961, Đảng bộ tách 2 chi bộ Chính quyền và Lò vôi thành 4 chi bộ. Từ thời điểm này, Đảng bộ thị xã có 15 chi bộ, với tổng số 195 đảng viên.

Cùng với việc phát triển đảng viên, công tác rèn luyện, quản lý đội ngũ đảng viên cũng được các cấp ủy đảng trong Đảng bộ hết sức coi trọng. Năm 1960, các cấp ủy đảng trong Đảng bộ đã kiểm tra, xác minh, không công nhận 2 đảng viên; thi hành kỉ luật cảnh cáo, cách chức 4 đảng viên (có 1 chi ủy viên). Năm 1961, các cấp ủy đảng trong Đảng bộ tiếp tục thi hành kỉ luật 7 đảng viên (cảnh cáo 3, cách chức 1, khai trừ lưu Đảng 2 và không công nhận 1 đảng viên).

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tháng 10/1961, Đảng bộ thị xã tổ chức Đại hội lần thứ II. Đánh giá tình hình thực hiện

⁽¹⁾ Thị ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết công tác năm 1961...* Tlđd, tr.5.

Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất (4/1960), Đại hội khẳng định: Đảng bộ đã lãnh đạo, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân thị xã khắc phục khó khăn, hoàn thành vượt mức kế hoạch tỉnh giao; sự đoàn kết, thống nhất trong Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã và các cấp ủy chi bộ cơ sở được tăng cường hơn, sinh hoạt dân chủ đều đặn, sinh hoạt tự phê bình và phê bình được đẩy mạnh. Đại hội cũng chỉ rõ: Công tác lãnh đạo bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý hợp tác xã chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ; tình trạng tham ô, lãng phí còn khá phổ biến trong các hợp tác xã, làm cho quần chúng thiếu tin tưởng, phấn khởi đẩy mạnh sản xuất...

Xuất phát từ đặc điểm tình hình và yêu cầu cách mạng trong thời kỳ mới, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 1961 - 1962. Trong đó, nêu rõ: Đẩy mạnh phát triển sản xuất hoa màu, lương thực và chăn nuôi để giảm bớt cung cấp của Nhà nước, ổn định thị trường; phát triển giáo dục, đảm bảo yêu cầu học tập của cán bộ và nhân dân; xây dựng, củng cố lực lượng hậu bị đáp ứng tốt yêu cầu bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần thiết thực vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II (nhiệm kỳ 1961 - 1962) gồm 13 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã bầu Ban Thường vụ Thị ủy gồm 5 ủy viên; các đồng chí: Huỳnh Hữu được bầu giữ chức vụ Bí thư, Nguyễn Tất Hạch giữ chức vụ Phó Bí thư⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã lãnh đạo các Hợp tác xã Toàn Thắng và Hợp Lực tiến hành cơ khí hóa một phần và chuyển lên cấp cao; các Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà, Bắc Nam, Gõ 1-5, Ép dầu, Bọt kẽm... trang bị thêm máy móc và bước đầu sử dụng điện vào sản xuất. Nhờ đó, sản xuất thủ công nghiệp

⁽¹⁾ Thị ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Về việc thi hành Nghị quyết 39 của Trung ương và Nghị quyết 19 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên*. Số 14/BC-TX ngày 3/11/1962, tr.1.

phát triển, mức thu nhập mỗi tháng của xã viên các hợp tác xã sản xuất và phục vụ Cộng Đồng, Toàn Lực, Than quả bàng, Bắc Sơn, Vạn Xuân, Hồng Thái, Nha Trang,... đạt từ 60 đồng đến 84 đồng⁽¹⁾.

Trong sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh trồng sắn. Thị ủy tập trung 28 cán bộ xuống lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã nông nghiệp trồng, thu hoạch, chế biến được hơn 117,8 tấn bột sắn và trên 5,8 tấn sắn lát khô bán cho Nhà nước. Đảng bộ lãnh đạo khuyến khích nhân dân đẩy mạnh chăn nuôi lợn. Tính đến ngày 26/11/1962, tổng đàn lợn của thị xã có 1.719 con (tăng 267 con so với chỉ tiêu kế hoạch) và bán cho Nhà nước trên 69,5 tấn thịt hơi (tăng 39,5 tấn so với kế hoạch và vượt hơn 40,8 tấn so với năm 1961)⁽²⁾.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục được Đảng bộ thị xã quan tâm lãnh đạo. Cơ sở vật chất các trường học được tu sửa và mở rộng. Tổng kết năm học 1961 - 1962, ngành Giáo dục thị xã cùng với 341 học sinh, 35 giáo viên ở 2 trường phổ thông cấp I và Trường Phổ thông cấp II được khen thưởng. Bước sang năm học 1962 - 1963, số lớp và số học sinh từ mẫu giáo đến cấp II đều tăng so với năm học 1961 - 1962⁽³⁾. Trường Phổ thông cấp II thị xã được xây dựng bán kiên cố, đóng thêm

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết công tác năm 1962 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Thái Nguyên. Số 01-BC/TX, ngày 31/1/1963, tr.2. (Báo cáo do Bí thư Thị ủy Huỳnh Hữu kí, không khớp với cuốn Kỷ yếu 50 năm thành phố Thái Nguyên, tr.40, Phó Bí thư, Quyền Bí thư Thành ủy 1962 - 1963 là đồng chí Hoàng Minh Chí).

⁽²⁾ Theo: Báo cáo Tổng kết công tác năm 1962 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Thái Nguyên... Tlđd, tr.9.

⁽³⁾ Theo: Báo cáo Tổng kết công tác năm 1962 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Thái Nguyên... Tlđd, tr.11, số lớp và số học sinh năm học 1962 - 1963 so với năm học 1961 - 1962 như sau:

Cấp học	Năm học 1961 - 1962		Năm học 1962 - 1963		Số lượng tăng	
	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh
Mẫu giáo	3	120	6	275	3	155
Vỡ lòng	13	847	17	835	4	
Cấp I	32	1.694	40	2.014	8	320
Cấp II	10	520	14	760	4	240

90 bộ bàn ghế, bảng và dựng 9 gian nhà ở tập thể cho giáo viên. Cùng với việc tăng cường cơ sở vật chất, phong trào thi đua *Hai tốt* được đẩy mạnh trong các nhà trường.

Công tác bồi dưỡng văn hóa cũng có những bước chuyển biến mới, chất lượng giáo viên được nâng lên. Sự phối hợp giữa Ban Vận động bồi dưỡng văn hóa với giáo viên phổ thông và Đoàn Thanh niên được tăng cường, hoạt động đi vào nề nếp. Tính đến tháng 1/1963, toàn thị xã có 1.621 học viên theo học các lớp bồi dưỡng văn hóa; trong đó có: 79 học viên sơ cấp, 1.235 học viên cấp I, 307 học viên cấp II⁽¹⁾.

Công tác quân sự địa phương thường xuyên được Đảng bộ coi trọng. Đến năm 1962, Thị ủy lãnh đạo xây dựng, củng cố được 4 ban chỉ huy khu đội và 4 đại đội, 2 trung đội dân quân, tự vệ ở 4 khu phố: Trung Vương, Đội Cấn, Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng. Số cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, tự vệ tăng 11,79% so với năm 1961; 100% cơ sở dân quân, tự vệ thị xã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự cả năm trước thời gian quy định 75 ngày.

Để đáp ứng yêu cầu và điều kiện phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của thị xã Thái Nguyên, ngày 19/10/1962, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 114/CP *Về việc thành lập thành phố Thái Nguyên, thị trấn Trại Cau và điều chỉnh địa giới một số xã và huyện trong tỉnh Thái Nguyên*.

Quyết định của Hội đồng Chính phủ chỉ rõ 3 điều:

Điều 1: Thành lập thành phố Thái Nguyên trực thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Địa giới thành phố Thái Nguyên gồm:

Thị xã Thái Nguyên cũ.

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo Tổng kết công tác năm 1962 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Thái Nguyên. Số 01-BC/TX, ngày 31/1/1963, tr.11.

Các xã: Cam Giá, Gia Sàng, Túc Duyên, Quang Vinh, Đồng Bẩm thuộc huyện Đồng Hỷ.

Các xóm Chùa, Quan Triều của xã Lương Sơn thuộc huyện Đồng Hỷ.

Các xóm Hòa Bình, Minh Cầu, Thống Nhất, Cầu Tre, Tiến Thành, Cáp Tiến của xã Đồng Quang thuộc huyện Đồng Hỷ.

Các xóm Ôn Lương, Thành, Phố của xã Tích Lương thuộc huyện Đồng Hỷ.

Các xóm Nhân Thịnh, Ngọc Lâm của xã Thượng Đình thuộc huyện Phú Bình.

Các xóm Ngân, Na Hoàng, Tiến Bộ, Phú Thái, Lương Thịnh, Tân Trung của xã Lương Sơn thuộc huyện Phú Bình.

Xóm Hanh của xã Trần Phú thuộc huyện Phú Bình.

Xóm Tân Long của xã Sơn Cẩm thuộc huyện Phú Lương.

Điều 2: Thành lập thị trấn Trại Cau thuộc thành phố Thái Nguyên. Địa giới thị trấn Trại Cau gồm 3 xóm: Thái Thông, Đoàn Kết, Thác Lạc của xã Tân Lợi thuộc huyện Đồng Hỷ.

Điều 3: Bãi bỏ đơn vị hành chính xã Đồng Quang thuộc huyện Đồng Hỷ và sáp nhập các xóm Kiến Ninh, Phú Thái, Yên Lập của xã Đồng Quang cũ vào xã Quyết Thắng cùng huyện.

Sáp nhập xóm Sau và xóm Trước của xã Lương Sơn thuộc huyện Phú Bình vào xã Tân Quang thuộc huyện Đồng Hỷ⁽¹⁾.

Sau khi thành lập, thành phố Thái Nguyên có tổng diện tích tự nhiên hơn 100 km², dân số khoảng trên, dưới 6 vạn người; địa giới

⁽¹⁾ Tuy nhiên, khi tổ chức thành lập thành phố Thái Nguyên, một số nội dung trong Quyết định số 114/CP của Hội đồng Chính phủ không thực hiện hoặc có nội dung lại được bổ sung (ví dụ: xã Đồng Quang không giải thể mà vẫn là 1 xã thuộc thành phố Thái Nguyên. Trong Quyết định không có nội dung thành lập thị trấn Núi Voi, nhưng khi tiến hành thành lập thành phố Thái Nguyên lại tổ chức thành lập thị trấn Núi Voi thuộc thành phố...).

gồm 5 khu phố: Hoàng Văn Thụ, Đội Cấn, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Gang Thép (sau đổi thành Lưu Xá), 2 thị trấn: Trại Cau, Núi Voi và 6 xã: Đồng Quang, Quang Vinh, Đồng Bầm, Gia Sàng, Túc Duyên, Cam Giá.

Giữa tháng 2/1963, Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc ra quyết định thành lập Đảng bộ thành phố Thái Nguyên và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời gồm 12 ủy viên; trong đó, đồng chí Hoàng Minh Chí được chỉ định giữ chức vụ Phó Bí thư, Quyền Bí thư Thành ủy; đồng chí Huỳnh Hữu - Ủy viên Ban Thường vụ, được chỉ định giữ chức vụ Thường trực Thành ủy. Vào thời điểm thành lập, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên có 600 đảng viên sinh hoạt ở 23 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Thành ủy.

Ngày 23/3/1963, Ban Thường vụ Thành ủy họp mở rộng, phân công các ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phụ trách các xã. Theo đó, các đồng chí: Hoàng Minh Chí phụ trách thị trấn Trại Cau, Huỳnh Hữu phụ trách xã Đồng Quang, Nguyễn Văn Thụ phụ trách xã Túc Duyên, Nguyễn Văn Hòa phụ trách xã Cam Giá, Nguyễn Tất Hạch phụ trách xã Đồng Bầm, Ngô Văn Sổ phụ trách xã Quang Vinh, Dương Quyền phụ trách xã Gia Sàng; các đồng chí: Trần Văn Cầu, Nguyễn Quang Miện phụ trách vấn đề nghiên cứu chia nhỏ Hợp tác xã Cam Giá⁽¹⁾.

Thực hiện Quyết định số 30/TM ngày 20/2/1963 của Bộ Tổng Tham mưu về việc thành lập Ban Chỉ huy Thành đội Thái Nguyên, ngày 18/3/1963, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên ban hành Quyết định số 117 bổ nhiệm các đồng chí: Đại úy Triệu Kỳ Phay (nguyên Trợ lý tác chiến Quân khu Tả Ngạn do Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc điều về Tỉnh đội Thái Nguyên nhận công tác) giữ chức vụ Thành đội trưởng, Thượng úy Nguyễn Tế Hồng (nguyên

⁽¹⁾ Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Thái Nguyên: *Nghị quyết Cuộc họp Ban Thường vụ Thành ủy mở rộng (ngày 23/3/1963)*. Số 3-NQ/TP, ngày 27/3/1963, tr.3.

Phó Chủ nhiệm Chính trị Tỉnh đội Thái Nguyên) giữ chức vụ Chính trị viên Thành đội, Trung úy Đỗ Thắng (nguyên Thị đội trưởng Thái Nguyên) giữ chức vụ Thành đội phó và Trung úy Đặng Đức Thuyết (nguyên Chính trị viên Thị đội Thái Nguyên) giữ chức vụ Chính trị viên phó Thành đội. Các đảng viên công tác ở 2 đơn vị: Ban Chỉ huy Thành đội và Đoàn Công an thành phố vẫn sinh hoạt đảng trong Chi bộ Ủy ban Hành chính thành phố.

Sau ngày thành lập, Ban Chỉ huy Thành đội Thái Nguyên chỉ đạo đơn vị thực hiện tốt việc tiếp nhận các cơ sở dân quân, tự vệ của các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, trường học của tỉnh, khu và Trung ương nằm trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 224/QĐ của Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 22 đến ngày 25/5/1963, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ nhất. Tham dự Đại hội có 80 đại biểu thay mặt cho 600 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Thái Nguyên (tháng 10/1961), Đại hội khẳng định: “... Đảng bộ đã tổ chức và lãnh đạo toàn thể đảng viên, cán bộ và nhân dân ra sức phấn đấu, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước của tỉnh giao cho. Các phong trào sản xuất thủ công nghiệp, chăn nuôi lợn, trồng rau xanh và gửi tiền tiết kiệm... đã thu được những kết quả đáng kể; với 2 hợp tác xã thủ công nghiệp được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều hợp tác xã thủ công nghiệp khác được tặng Giấy khen của các cấp các ngành từ tỉnh đến Trung ương. Công tác văn hóa, xã hội, bảo vệ trị an cũng đều có những tiến bộ; đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động đã được cải thiện một bước”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ nhất, tr.1.

Đại hội cũng chỉ rõ: “*Các cấp ủy đảng trong Đảng bộ lãnh đạo công tác xây dựng, củng cố chi bộ về tổ chức và tư tưởng còn nhiều lúng túng, thiếu sắc bén và kịp thời, thiếu kế hoạch thường xuyên và vững chắc; lãnh đạo công tác phát triển đảng viên trong các cơ sở sản xuất và lớp người trẻ tuổi còn chậm và hẹp hòi. Lãnh đạo công tác xây dựng, củng cố hợp tác xã chưa sâu sát, thiếu cụ thể; chưa giải quyết kịp thời những khó khăn của từng loại hợp tác xã*”⁽¹⁾.

Đại hội xác định nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ là lãnh đạo sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp; trong đó, lấy sản xuất hàng tiêu dùng là chủ yếu. Trong sản xuất nông nghiệp, lấy lãnh đạo chăn nuôi và trồng rau xanh là chủ yếu; đồng thời phải chú trọng lãnh đạo sản xuất lúa và hoa màu để cố gắng đảm bảo tự túc về khẩu phần lương thực trong nhân dân.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa I (nhiệm kỳ 1963 - 1965), gồm 17 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Thành ủy gồm 5 ủy viên. Các đồng chí: Trần Tường được bầu giữ chức vụ Bí thư, Hoàng Minh Chí được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy. Ban Kiểm tra Thành ủy gồm 3 ủy viên, do đồng chí Hoàng Xuân làm Trưởng ban.

Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tổ chức Đảng đối với Ban Chỉ huy Thành đội và Đoàn Công an thành phố, ngày 18/7/1963, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành nghị quyết tách số đảng viên công tác ở Ban Chỉ huy Thành đội và số đảng viên công tác ở Đoàn Công an thành phố ra khỏi Chi bộ Chính quyền để thành lập Chi bộ Đoàn Công an thành phố và Chi bộ Ban Chỉ huy Thành đội Thái Nguyên.

Thực hiện Quyết định số 651/QĐ-UB ngày 7/10/1963 của Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên, Công an thành phố Thái Nguyên được

⁽¹⁾ *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ nhất*, tr.2.

thành lập (trên cơ sở Đoàn Công an thành phố Thái Nguyên). Khi thành lập, Công an thành phố Thái Nguyên có gần 30 cán bộ, chiến sĩ được tổ chức thành 4 tổ công tác nghiệp vụ (gồm Trinh sát chính trị, Trinh sát hình sự, Hộ khẩu và Giao thông - Trật tự), 2 đồn Công an (Lưu Xá, Trại Cau) và 1 trạm Công an (Quán Triều). Thượng úy Dương Quyền (Thành ủy viên, Trưởng Đoàn Công an thành phố) tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng Công an thành phố.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất, trong điều kiện có nhiều khó khăn về nguyên, vật liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm, những tháng cuối năm 1963 và năm 1964, Đảng bộ tập trung lãnh đạo ngành Thủ công nghiệp giữ vững tiến độ sản xuất, củng cố công tác tài vụ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất lao động. Đúng vào thời điểm này, Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên vô cùng phấn khởi được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm.

Buổi tối 31/12/1963, Bác Hồ đến thăm và nói chuyện với cán bộ, giáo viên, học viên Trường Đảng tỉnh (nay là Trường Chính trị tỉnh). Bác nhắc nhở giáo viên học viên phải dạy tốt, học tốt, tăng cường rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị. Ngày 1/1/1964, Bác đến thăm cán bộ, công nhân Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên, Nhà máy Điện Cao Ngạn... Tiếp đó, 45.000 đại biểu cán bộ, công nhân và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tập trung tại Sân vận động thành phố Thái Nguyên để nghe Bác Hồ nói chuyện. Kết thúc buổi nói chuyện, "*Bác thân ái gửi lời chúc năm mới đến tất cả đồng bào và cán bộ các địa phương*"⁽¹⁾ trong tỉnh.

Được Bác Hồ về thăm, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên nói chung, thành phố Thái Nguyên nói riêng có thêm động lực ra sức thi đua xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa để từng bước nâng cao đời sống. Năm 1964, cán bộ, xã viên ngành Thủ

⁽¹⁾Theo: *Bác Hồ với Thái Nguyên. Thái Nguyên với Bác Hồ...* Sdd, tr.323.

công nghiệp đã phát huy được 72 sáng kiến; trong đó, nhiều sáng kiến ở các hợp tác xã Bắc Nam và Cơ khí Hồng Hà có giá trị kinh tế cao được đưa vào sản xuất. Giá trị tổng sản lượng sản xuất thủ công nghiệp đạt 2.905.000 đồng, tăng 35.000 đồng so với năm 1963.

Sản xuất nông nghiệp thành phố trong 2 năm (1963 - 1964) gặp nhiều khó khăn do thiên tai (úng lụt) gây ra. Chỉ riêng trận úng lụt ngày 16/10/1964, toàn thành phố có 399 mẫu lúa mùa bị ngập úng; sản lượng lúa trên diện tích lúa bị ngập úng giảm gần 300 tấn (khoảng 51%).

Trước tình hình trên, nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, Đảng bộ chủ trương đẩy mạnh công tác thủy lợi và đầu tư phân bón. Thực hiện chủ trương này, thành phố đã xây dựng 5 trạm bơm nước, huy động hàng vạn công đào đắp 30 hồ đập giữ nước, 20 km mương máng dẫn nước đảm bảo nước tưới cho trên 80% diện tích lúa. Bình quân mỗi hécta ruộng lúa được bón 8 tấn phân chuồng. Nhờ đó, trong năm 1964, năng suất lúa bình quân mỗi mẫu đạt 687 kg, tổng sản lượng lúa đạt 3.814 tấn (tăng 4% so với năm 1963).

Chăn nuôi gia súc tiếp tục phát triển, nhất là chăn nuôi lợn. Ngoài số lợn được nuôi ở tất cả các hộ nông nghiệp (bình quân mỗi hộ nuôi 2,97 con), 62% số hộ phi nông nghiệp cũng chăn nuôi, bình quân mỗi hộ có 1,03 con. Cùng với chăn nuôi lợn theo hộ gia đình, 21 hợp tác xã xây dựng chuồng trại, tổ chức chăn nuôi lợn tập thể (mỗi chuồng tối thiểu có 30 con). Kết thúc năm 1964, tổng đàn lợn trên địa bàn thành phố có 9.558 con, tăng 3.213 con với năm 1963 và vượt 18% so với chỉ tiêu kế hoạch; đàn trâu có 2.193 con, tăng 281 con so với năm 1963⁽¹⁾. Chăn nuôi lợn phát triển, nhân dân thành phố tích cực bán lợn cho Nhà nước. Chỉ tính đến cuối tháng 11/1964, nhân dân

⁽¹⁾ Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái: *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa tỉnh Bắc Thái 1955 - 1970*, tr.39, 37.

thành phố đã bán cho Nhà nước hơn 228,1 tấn thịt lợn hơi, tăng 0,9% kế hoạch cả năm, vượt 26,7% so với năm 1963⁽¹⁾.

Từ giữa quý III năm 1964, đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong Ban Chấp hành Đảng bộ và Ủy ban Hành chính thành phố có sự thay đổi. Đồng chí Hoàng Minh Chí (Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố) được Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động đi nhận công tác khác. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khuyết 1 ủy viên chính thức và 1 Phó Bí thư. Trước tình hình này, trong 2 ngày 12 và 13/8/1964, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố họp, nhất trí bầu đồng chí Lê Vạn Thắng (Ủy viên dự khuyết) làm Ủy viên chính thức Ban Chấp hành; bầu đồng chí Nguyễn Văn Thụ (Ủy viên Ban Chấp hành) làm Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; bầu đồng chí Trần Bằng (Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy) giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy (thay đồng chí Hoàng Minh Chí). Tuy nhiên, do việc bầu đồng chí Trần Bằng giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy không có sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, nên không được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn y.

Trước tình hình giặc Mĩ cho máy bay ném bom, bắn phá một số địa điểm trên địa bàn các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Ninh (5/8/1964), Thành ủy tập trung lãnh đạo tăng cường công tác phòng không nhân dân. Những tháng cuối năm 1964, Ban Chỉ huy Thành đội huy động, chỉ huy lực lượng dân quân, tự vệ xây dựng được 46 tổ trực chiến phòng không bắn máy bay Mĩ bay thấp. Các tổ trực chiến của lực lượng dân quân, tự vệ đều được trang bị súng trung liên và súng trường (riêng lực lượng tự vệ Công ty Gang thép Thái Nguyên tổ chức được 20 tổ). Ban Chỉ huy Thành đội mở lớp bồi dưỡng phương pháp bắn máy bay địch bay thấp cho 70 cán bộ dân quân, tự vệ các đơn vị Công ty Gang thép Thái Nguyên, Nhà máy Điện

⁽¹⁾ *Báo cáo Kết quả một số mặt công tác lớn trong năm 1964 của Thành ủy Thái Nguyên. Số 10-BC/TP, ngày 21/12/1964, tr.2.*

Cao Ngạn, Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, Ty Y tế và xã Cam Giá. Ban Chỉ huy Thành đội ưu tiên trang bị các loại súng trường tốt nhất cho các tổ trực chiến bắn máy bay Mĩ bay thấp; một số tổ trực chiến được tăng cường trang bị thêm súng trung liên bắn đạn 7,9 mm.

Nhằm tăng cường rèn luyện ý thức và tinh thần sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng vũ trang địa phương, ngày 19/9/1964, Ủy ban Hành chính và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự thành phố tổ chức thực hành diễn tập động viên quân dự bị. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự thành phố quyết định thành lập Trạm Động viên quân dự bị, do các đồng chí: Triệu Kỳ Phay (Thành đội trưởng) làm Trạm trưởng, Ngô Văn Sô (Thành ủy viên, Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy) làm Chính trị viên.

Trong cuộc diễn tập, hầu hết các cơ quan, đơn vị đều làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; giải quyết chu đáo mọi quyền lợi về vật chất và tinh thần cho hạ sĩ quan, binh sĩ quân dự bị được động viên. Các đơn vị: Công ty Ô tô Việt Bắc, Công ty hợp doanh ô tô, khu phố Trung Vương, xã Gia Sàng,... là những đơn vị được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự thành phố biểu dương, khen ngợi.

Đầu tháng 2/1965, giới cầm quyền Mĩ chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta, với quy mô ngày càng lớn, mức độ ngày càng ác liệt. Cùng thời gian này, giặc Mĩ tăng cường cho các loại máy bay vào hoạt động trinh sát trên vùng trời thành phố Thái Nguyên và các vùng lân cận.

Trong bối cảnh đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Thái Nguyên, từ ngày 9 đến ngày 12/2/1965, Đảng bộ thành phố tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ II. Tham dự Đại hội, có 115 đại biểu thay mặt cho 906 đảng viên, sinh hoạt ở 38 chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Thành ủy.

Trên cơ sở đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trong gần 2 năm (5/1963 - 2/1965) thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất, Đại hội

thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ năm 1965 và những năm tiếp theo; trong đó nhấn mạnh: Bất kì tình huống nào cũng phải đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất và công tác, đồng thời phải chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu tốt⁽¹⁾.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II, gồm 19 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết⁽²⁾. Ngày 12/2/1965, Ban Chấp hành Đảng bộ họp phiên thứ nhất bầu Ban Thường vụ Thành ủy, gồm 7 ủy viên. Các đồng chí: Trần Tường, Lê Đình Nhậm được bầu giữ chức vụ Bí thư và Phó Bí thư Thành ủy. Ban Kiểm tra Thành ủy gồm 3 ủy viên, do đồng chí Lưu Ngọc Thọ làm Trưởng ban.

Trước tình hình giặc Mĩ tăng cường cho máy bay hoạt động trinh sát, chuẩn bị đánh phá, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố tăng cường lãnh đạo công tác phòng không sơ tán. Ngày 22/6/1965, Ban Thường vụ Thành ủy họp, phân công cán bộ làm công tác phòng không nhân dân. Ngày 28/6/1965, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành nghị quyết phân công các đồng chí: Trần Tường (Bí thư Thành ủy), Lê Đình Nhậm (Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố), Dương Văn Quyền (Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Công an thành phố), Triệu Kỳ Phay (Thành ủy viên, Thành đội trưởng), Phan Văn Thọ (Trưởng phòng Y tế thành phố) phụ trách chung toàn thành phố; các đồng chí: Nguyễn Đình Hình (Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực Thành ủy) phụ trách Khu Bắc; Trần Bằng (Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố) phụ trách Khu Trung tâm; Trần Văn Bảo (Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố) phụ trách Khu Nam; Nguyễn Ngọc Minh (Thành ủy viên dự khuyết) phụ trách các cơ quan thành phố.

⁽¹⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết công tác năm 1965 của thành phố Thái Nguyên*. Số 114-BC/TP ngày 25/1/1966, tr.1.

⁽²⁾ Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Nghị quyết Công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Thái Nguyên*. Số 79-NQ/TN ngày 19/3/1965.

Đến hết tháng 6/1965, hầu hết các kho tàng, tài liệu quan trọng, các chất nổ, chất cháy đã được di chuyển, sơ tán ra khỏi nội thành. Các đội phòng cháy, chữa cháy, cứu thương, tải thương, các tổ bắn máy bay thấp của lực lượng dân quân, tự vệ được xây dựng, củng cố.

Thực hiện Chỉ thị ngày 8/7/1965 về những biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái⁽¹⁾: *“Các cơ quan, xí nghiệp, trường học, các đơn vị, bộ phận có thể di chuyển mà vẫn hoạt động được, không ảnh hưởng lớn đến công tác, sản xuất và học tập thì di chuyển khỏi thành phố Thái Nguyên”*, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, đến tháng 7/1965, khoảng 2/3 số cán bộ trong các cơ quan đã sơ tán ra khỏi nội thành từ 8 km trở lên; 1/3 số cán bộ còn lại cũng sơ tán ra khỏi nội thành ít nhất 1 km để vừa tiếp tục làm việc, vừa lãnh đạo, chỉ đạo phục vụ chiến đấu và chiến đấu khi máy bay giặc Mỹ đến. Ở khu vực trung tâm thành phố có khoảng 50% nhà tranh, tre, nứa, lá được tháo dỡ xếp gọn; 80% dân số được tổ chức đi sơ tán ra khỏi khu vực nội thành, số còn lại sơ tán sáng đi, tối về. Các mặt hàng thiết yếu (gạo, muối, dầu thắp sáng,...) đã bán cho nhân dân trước tiêu chuẩn từ 2 đến 3 tháng; số còn lại phân tán về các huyện, xã quản lý. Ban Phòng không nhân dân thành phố được thành lập, do các đồng chí: Nguyễn Tất Hạch làm Chủ nhiệm, Dương Quyền làm Phó Chủ nhiệm và Triệu Kỳ Phay làm Tham mưu trưởng.

Thực hiện Chỉ thị số 140 của Trung ương Đảng và Chỉ thị số 164 của Thủ tướng Chính phủ, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ty Y tế, ngành Y tế thành phố nhanh chóng chuyển hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Các ban Y tế trên địa bàn thành phố được bổ sung

(1) Tỉnh Bắc Thái (được thành lập theo Nghị quyết số 112-NQ/TW ngày 10/4/1965 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 103 ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) chính thức đi vào hoạt động theo địa giới hành chính mới từ ngày 1/7/1965.

thêm cán bộ, trang bị thêm dụng cụ y tế, sẵn sàng làm nhiệm vụ cứu chữa người bị nạn khi bị máy bay Mỹ đánh phá.

Để đáp ứng yêu cầu sẵn sàng phục vụ chiến đấu và chiến đấu tại chỗ, Thành ủy lãnh đạo Ban Chỉ huy Thành đội tập trung chỉ đạo công tác xây dựng và củng cố lực lượng dân quân, tự vệ. Ngay từ đầu năm 1965, Ban Chỉ huy Thành đội đã ra Kế hoạch số 07 về củng cố, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, chỉ rõ phương hướng: Ra sức củng cố nâng cao chất lượng chính trị, phát triển số lượng có trọng tâm, trọng điểm, nhằm làm cho lực lượng dân quân, tự vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ trị an, sẵn sàng chiến đấu...

Thực hiện Kế hoạch số 07 của Ban Chỉ huy Thành đội, các cấp ủy đảng cơ sở lãnh đạo lực lượng dân quân, tự vệ làm tốt việc rà soát, đưa những người không đủ tiêu chuẩn về chính trị, về ý chí chiến đấu và tinh thần trách nhiệm ra khỏi lực lượng bán vũ trang địa phương; tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động thống nhất lực lượng dân quân, tự vệ và quân dự bị theo chỉ đạo của Ban Chỉ huy Tỉnh đội. Ban Chỉ huy Thành đội hướng dẫn chính quyền, cơ quan quân sự các xã chia lực lượng dân quân thành 2 bộ phận: Bộ phận dân quân và bộ phận du kích (bộ phận dân quân là lực lượng rộng rãi vừa sản xuất, vừa phục vụ chiến đấu, chiến đấu và công tác; bộ phận du kích là các tiểu đội, trung đội dân quân tập trung, làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu). Cấp ủy, chính quyền các khu phố, tiểu khu, cơ quan, đơn vị chia lực lượng tự vệ thành 2 bộ phận: Bộ phận tự vệ và bộ phận tự vệ chiến đấu (bộ phận tự vệ như bộ phận dân quân, bộ phận tự vệ chiến đấu như bộ phận du kích ở các xã).

Trên cơ sở chia lực lượng dân quân, tự vệ thành 2 bộ phận, Ban Chỉ huy Thành đội huy động lực lượng du kích và tự vệ chiến đấu tập trung xây dựng hầm, hào, công sự, trận địa chiến đấu. Đến giữa tháng 10/1965, toàn thành phố đã xây dựng được 52 tổ, trận địa trực chiến phòng không, với 769 cán bộ, chiến sĩ du kích và tự vệ chiến đấu tham

gia; nhân dân cùng lực lượng vũ trang địa phương đào được 51.365 mét giao thông hào và 19.889 hầm trú ẩn. Các hoạt động kinh tế - xã hội dần dần được Đảng bộ thành phố lãnh đạo chuyển sang thời chiến.

Một số cơ quan, xí nghiệp, trường học... trực thuộc thành phố bước đầu thực hiện nếp sống quân sự hoá; lực lượng vũ trang địa phương được xây dựng thành một hệ thống rộng khắp, có cơ sở vững chắc trong nhân dân. Thế trận chiến tranh nhân dân đã được xây dựng, sẵn sàng đánh trả mọi âm mưu và hành động đánh phá của đế quốc Mỹ.

Tóm lại, trải qua 10 năm (1954 - 1965), Đảng bộ thị xã (từ tháng 2/1963 là Đảng bộ thành phố) đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trên địa bàn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa. Thông qua việc lãnh đạo thực hiện kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1958 - 1960) và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp có những bước phát triển mới; sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế phát triển nhanh; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ ngày càng được tăng cường... Đó chính là những nhân tố đảm bảo cho nhân dân và lực lượng vũ trang thành phố đứng vững trong những năm có chiến tranh phá hoại ác liệt, đồng thời làm tròn nhiệm vụ hậu phương đối với tiền tuyến.

Chương III

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ TRONG THỜI KÌ CẢ NƯỚC CÓ CHIẾN TRANH (1965 - 1975)

I - Lãnh đạo giữ vững sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện chiến trường (1965 - 1972)

Bước vào năm 1965, tình hình cách mạng Việt Nam có nhiều chuyển biến quan trọng. Trên miền Bắc, Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất chuyển sang năm cuối và thu nhiều kết quả to lớn. Bộ mặt kinh tế - xã hội miền Bắc có nhiều thay đổi rất căn bản. Ở miền Nam, quân và dân ta lập nhiều chiến công, đỉnh cao là chiến thắng Bình Giã (12/1964 - 1/1965). Chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của đế quốc Mỹ về cơ bản đã bị phá sản.

Để cứu vãn tình thế thất bại, đế quốc Mỹ âm mưu mở rộng chiến tranh ra cả nước Việt Nam. Cùng với việc đưa quân viễn chinh vào miền Nam tham chiến, từ đầu tháng 2/1965, giới cầm quyền Mỹ chính thức phát động chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc Việt Nam. Với những âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ, tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hòa bình đã biến thành tình hình cả nước có chiến tranh dưới hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền.

Thành phố Thái Nguyên là nơi đặt trụ sở các cơ quan của Khu Tự trị Việt Bắc, nơi có Khu Liên hợp Gang thép - cơ sở công nghiệp luyện kim đầu tiên của miền Bắc và là nơi có các nhà máy quốc phòng (Z) chuyên sản xuất, sửa chữa vũ khí, máy móc quân dụng). Vì vậy, thành phố là một trong những trọng điểm đế quốc Mỹ tập trung máy bay, bom đạn đánh phá.

Trong những tháng đầu năm 1965, đế quốc Mỹ tăng cường các loại máy bay vào hoạt động trinh sát trên địa phận thành phố Thái

Nguyên. Từ giữa tháng 10/1965, đế quốc Mỹ huy động máy bay tiến hành chiến dịch đánh phá ác liệt các tuyến giao thông phía bắc và đông bắc Thủ đô Hà Nội. Cầu Gia Bảy bắc qua sông Cầu, nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B, là một trong những mục tiêu đánh phá chủ yếu của giặc Mỹ.

Tuy là một cầu lớn, nằm trên tuyến vận chuyển có ý nghĩa chiến lược quan trọng cả về quốc phòng lẫn kinh tế, nhưng lúc đầu do ta chưa nhận thức đầy đủ và chưa thấy hết những âm mưu, thủ đoạn đánh phá giao thông của địch, nên tại khu vực đầu cầu Gia Bảy thuộc địa bàn tiểu khu Hoàng Văn Thụ vẫn còn tập trung một số cơ sở sản xuất và dịch vụ. Lực lượng phòng không trực tiếp bảo vệ cầu chỉ có Trung đội tự vệ phố Gia Bảy, vũ khí trang bị 1 khẩu súng thượng liên và 14 khẩu súng trường, triển khai trận địa trên đồi Két Nước (giáp đầu cầu phía trung tâm thành phố). Các loại hỏa lực phòng không của Trung đoàn pháo cao xạ 210 đều tập trung bảo vệ Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên và các Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, Điện Cao Ngạn ở khu vực Quán Triều.

Vào lúc 9 giờ 55 phút, ngày 17/10/1965, một tốp 4 chiếc máy bay phản lực Mỹ đến ném bom cầu Gia Bảy. Do địch áp dụng thủ đoạn bay thấp, đến gần mục tiêu mới vọt lên lấy độ cao, bỏ nhào ném bom, nên mạng lưới radar trinh sát của ta không phát hiện được, ta hoàn toàn bị bất ngờ, toàn thành phố Thái Nguyên không có báo động phòng không.

Dù lần đầu tiên đối mặt trực tiếp với máy bay phản lực và bom đạn hiện đại của đế quốc Mỹ, lại trong tình huống hoàn toàn bị bất ngờ, nhưng từ Khẩu đội trưởng Nông Quốc Khánh đến các xạ thủ súng máy thượng liên và các chiến sĩ súng trường K44 đã dũng cảm vượt qua đất, đá ngồn ngạn, khói bụi mịt mù, có mặt ở vị trí chiến đấu.

Máy bay Mỹ vừa chấm dứt đợt ném bom thứ nhất, các đồng chí Phan Văn Giao (Bí thư Chi bộ, Chính trị viên Đại đội tự vệ khu phố trực tiếp kiêm Chính trị viên Trung đội tự vệ phố Gia Bảy), Vũ Đình

Đức (Đại đội phó Đại đội tự vệ khu phố) đã có mặt tại trận địa trên đồi Két Nước trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy đơn vị chiến đấu.

Sau đợt máy bay Mĩ đánh phá lần thứ nhất, 9 trong tổng số 10 đảng viên⁽¹⁾ của Chi bộ tiểu khu Hoàng Văn Thụ đã có mặt tại trận địa và các khu vực bị địch đánh phá để lãnh đạo, chỉ đạo chiến đấu, giải quyết hậu quả. Đúng vào lúc đó, khoảng 10 giờ 15 phút, 2 máy bay Mĩ từ hướng bắc bất ngờ lao tới bờ nhào ném 2 loạt bom phá, mỗi loạt 4 quả xuống khu vực cầu. Tiếp theo, 5 chiếc máy bay khác từ độ cao 1.000 mét cũng bờ nhào ném bom xuống khu vực cầu Gia Bẫy, ném bom và bắn rốcét xuống trận địa pháo cao xạ của bộ đội phòng không ở Gia Sàng.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của các đồng chí Phan Văn Giao, Vũ Đình Đức, Trần Văn Dương, cán bộ, chiến sĩ Trung đội 2 tự vệ phố Gia Bẫy đã kiên cường chiến đấu đánh địch. Một quả bom phá do máy bay Mĩ ném xuống đã rơi trúng khẩu đội thượng liên, cả khẩu đội hi sinh. Không nao núng, các chiến sĩ súng trường K44 tiếp tục nhắm thẳng vào các tốp máy bay địch nổ súng, buộc chúng phải bay vòng ra xa mục tiêu, tạo điều kiện cho các đơn vị pháo cao xạ của Trung đoàn 210 bảo vệ thành phố Thái Nguyên bắn rơi 1 chiếc.

Bị đánh trả quyết liệt, máy bay Mĩ điên cuồng đánh phá hủy diệt trận địa. Toàn bộ cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ (32 người) làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu trên trận địa đồi Két Nước bị thương, vong; trong đó, có 15 cán bộ, chiến sĩ đã hi sinh và 17 cán bộ, chiến sĩ bị thương. Tinh thần chiến đấu hi sinh, kiên cường, dũng cảm của cán bộ, đảng viên Chi bộ và chiến sĩ Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ trong trận chiến đấu bảo vệ cầu Gia Bẫy ngày 17/10/1965 mãi mãi là tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam cho các thế hệ

⁽¹⁾ Lúc này, đồng chí Bá Đức Khảm - đảng viên, Đại đội trưởng Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ đang đi học lớp quản lí kinh tế ở Hà Nội.

cán bộ, đảng viên, nhân dân và chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên noi theo.

Cùng thời gian trên, tại trận địa đồi Cô Kê, cán bộ, chiến sĩ Trung đội tự vệ Hợp tác xã Cơ khí Bắc Nam (thuộc Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ) cũng kiên cường chiến đấu, liên tục bắn trả các tốp máy bay địch.

Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống máy bay địch đánh phá cầu Gia Bẫy, nhiều tấm gương dũng cảm xuất hiện. Đó là, chiến sĩ Đoàn Văn Bảo (16 tuổi) đã lao lên thành công sự, hai tay cầm lấy hai giá súng cho đồng đội bắn máy bay địch; là đảng viên Cao Thị Vy (55 tuổi, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ Tiểu khu) đang làm nhiệm vụ tìm kiếm, cứu chữa người bị nạn thì nhận được tin con trai là chiến sĩ tự vệ Phạm Việt Hùng hi sinh trên trận địa đồi Két Nước, đã lao lên trận địa, bình tĩnh vượt mất vĩnh biệt con trai, rồi quay lại động viên đồng đội của con mình tiếp tục chiến đấu bắn máy bay địch. Đó là cán bộ, nhân viên Cửa hàng ăn uống số I thành phố mang bia và nước ngọt lên tận trận địa đồi Cô Kê phục vụ bộ đội và tự vệ chiến đấu; là những cán bộ và chiến sĩ Công an thành phố Thái Nguyên kiên cường, dũng cảm, linh hoạt đối phó với máy bay và bom, đạn Mĩ. Trong số này, tiêu biểu là Thượng sĩ Nông Danh La (Cảnh sát khu vực) đang làm nhiệm vụ ở địa bàn xã Đồng Bầm, thấy máy bay địch ném bom, bắn phá khu vực cầu Gia Bẫy đã vội quay xe, đạp nhanh đến khu vực đầu cầu đứng vào lúc máy bay Mĩ đến ném bom, bắn phá lần thứ hai. Đợt bom máy bay Mĩ dội xuống vừa dứt, Thượng sĩ Nông Danh La chạy sang bên kia cầu, lao vào khu vực nhân dân đang ẩn nấp, vừa làm nhiệm vụ đào bới hầm sập, tìm kiếm, cứu chữa và hướng dẫn nhân dân cấp cứu người bị nạn, vừa quan sát bảo vệ tài sản của nhân dân. Hành động dũng cảm của Thượng sĩ Nông Danh La đã nêu một tấm gương sáng về tinh thần *Vì nước quên thân, Vì dân phục vụ* cho cán bộ và chiến sĩ Công an thành phố Thái Nguyên noi theo. Với hành động dũng cảm

trong trận chiến đấu với máy bay Mỹ ở khu vực cầu Gia Bảy ngày 17/10/1965, Thượng sĩ Nông Danh La đã được Bộ Công an tặng Bằng khen và được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng Huy hiệu của Người...

Ngay sau khi cầu Gia Bảy bị máy bay Mỹ đánh phá, các đồng chí Thường trực Thành ủy, Thường trực Ủy ban Hành chính thành phố và Ban Chỉ huy Thành đội đã nhanh chóng có mặt tại hiện trường, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương giải quyết hậu quả.

Tối 17/10/1965, tại Cơ quan Thành ủy đóng ở xóm Tiến Thịnh, xã Gia Sàng (nay là khu vực Trường Trung học cơ sở Nha Trang, phường Phan Đình Phùng), Thường trực Thành ủy tổ chức Hội nghị cán bộ lãnh đạo chủ chốt để đánh giá tổn thất do máy bay địch đánh phá; đề ra các giải pháp cần triển khai, nhằm sớm ổn định tư tưởng cho cán bộ và nhân dân; thống nhất nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục hậu quả.

Tiếp đó, Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố tổ chức Lễ truy điệu cán bộ, chiến sĩ tự vệ anh dũng hi sinh trong trận chiến đấu bảo vệ cầu Gia Bảy. Ban Chỉ huy Thành đội phân công cán bộ nhanh chóng kiểm tra, đôn đốc, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ trực chiến trên các trận địa phòng không. Thường trực Ủy ban Hành chính thành phố quyết định cấp bổ sung 168 kg gạo và 154 đồng tiền mặt cho 4 cơ sở dân quân, tự vệ trực chiến phòng không; cử đoàn đại biểu vào các bệnh viện, bệnh xá thăm hỏi, động viên, tặng quà cho cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và nhân dân bị thương. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ thành phố vận động nhân dân quyên góp được 736 đồng giúp đỡ, ủng hộ 29 gia đình có người bị nạn...

Những việc làm kịp thời của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể từ thành phố xuống các xã, khu phố có ý nghĩa rất quan trọng trong việc ổn định tư tưởng, củng cố lòng tin cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân thành phố.

Trong trận chiến đấu bảo vệ cầu Gia Bầy ngày 17/10/1965, mặc dù quân và dân thành phố Thái Nguyên đã kiên cường, dũng cảm chiến đấu, hạn chế được một số thiệt hại, nhưng do thiếu kinh nghiệm phòng, tránh và bố trí lực lượng đánh trả, nên bị tổn thất rất nặng nề: 147 người bị thương, vong (gồm 80 người bị chết và 67 người bị thương); cầu Gia Bầy bị hỏng, giao thông vận tải qua cầu hoàn toàn bị ngừng trệ; 45 ngôi nhà bị cháy, đổ; 3 cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp bị phá hỏng...

Từ ngày 6 đến ngày 8/11/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp (mở rộng) kiểm điểm trước Ban Thường vụ Khu ủy xác định nguyên nhân dẫn đến tổn thất ngày 17/10/1965. Hội nghị chỉ rõ: Giữa lãnh đạo tỉnh Bắc Thái và lãnh đạo thành phố Thái Nguyên thiếu bàn bạc để thống nhất kế hoạch phòng không sơ tán. Có lúc Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức đưa dân đi sơ tán triệt để, thậm chí còn áp dụng cả các biện pháp mạnh (dỡ nhà) để bắt dân đi sơ tán; nhưng có đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lại không đồng tình ủng hộ. Thành phố trực tiếp nắm dân, hô hào dân đi sơ tán, nhưng các ngành của tỉnh vẫn chưa có kế hoạch phục vụ, nên đời sống nhân dân ở nơi sơ tán rất khó khăn. Trong những ngày nghỉ, nhân dân ở nơi sơ tán vẫn phải về thành phố để mua bán, giải quyết những nhu cầu tối thiểu do cuộc sống đặt ra.

Sau Hội nghị, Thành ủy và Ủy ban Hành chính thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác sơ tán, phòng không. Ủy ban Hành chính thành phố phát động đợt thi đua 15 ngày làm công tác sơ tán phòng không chống Mĩ cứu nước, với 3 nội dung chủ yếu: Tổ chức vận động nhân dân sơ tán; củng cố, tu sửa hầm, hào; củng cố, tổ chức các đội cứu thương, tải thương, tiếp tế.

Hưởng ứng đợt thi đua, nhân dân và lực lượng vũ trang thành phố đã xây dựng, củng cố được 65 đội cấp cứu phòng không, gồm 513 đội viên; đào mới, tu sửa và củng cố 51.365 mét giao thông hào,

19.889 hầm, hồ phòng không. Ban Chỉ huy Thành đội xây dựng và củng cố 52 trận địa bắn máy bay địch, với gần 770 cán bộ, chiến sĩ, dân quân, tự vệ trực chiến. Ngoài ra, các cơ sở dân quân, tự vệ trong thành phố còn tổ chức hàng trăm trận địa *Tay cày, tay súng, tay búa, tay súng*, sẵn sàng tham gia chiến đấu. Tại đồi Nhà Bò và núi Cô Kê, Ban Chỉ huy Thành đội tổ chức 2 trạm quan sát máy bay địch bằng mắt thường do lực lượng dân quân, tự vệ phụ trách.

Để đảm bảo giao thông, vận tải qua sông Cầu ở khu vực Bến Tượng, Hợp tác xã Thuyền thành phố ghép 3 thuyền lại thành 1 phà có trọng tải 2,5 tấn để chở xe ô tô con qua sông Cầu khi cần thiết, đồng thời tổ chức lắp ghép cầu phao Bến Oánh. 18 giờ ngày 19/10/1965, cầu phao Bến Oánh đã được cán bộ, xã viên Hợp tác xã Thuyền thành phố lắp ghép xong và đưa vào sử dụng, kịp thời đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân. Cùng thời gian này, 100 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ ra đào, phá bom chưa nổ ở khu vực cầu Gia Bẫy, bảo đảm an toàn cho việc sửa chữa cầu.

Sau trận ném bom đánh phá cầu Gia Bẫy ngày 17/10/1965, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn thành phố Thái Nguyên ngày càng mở rộng và ác liệt. Ba ngày sau trận đánh phá cầu Gia Bẫy, giặc Mỹ tiếp tục cho máy bay xâm phạm vùng trời khu Nam thành phố Thái Nguyên. Ngày 1/12/1965, máy bay Mỹ bắn rốcét xuống thị trấn Trại Cau⁽¹⁾ làm chết 1 người và bị thương 7 người.

Trong hoàn cảnh đó, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ II, các cấp ủy đảng từ thành phố đến cơ sở tập trung lãnh đạo nhân dân giữ vững và phát triển kinh tế - xã hội.

Để phù hợp với tình hình mới, Đảng bộ thành phố lãnh đạo ngành Thủ công nghiệp chuyển hướng sản xuất. Các cơ sở sản xuất di chuyển đến nơi an toàn. Các ngành may mặc, sửa chữa xe đạp, sửa

⁽¹⁾ Thị trấn Trại Cau lúc đó thuộc thành phố Thái Nguyên.

chữa đồng hồ, cắt tóc... phân tán thành những bộ phận nhỏ ở rải rác trên nhiều địa điểm, đáp ứng nhu cầu cần thiết của cán bộ và nhân dân. Cùng trong thời gian này, thành phố tiếp nhận 1 phân xưởng của Hợp tác xã Chiến Thắng ở Hà Nội chuyên sản xuất các loại đinh vít, bản lề và 1 phân xưởng của Hợp tác xã thủy tinh Dân Chủ. Năm 1965, một bộ phận của cơ sở sản xuất granitô ở Hà Nội (di chuyển lên thành phố Thái Nguyên từ năm 1964) đã chính thức tách khỏi Hà Nội, thành lập Hợp tác xã Tín Thành sản xuất granitô. Những hợp tác xã này đã sớm ổn định địa điểm và kế hoạch sản xuất, đáp ứng kịp thời các nhu cầu của thành phố. Ngoài việc sản xuất các mặt hàng phục vụ kiến thiết cơ bản, Hợp tác xã Tín Thành còn sản xuất các mặt hàng phục vụ đặc lực nhiệm vụ quốc phòng trong suốt thời gian có chiến tranh phá hoại.

Thực hiện chủ trương của Thành ủy, Phòng Công thương được chia tách thành 2 phòng: Phòng Thương nghiệp và Phòng Thủ công. Phòng Thương nghiệp phụ trách các hợp tác xã phục vụ và tiểu thương. Phòng Thủ công phụ trách các hợp tác xã sản xuất thủ công. Tuy nhiên, do sự phân công phụ trách như thế vẫn còn có chỗ chưa hợp lí, nên từ cuối quý III năm 1965, Thành ủy ra nghị quyết chuyển các hợp tác xã phục vụ về Phòng Thủ công quản lí.

Với 74 cơ sở và 1.709 xã viên thuộc 13 ngành, nghề khác nhau, các hợp tác xã sản xuất thủ công nghiệp thành phố Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn. Do chiến tranh phá hoại ác liệt, các cơ sở sản xuất phải phân tán thành nhiều bộ phận nhỏ, nên hạn chế đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất. Mặt khác, do nguyên, nhiên, vật liệu đều thiếu, mạng lưới điện cao thế lại bị địch đánh phá, nên ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất, nhất là các cơ sở sản xuất cơ khí và nửa cơ khí. Trong khi đó, sự lãnh đạo của Thành ủy đối với ngành Thủ công nghiệp chưa sâu sát, cụ thể và cân đối; một số chính sách, chế độ đối với người làm nghề thủ công chưa được thực hiện... Tất cả những khó khăn trên đã gây nhiều trở ngại cho ngành Thủ công

nghiệp của thành phố, dẫn đến tình trạng thời gian hoạt động bị gián đoạn và không đạt kế hoạch sản xuất⁽¹⁾.

Trước tình trạng trên, Đảng bộ thành phố tập trung lãnh đạo ngành Thủ công nghiệp phát huy tinh thần tự lực, tự cường, vượt qua nhiều khó khăn, thiếu thốn, duy trì và đẩy mạnh hoạt động sản xuất. Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh, từ tháng 7/1967, sản xuất thủ công nghiệp của thành phố có những bước chuyển biến khá mạnh mẽ, vững chắc và toàn diện. Các hợp tác xã Hồng Hà, Bắc Nam, ngoài việc đảm bảo sản xuất các mặt hàng dân dụng, còn nhận sản xuất vỏ lựu đạn phục vụ quốc phòng.

Điều đáng chú ý trong thời kì này là tuy kế hoạch lao động rút xuống 11%, nhưng do việc quản lí lao động và tổ chức sản xuất tốt, phát huy nhiều sáng kiến, cải tiến được nhiều thiết bị kĩ thuật, nên năng suất lao động vẫn tăng 7%. Năm 1967, riêng 7 hợp tác xã thủ công nghiệp đã phát huy 19 sáng kiến có giá trị cao; trong đó, có sáng kiến đưa năng suất lao động lên 400% và cường độ lao động giảm 50%.

Năm 1967, trong hoàn cảnh bị máy bay giặc Mĩ đánh phá ác liệt, lại phải tập trung sức người, sức của cho chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại và chi viện chiến trường, sản xuất thủ công nghiệp của thành phố vẫn giành nhiều thắng lợi. Năm 1967 so với năm 1963, tổng giá trị các mặt hàng sản xuất thủ công nghiệp của thành phố tăng 117%, giá trị các mặt hàng tư liệu sản xuất tăng 127%. Sản xuất thủ công nghiệp của thành phố Thái Nguyên đã đáp ứng được một phần nhu cầu về sản xuất, đời sống của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

Cùng với việc lãnh đạo phát triển sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, sản xuất nông nghiệp của thành phố cũng đạt được nhiều

⁽¹⁾ Năm 1967, thời gian sản xuất thủ công nghiệp của thành phố bị gián đoạn tới 120.000 ngày công; những tháng đầu năm 1967, sản xuất thủ công nghiệp của thành phố chỉ đạt trên dưới 50% kế hoạch.

thành tựu quan trọng. Đảng bộ tập trung lãnh đạo củng cố, giữ vững và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Ngày 22/3/1966, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Nghị quyết số 5-NQ/TP kiện toàn Ban Nông nghiệp thành phố gồm 4 đồng chí: Nguyễn Văn Thu - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban; Hoàng Huy Thoa - Thành ủy viên, Phó ban; Vũ Kim Tiến - Thành ủy viên, Ủy viên; Nguyễn Quang Miện - Phó phòng Nông nghiệp, Ủy viên. Ban Thường vụ Thành ủy quyết định hợp nhất các hợp tác xã nông nghiệp có quy mô nhỏ ở các xã: Túc Duyên, Đồng Bầm, Cam Giá, Đồng Quang, Gia Sàng thành các hợp tác xã có quy mô lớn. Đến cuối tháng 3/1966, toàn thành phố có 43 hợp tác xã nông nghiệp, với 2.617 hộ xã viên (bằng 94,5% số hộ nông dân) và 14.226 nhân khẩu nông nghiệp trên địa bàn⁽¹⁾.

Trong những năm chiến tranh phá hoại ác liệt, việc cày, bừa, gieo cấy của bà con nông dân phần lớn phải làm vào ban đêm. Nhiều cánh đồng bị giặc Mỹ ném bom phá hoại, không thể canh tác được, bà con nông dân phải san lấp hố bom, phải lội xuống ruộng nhặt từng quả bom bi để cày, cấy. Có những cánh đồng ở các hợp tác xã Phú Xá (Lưu Xá), Tân Minh (Cam Giá), Xuân Quang (Gia Sàng)... , bà con nông dân phải cày đi, cấy lại 3, 4 lần do bị máy bay Mỹ ném bom đánh phá. Trong sản xuất nông nghiệp, lực lượng thanh niên phát huy vai trò xung kích, xung phong nhận sản xuất ở những cánh đồng gần các trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ. Nhờ đó, tổng diện tích gieo trồng cây lương thực vẫn tăng từ 2.259 ha (năm 1965), lên 2.326 ha (năm 1966).

Trong điều kiện chiến tranh phá hoại diễn ra ác liệt, Ban Thường vụ Thành ủy phát động *Chiến dịch Đông - Xuân tấn công giặc Mỹ*, bắt đầu từ ngày 11/12/1966 đến hết ngày 10/1/1967, với yêu cầu cày vỡ hết diện tích cấy lúa đông - xuân, làm phân bón, làm thủy lợi. Kết quả,

⁽¹⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác quý I năm 1966*. Số 05-BC/TP ngày 29/3/1966, tr.5.

trong 1 tháng thực hiện Chiến dịch, toàn thành phố cày vỡ được 615 ha (bằng 96,85% diện tích cấy lúa vụ đông - xuân), huy động 12.380 công làm thủy lợi và làm được 2.006 tấn phân bón các loại. Cũng trong 1 tháng thực hiện Chiến dịch, nhân dân thành phố tu sửa hầm hào, đào hầm trú ẩn cho trâu, bò và bán lương thực, thực phẩm cho Nhà nước.

Phát huy kết quả *Chiến dịch Đông - Xuân tấn công giặc Mĩ*, Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố huy động 35 cán bộ các phòng, ban, ngành phối hợp với 5 cán bộ của tỉnh xuống các xã, hợp tác xã nông nghiệp để vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất. Kết quả, trong vụ đông - xuân 1966 - 1967, nhân dân các xã trên địa bàn gieo cấy được 624 ha lúa; sản lượng lúa đạt 1.238 tấn (tăng 138 tấn so với vụ đông - xuân trước)⁽¹⁾. Năm 1967, tổng diện tích trồng cây lương thực của thành phố là 2.238 ha (trong đó có 1.700 ha lúa), năng suất lúa mỗi vụ bình quân đạt 22,95 tạ/ha (tăng 4,70 tạ/ha so với năm 1966; riêng 3 xã: Đồng Bầm, Quang Vinh, Túc Duyên và 8 hợp tác xã đạt trên 5 tấn/ha); tổng sản lượng lương thực (quy thóc) đạt 4.894 tấn (tăng 582 tấn so với năm 1966); trong đó có 3.902 tấn thóc (tăng 484 tấn so với năm 1966)⁽²⁾. Với thành tích này, năm 1967, thành phố Thái Nguyên được ghi vào Sổ vàng thành tích sản xuất lương thực của tỉnh.

Cùng với trồng trọt, ngành Chăn nuôi có những bước chuyển biến mới, từng bước trở thành một ngành quan trọng. Năm 1967, bình quân 1 ha gieo trồng của thành phố đạt 3,1 con lợn, mỗi hộ sản xuất nông nghiệp nuôi 2,3 con lợn và nếu tính thêm cả số lợn nuôi tập thể thì bình quân mỗi hộ đạt 2,8 con. Các loại gia cầm (gà, vịt) cũng được Đảng bộ chú ý lãnh đạo phát triển. Năm 1967, nhân dân thành phố bán cho Nhà nước trên 4 tấn gà, vịt, dẫn đầu toàn tỉnh.

(1), (2) Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái: *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa tỉnh Bắc Thái 1955 - 1970*, các tr.17, 33.

Điều đáng chú ý là trong kinh tế nông nghiệp, tỉ trọng các ngành đã chuyển dịch đúng hướng của một thành phố công nghiệp. Năm 1967, ngành Trồng trọt chiếm 61,46% trong tổng sản lượng sản xuất nông nghiệp (tăng 11,2% so với năm 1966), ngành Chăn nuôi chiếm 36,98% (tăng 14% so với năm 1966). Riêng ngành Trồng trọt, cơ cấu cây trồng thay đổi theo hướng do Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ II (2/1965) đề ra là coi trọng sản xuất và chế biến thực phẩm. Ngay từ năm 1965, thành phố đã thành lập 1 trạm thực phẩm, gồm 10 cán bộ chuyên nghiên cứu việc chuyển hướng và hướng dẫn trồng rau ở các cơ sở. Một vùng đất hàng chục mẫu ở các xã Túc Duyên, Cam Giá... kề sát nội thành, được Đảng bộ, chính quyền thành phố lãnh đạo, chỉ đạo chuyển từ cây lúa sang trồng rau. Năm 1967, giá trị sản lượng rau xanh chiếm 38,8% tổng giá trị sản lượng cây trồng.

Như vậy, trong những năm 1965 - 1967, với những chủ trương đúng đắn, kịp thời, Đảng bộ thành phố đã tập trung lãnh đạo sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng toàn diện. Năng suất, giá trị tổng sản lượng cây lương thực, thực phẩm đều tăng. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp có nhiều chuyển biến quan trọng, phù hợp với tình hình, đặc điểm của một thành phố công nghiệp.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, ngành Thương nghiệp cũng có những bước chuyển đáng kể. Sau một thời gian lúng túng về việc bố trí cửa hàng và lưu chuyển hàng hóa, mạng lưới thương nghiệp quốc doanh đã nhanh chóng phân tán ra nhiều địa điểm xung quanh thành phố. Những tháng cuối năm 1965, giá cả hàng hóa (nhất là thực phẩm khan hiếm) trên thị trường tăng từ 20% đến 50% so với năm 1964. Trước tình hình đó, Đảng bộ lãnh đạo ngành Thương nghiệp vượt qua mọi khó khăn, tích cực tìm nguồn hàng, điều tiết giá cả và tổ chức tốt việc phân phối, đảm bảo được những yêu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân. Năm 1967, Xí nghiệp Bán lẻ công nghệ phẩm đã hoàn thành vượt mức kế hoạch mua vào 2%, bán ra 1,43%; chế độ quản lý vật tư,

phân phối hàng hóa có nhiều tiến bộ so với những năm trước. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ thành phố, từ cuối năm 1965 đầu năm 1966, hợp tác xã mua bán được xây dựng ở tất cả 6 xã trên địa bàn và đi vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống.

Trong hoàn cảnh chiến tranh phá hoại diễn ra ngày càng ác liệt, việc đảm bảo giao thông thông suốt trở thành một yêu cầu cấp bách. Tháng 8/1965, thành phố thành lập Phòng Giao thông làm nhiệm vụ chỉ đạo công tác đảm bảo giao thông trên địa bàn. Ngay sau khi thành lập, bên cạnh việc chỉ đạo, tổ chức tu sửa kịp thời những đoạn đường bị hư hỏng, Phòng Giao thông thành phố đã chỉ đạo xây dựng các đường ngầm, đường tránh, cầu phao, đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân cũng như nhu cầu của công tác quân sự. Trong thời gian này, Đảng bộ thành phố chú ý lãnh đạo phát triển giao thông nông thôn. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền cơ sở, nhân dân các xã: Gia Sàng, Quang Vinh, Đồng Bầm... đã đứng ra xây dựng các con đường liên xóm, phục vụ cho nhu cầu đi lại và vận chuyển bằng xe thô sơ, bước đầu thực hiện giải phóng đôi vai cho bà con nông dân.

Cùng với sự phát triển kinh tế, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự nghiệp văn hóa, giáo dục của thành phố tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Cuối tháng 6/1965, thực hiện quyết định của Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố tách bộ phận Văn hóa ra khỏi Phòng Giáo dục, thành lập Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố. Từ đó, công tác văn hóa, thông tin trên địa bàn được đẩy mạnh, kịp thời tuyên truyền những tấm gương người tốt, việc tốt; cổ vũ quần chúng, phục vụ đắc lực các nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu.

Trên lĩnh vực giáo dục, bước vào năm học 1965 - 1966, để đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh duy trì việc giảng dạy, học tập, theo quyết định của Thành ủy, các trường phổ thông nhanh chóng rời khỏi nội thành; các trường ở xã phân tán về các xóm. Thành ủy chỉ thị cho các cấp ủy đảng, chính quyền ở cơ sở phải tận dụng mọi khả

năng của nhân dân và của các cơ quan, công trường để di chuyển và làm thêm trường, lớp. Kết quả, chỉ trong một thời gian ngắn, toàn thành phố đã xây dựng được 75 phòng học mới, 16 dãy nhà tập thể và 2 nhà gửi trẻ.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng và chính quyền, nên các nhà trường đã đảm bảo kịp thời Lễ Khai giảng năm học 1965 - 1966. Đánh giá thành tích đó, Ban Thường vụ Thành ủy nêu rõ: *Ngành Giáo dục thành phố có quan hệ mật thiết với quần chúng và cấp ủy địa phương; đã vượt qua nhiều khó khăn, ổn định được công tác, đảm bảo cho các em học tập; phong trào giáo dục nói chung là tốt, vững⁽¹⁾.*

Năm học 1966 - 1967, con em nhân dân các dân tộc thành phố đạt tỉ lệ lên lớp và thi đỗ tốt nghiệp cao nhất tỉnh; 60% học sinh cấp I và cấp II đạt danh hiệu *Cháu ngoan Bác Hồ*. Trong phong trào thi đua *Dạy tốt, học tốt*, Trường Phổ thông cấp II khu phố Hoàng Văn Thụ là lá cờ đầu của tỉnh, được Hội đồng Chính phủ tặng *Huân chương Lao động hạng Ba*.

Cùng với ngành Giáo dục phổ thông, ngành Bồi dưỡng văn hóa cũng có những bước tiến dài. Thực hiện chủ trương của Thành ủy, Phòng Giáo dục thành phố chỉ đạo các cơ quan sơ tán đến đâu, cũng phải tổ chức học bồi dưỡng văn hóa ở đó. Đến cuối năm 1965, thành phố có 5 đơn vị được Hội đồng Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* về thành tích hoàn thành kế hoạch 5 năm về bồi dưỡng văn hóa. Đó là, 2 khu phố (Trung Vương và Hoàng Văn Thụ), 2 hợp tác xã (Cờ Hồng và Bắc Nam) và 1 xã (Gia Sàng).

Công tác vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được các cấp bộ đảng trong Đảng bộ thành phố chú trọng. Ở các cơ sở, các

⁽¹⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo tổng kết công tác năm 1965*. Bản đánh máy ngày 16/6/1966, tr.24. Tài liệu lưu tại Tỉnh ủy Bắc Thái.

trạm Y tế được thành lập, làm tốt công tác vệ sinh phòng dịch và vận động nhân dân thực hiện phong trào “*Ba dứt điểm*”.

Cùng với việc giữ vững và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, Đảng bộ thành phố tập trung lãnh đạo giữ vững trật tự, trị an; trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ và chi viện chiến trường.

Từ đầu tháng 12/1965 đến đầu tháng 4/1966, tuy máy bay Mỹ không trực tiếp đánh phá, nhưng vẫn tăng cường hoạt động trinh sát địa bàn thành phố nhằm chuẩn bị cho các cuộc đánh phá mới với quy mô lớn và mức độ ác liệt hơn. Để đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự trong tình huống cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn ngày càng ác liệt, đầu năm 1966, Thành ủy tập trung lãnh đạo triển khai cuộc vận động *Bảo vệ trị an thời chiến* do Ty Công an tỉnh phát động. Ban Thường vụ Thành ủy quyết định thành lập Ban Lãnh đạo cuộc vận động *Bảo vệ trị an thời chiến thành phố*; phân công các đồng chí: Trần Tường (Bí thư Thành ủy) làm Trưởng ban, Dương Quyền (Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Công an thành phố) làm Phó ban; đại diện lãnh đạo các cơ quan Thành đội, Thành Đoàn, Viện Kiểm sát và Hội Phụ nữ thành phố làm Ủy viên. Ban Lãnh đạo cuộc vận động *Bảo vệ trị an thời chiến thành phố* chỉ đạo các xã Cam Giá, Túc Duyên và khối phố Phan Đình Phùng làm thí điểm triển khai Cuộc vận động; trong đó, xã Túc Duyên là đơn vị trọng điểm.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Lãnh đạo cuộc vận động *Bảo vệ trị an thời chiến thành phố*, các cấp ủy đảng khối phố Phan Đình Phùng và các xã: Túc Duyên, Cam Giá tổ chức Hội nghị đảng viên quán triệt mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và 7 nội dung của cuộc vận động *Bảo vệ trị an thời chiến thành phố*, ra nghị quyết chỉ rõ phương hướng, nội dung và biện pháp lãnh đạo thực hiện cuộc vận động. Trên

85% đảng viên ở các tổ chức cơ sở đảng khối phố Phan Đình Phùng và các xã Cam Giá, Túc Duyên đã tham dự Hội nghị.

Sau Hội nghị đảng viên, cấp ủy đảng và chính quyền khối phố Phan Đình Phùng tổ chức Hội nghị cán bộ lãnh đạo các ngành, các giới và quần chúng là đối tượng kết nạp Đảng quán triệt nhiệm vụ và phát động phong trào bảo vệ trị an thời chiến. Cán bộ và nhân dân trong khối phố đã sáng tác được 40 bài thơ ca, hò vè cổ động phong trào. Cán bộ và nhân dân xã Cam Giá đã kẻ được 96 khẩu hiệu động viên, tuyên truyền cuộc vận động. Đồng chí Lê Đình Nhậm - Phó Bí thư Thành ủy, trực tiếp xuống xã Túc Duyên (một xã có 236 hộ đồng bào theo đạo Thiên chúa) chỉ đạo, động viên cán bộ và nhân dân quyết tâm thực hiện tốt cuộc vận động *Bảo vệ trị an thời chiến*. Đảng ủy xã Gia Sàng lãnh đạo tổ chức mít tinh hưởng ứng cuộc vận động, thu hút 1.127 cán bộ và nhân dân trong xã tham gia.

Từ kết quả chỉ đạo thí điểm ở tiểu khu Phan Đình Phùng và các xã: Cam Giá, Túc Duyên, Gia Sàng, Thành ủy lãnh đạo triển khai thực hiện tốt cuộc vận động *Bảo vệ trị an thời chiến* trên toàn địa bàn. Kết quả lãnh đạo thực hiện cuộc vận động bảo vệ trị an thời chiến của Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã được Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái đánh giá: “*Phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị của Đảng; thực hiện tốt các công tác phòng chống chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý và các loại tội phạm phá hoại, gây rối trật tự, trị an; tập trung mũi nhọn vào cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ*”(1).

Cùng với việc tập trung lãnh đạo triển khai cuộc vận động *Bảo vệ trị an thời chiến*, Đảng bộ thành phố coi trọng lãnh đạo công tác phòng tránh và đánh địch. Kết quả kiểm tra cho thấy: Nhân dân ở các

(1) Báo cáo của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái tại Hội nghị tổng kết phong trào bảo vệ trị an năm 1966 do Ủy ban Hành chính tỉnh tổ chức từ ngày 25 đến ngày 26/12/1966.

khu vực Gang thép, Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, Nhà máy Điện Cao Ngạn... đã đi sơ tán cách xa các trọng điểm có thể bị máy bay Mỹ đánh phá từ 1 đến 5 km; nhân dân ở các khu vực cầu Gia Bảy, ga Lưu Xá đã thực hiện sơ tán triệt để.

Ngày 28/4/1966, sau khi được Văn phòng Tỉnh ủy thông báo nội dung điện của Văn phòng Trung ương Đảng: *Ngày 29/4/1966, có khả năng địch sẽ đánh phá Bắc Thái. Phải cho dân sơ tán ra khỏi các khu vực Gang thép, Cao Ngạn, Quán Triều, Gia Bảy, Đồng Bầm*, Thành ủy lãnh đạo Ủy ban Hành chính thành phố và các cơ quan chức năng (Thành đội, Công an thành phố...) cử cán bộ xuống kiểm tra, đôn đốc các đơn vị khẩn trương làm công tác phòng tránh và đánh địch. Các đồng chí trong Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố Thái Nguyên trực tiếp xuống các trận địa thăm hỏi, động viên cán bộ, chiến sĩ, dân quân tự vệ thành phố và các đơn vị cơ sở của Trung đoàn 210 làm nhiệm vụ trực chiến.

Chiều 29/4/1966, giặc Mỹ huy động 15 máy bay phản lực hiện đại vào đánh phá thành phố Thái Nguyên. Quyết tâm trừng trị quân xâm lược Mỹ, Thành ủy Thái Nguyên lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với các lực lượng vũ trang của Bộ Quốc phòng và Quân khu Việt Bắc bảo vệ địa bàn làm tốt nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần bắn rơi 2 máy bay, trong đó có chiếc máy bay thứ 1.000 bị quân và dân ta bắn rơi trên miền Bắc.

Tin quân và dân thành phố Thái Nguyên bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 trên miền Bắc đã làm nức lòng quân và dân cả nước. Tối 30/4/1966, Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố Thái Nguyên tổ chức Lễ mít tinh mừng chiến công, với sự tham dự của hàng nghìn cán bộ, nhân dân và chiến sĩ các lực lượng vũ trang trên địa bàn. Các đồng chí Chu Văn Tấn (Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu Việt Bắc)

và Lê Hoàng (Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái) đã đến dự, phát biểu động viên, biểu dương chiến công của Đảng bộ, quân và dân thành phố.

Bị thất bại nặng nề, giặc Mĩ điên cuồng huy động máy bay, bom đạn đánh phá các tỉnh, thành phố trên miền Bắc. Trước tình hình đó, thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TU ngày 20/8/1966 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *“Về việc đẩy mạnh công tác phòng không sơ tán”*, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra công tác phòng không sơ tán của Ủy ban Hành chính tỉnh ở các xã Túc Duyên, Gia Sàng, Đồng Bầm, Công ty Gang thép Thái Nguyên và một số cửa hàng mậu dịch,...

Qua kiểm tra, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố đều tổ chức quán triệt tốt Chỉ thị số 27/CT-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến cán bộ và nhân dân; nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân thành phố về công tác phòng không sơ tán được nâng lên; hầm, hào phòng không đã được tu sửa, củng cố và đào thêm; các kho tàng được phân tán và ngụy trang. Tại Liên Thành, nhân dân đã thực hiện mỗi gia đình có 4 loại hầm (hầm ở nhà, hầm ngoài đồng cho người đi làm, hầm trên đường đi và hầm ở nơi sơ tán cho cụ già và trẻ em). Tại xã Gia Sàng, với 300 hộ gia đình, nhân dân đã đào đắp được 740 hầm trú ẩn ở trong nhà (bình quân mỗi hộ gia đình có 2,5 hầm), 83 hầm ngoài đồng có thể đảm bảo cho 240 người trú ẩn. Xóm Đồng Tiến tuy chỉ có 123 hộ gia đình, nhưng nhân dân đã đào tới 300 hầm trong nhà (có 200 hầm vào loại kiên cố), 25 hầm, hào giao thông ở ngoài đồng (mỗi chiếc có thể đảm bảo cho từ 20 đến 25 người trú ẩn). Xóm Xuân Tiến Thịnh chỉ có 111 hộ, nhưng đã đào được 240 hầm, hố phòng tránh ở trong nhà (có 110 cái vào loại kiên cố), 28 hầm ở ngoài đồng (mỗi cái có thể chứa từ 18 người đến 20 người). Ngoài ra, nhân dân xóm Xuân Tiến Thịnh còn đào 35 hầm trú ẩn cho trâu, bò, đắp 70 bịch đựng thóc và tài sản của gia đình. Xóm Xuân Quang có 65 hộ đã đào, đắp 200 hầm kiên cố ở trong nhà, 30 hầm ở ngoài đồng, 40 bịch để

thóc, 48 hầm cho trâu, bò. Trên dọc các trục đường giao thông và các nơi công cộng trên địa bàn Gia Sàng, nhân dân còn đào đắp được 212 hố trú ẩn cá nhân, 60 giao thông hào trên các trục đường ra đồng. Do có hệ thống hầm, hào phòng tránh tốt, nên nhân dân Gia Sàng đã yên tâm sản xuất và sinh hoạt. Xóm Xuân Quang nhiều lần bị máy bay Mĩ ném bom phá và bom bi (năm 1966 đã đánh 3 trận), nhưng không có 1 người nào bị thương vong. Ngoài hệ thống hầm, hố kiên cố ở trong nhà, nhân dân các xã Phú Xá, Túc Duyên, Quang Vinh còn làm hệ thống giao thông hào từ trong nhà thoát ra ngoài đồng. Xóm Mỹ Lộc (cạnh ga Lưu Xá), năm 1966 bị máy bay Mĩ ném bom bắn phá ác liệt 5, 7 trận, nhưng không có một người nào bị thương vong.

Tuy vậy, Đoàn cán bộ kiểm tra thực hiện Chỉ thị số 27 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng phát hiện, đoạn Quốc lộ 3 từ Công ty Gang thép đến Cầu số 5, đoạn Quốc lộ 1B từ cầu Gia Bầy đến Cửa hàng Bách hóa Đồng Bầm, dọc các đường từ Phố Hương xuống Phú Bình, từ Đồng Quang đến Quán Triều hầm, hố phòng không còn ít, có đoạn quá ít, có đoạn hầm không có nắp, nên không có khả năng tránh được bom bi. Hợp tác xã Sa Hương (thuộc xã Đồng Bầm) còn có 11 gia đình chưa có hầm trú ẩn, trong đó 3 gia đình có người là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của xã. Ban Phòng không nhân dân xã Đồng Bầm hoạt động kém hiệu quả, không nắm được các lực lượng cấp cứu phòng không (y tế, đào, bốc cứu sập hầm, tải thương,...), nên khi máy bay Mĩ đánh phá vào chợ Đồng Bầm và xóm Văn Thánh làm chết 9 người, bị thương 2 người, thì bộ phận chuyên trách lúng túng; cán bộ lãnh đạo mỗi người một ngả, khiến quần chúng nhân dân bắn khoăn, lo lắng, dao động. Ngay Đội xe ô tô Công ty Nông sản - Thực phẩm của tỉnh đóng ở xã Đồng Bầm cũng không có hầm, hố phòng không.

Hưởng ứng *Lời kêu gọi chống Mĩ cứu nước* ngày 17/7/1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “... *Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ!*

Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!...”(1), Thành ủy lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng, các đoàn thể, các ngành tổ chức quán triệt, học tập Lời kêu gọi của Bác đến tận đảng viên, đoàn viên, hội viên, xã viên, công nhân, chiến sĩ lực lượng vũ trang và đông đảo các tầng lớp nhân dân trên địa bàn thành phố(2). Ban Thường vụ Thành ủy tổ chức thảo luận, liên hệ kiểm điểm làm rõ các thành tích, ưu điểm và thiếu sót, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo; trên cơ sở đó đề ra chủ trương, biện pháp thúc đẩy các mặt công tác của thành phố phát triển đi lên.

Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, đến ngày 25/10/1966, trong toàn Đảng bộ thành phố đã có 30 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Thành ủy lãnh đạo tổ chức xong đợt sinh hoạt chính trị trong cán bộ, đảng viên và đoàn viên, thanh niên; các cơ sở đảng xã Đồng Quang, Quang Vinh, Hợp tác xã vận tải Cờ Hồng, Hợp tác xã Thống Nhất lãnh đạo, tổ chức quán triệt, học tập xong đến xã viên.

Những tháng cuối năm 1966, đầu năm 1967, giặc Mỹ huy động máy bay và bom đạn, đánh phá cả ngày lẫn đêm, có tính chất hủy diệt nhiều mục tiêu nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Mục tiêu đánh phá của chúng vẫn là Khu Công nghiệp Gang thép, cầu cống, kho tàng...

Trong hoàn cảnh ấy, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố xây dựng Đề án *Công tác lãnh đạo của Đảng bộ năm 1967*, nhấn mạnh 3 nhiệm vụ:

Một là, tiếp tục giáo dục cho đảng viên có nhận thức đúng đắn về tình hình nhiệm vụ mới, thấu suốt đường lối cách mạng cơ bản

(1) *Hồ Chí Minh toàn tập. Tập 12 (1966 - 1969)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.75.

(2) Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo tình hình công tác tháng 8/1966*. Số 25-BC/TP ngày 28/8/1966, tr.6.

của Đảng, nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, sẵn sàng chiến đấu, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, không sợ hi sinh, dũng cảm chiến đấu để giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước.

Hai là, chăm lo kiện toàn và củng cố cơ sở đảng chặt chẽ về tổ chức, vững vàng về tư tưởng và trong sạch, thuần khiết về chính trị, làm cho mỗi tổ chức cơ sở đảng có đầy đủ sức mạnh lãnh đạo hoàn thành thắng lợi mọi chủ trương, đường lối chính sách của Đảng ở địa phương. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng *Chi bộ, Đảng bộ 4 tốt*; phần đầu đưa 50% số chi bộ hiện có lên 4 tốt và 70% số đảng viên đạt danh hiệu *Đảng viên 4 tốt*.

Ba là, đẩy mạnh công tác phát triển Đảng; phần đầu năm 1967 kết nạp 215 đảng viên (trong đó có từ 60% trở lên là đoàn viên thanh niên và từ 38% trở lên là phụ nữ).

Thực hiện Đề án trên, quý I năm 1967, các cấp bộ đảng trong Đảng bộ đẩy mạnh công tác xây dựng *Chi bộ, Đảng bộ 4 tốt* và *Đảng viên 4 tốt*. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố lãnh đạo 17 chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc tổ chức đại hội, bầu Ban Chấp hành mới, đảm bảo tăng cường lực lượng trẻ và phụ nữ. Thành ủy ban hành quyết định thành lập Đảng bộ xã Đồng Quang, gồm 3 chi bộ trực thuộc. Đảng bộ thành phố kết nạp được 13 đảng viên, không đạt chỉ tiêu do Đề án đề ra. Nguyên nhân của hạn chế này là do sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy còn yếu và các chi bộ, đảng bộ cơ sở chưa chú trọng đúng mức công tác phát triển Đảng.

Trong hoàn cảnh chiến tranh phá hoại diễn ra ngày càng ác liệt, từ cuối tháng 12/1966, lực lượng phòng không bảo vệ địa bàn thành phố Thái Nguyên có sự thay đổi. Theo thoả thuận giữa Đảng, Chính phủ 2 nước Việt Nam - Trung Quốc, quân đội Trung Quốc đã cử 3 chi đội⁽¹⁾ pháo cao xạ 62, 170, 168 sang bảo vệ các mục tiêu quan trọng ở

⁽¹⁾ Chi đội tương đương sư đoàn.

thành phố Thái Nguyên thay thế cho Trung đoàn Pháo cao xạ 210 đi chiến đấu ở Khu 4 và chiến trường miền Nam. Ngày 25/12/1966, Chi đội 62 hành quân tới thành phố Thái Nguyên.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định thành lập Ban Ngoại vụ thành phố. Ủy ban Hành chính thành phố phân công một đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban phụ trách Ban Ngoại vụ. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Ngoại vụ thành phố, các cấp ủy đảng cơ sở đã lãnh đạo, vận động nhân dân giúp Chi đội 62 làm nhiều nhà ở, nhà kho, vận chuyển hàng hoá, nguy trang và kéo pháo vào trận địa. Các cấp ủy đảng, chính quyền từ thành phố đến cơ sở đã cử đại biểu các ngành, các giới đến thăm hỏi, động viên, tặng quà cho cán bộ, chiến sĩ Chi đội 62. Từ giữa tháng 1/1967, Chi đội 62 bắt đầu tiếp nhận trận địa của Trung đoàn 210 và triển khai chiến đấu. Trung đoàn 210 vừa phối hợp chiến đấu với Chi đội 62 vừa rút dần từng đơn vị đi chiến đấu ở Quân khu 4 và chiến trường miền Nam.

Phát hiện Chi đội 62 bộ đội Trung Quốc mới đến, chưa có kinh nghiệm chiến đấu và một số đơn vị của Trung đoàn 210 đã rút đi làm nhiệm vụ ở nơi khác, đế quốc Mỹ tập trung máy bay và bom đạn đánh phá ác liệt thành phố Thái Nguyên. Ngày 29/1/1967, tại trận địa xã Quang Vinh, trong lúc cán bộ, chiến sĩ Đại đội 105 (Trung đoàn 210) vừa thu pháo cao xạ chuẩn bị bàn giao trận địa cho bộ đội Trung Quốc, thì máy bay địch đến ném 4 quả bom phá và 6 quả bom bi mẹ xuống trận địa, làm 18 cán bộ, chiến sĩ bị hi sinh (có 2 bộ đội Trung Quốc); 24 cán bộ, chiến sĩ bị thương (có 4 bộ đội Trung Quốc), 2 khẩu pháo cao xạ 100 mm bị phá hỏng. Nhận được tin trận địa pháo cao xạ ở xã Quang Vinh bị máy bay địch ném bom, đồng chí Nguyễn Công Bằng (Bí thư Đảng ủy kiêm Giám đốc Nhà máy Điện Cao Ngạn) quyết định điều gấp 2 xe cứu thương và 1 xe ô tô cùng toàn bộ số thuốc cấp cứu phòng không của Nhà máy xuống trận địa cứu chữa kịp thời.

Từ giữa tháng 3/1967, đế quốc Mỹ tập trung máy bay, bom đạn đánh phá hủy diệt Công ty Gang thép Thái Nguyên. Cán bộ, công nhân và chiến sĩ tự vệ Công ty Gang thép Thái Nguyên luôn thể hiện tinh thần thép, tuyên thệ: “*Khi Tổ quốc cần chúng tôi sẵn sàng đổi máu lấy thép*”. Trong sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu vì sự nghiệp gang thép của Tổ quốc, 112 cán bộ, công nhân và chiến sĩ tự vệ Công ty Gang thép Thái Nguyên đã anh dũng hi sinh, 226 đồng chí khác bị thương. Đảng viên Chu Văn Cương đang làm nhiệm vụ kiểm tra hệ thống nước làm mát vỏ Lò cao số I thì máy bay Mỹ ập đến đánh phá. Bị thương rất nặng, phải nằm trên giường cấp cứu của bệnh viện, đồng đội đến thăm, điều quan tâm trước tiên của đảng viên Chu Văn Cương là hỏi: “*Lò cao có hoạt động bình thường không?*”. Vì vết thương quá nặng, đảng viên Chu Văn Cương đã anh dũng hi sinh. Đảng viên Nguyễn Văn Tý (một trong những người thợ đầu tiên hàn được vỏ lò cao) vừa hăng hái sản xuất, vừa anh dũng cùng đồng đội vừa đánh trả máy bay địch, được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lao động*.

Để đối phó với tình hình giặc Mỹ tập trung máy bay, bom đạn đánh phá ác liệt địa bàn thành phố, chấp hành Chỉ thị ngày 25/3/1967 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc *Đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân* về và thực hiện Kế hoạch *Một tháng làm hầm hào* của Ban Chỉ huy Tỉnh đội Bắc Thái, Thành ủy lãnh đạo Ủy ban Hành chính thành phố và Ban Chỉ huy thành đội cử cán bộ xuống cơ sở trực tiếp hướng dẫn nhân dân sửa chữa hầm, hào cũ, đào thêm hầm, hào mới. Kết quả, sau *Một tháng làm hầm hào*, 100% các hộ gia đình ở khu phố Phan Đình Phùng đã đào xong hầm, hào liền nhà, liền đường. Dân quân và nhân dân xã Quang Vinh thành lập các đội chuyên đào hầm giúp các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội và các gia đình có hoàn cảnh neo đơn. Cán bộ, công nhân, chiến sĩ tự vệ Công ty Gang thép Thái Nguyên và cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2 Công an nhân dân vũ trang tỉnh đã đào 2 hầm địa đạo sâu vào lòng núi từ 15m đến 20m.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 17 đến ngày 19/6/1967, Đảng bộ thành phố tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ III. Tham dự Đại hội có 103 đại biểu thay mặt cho 1.136 đảng viên sinh hoạt ở 52 chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Thành ủy. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II (nhiệm kỳ 1965 - 1967), Đại hội khẳng định: Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc thành phố vượt qua nhiều khó khăn do cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ gây ra; giữ vững nhịp độ phát triển kinh tế, văn hóa; hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu; đảm bảo giao thông thông suốt trong mọi tình huống.

Đại hội xác định quyết tâm: Bất kì hoàn cảnh khó khăn nào, Đảng bộ thành phố cũng phải lãnh đạo nhân dân phát huy tính độc lập, tự chủ, sáng tạo, với tinh thần tiến công cách mạng, kiên quyết góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch, bảo vệ khu công nghiệp của Tổ quốc, giảm đến mức thấp nhất sự thiệt hại về người và của, đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội; làm tốt công tác chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Chiều ngày 19/6/1967, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa III, gồm 19 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ, bầu Bí thư, Phó Bí thư và Ban Kiểm tra Thành ủy. Kết quả, Ban Thường vụ gồm 7 ủy viên; các đồng chí: Lê Đình Nhậm được bầu giữ chức vụ Bí thư, Dương Quyền được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư, Nguyễn Đình Hình được phân công Thường trực Thành ủy; Ban Kiểm tra Thành ủy gồm 5 ủy viên, do đồng chí Lưu Ngọc Thọ làm Trưởng ban.

Từ tháng 7/1967, đế quốc Mỹ tập trung máy bay, bom đạn đánh phá ác liệt các trận địa phòng không và các đầu mối giao thông trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Chúng thả hàng trăm quả bom phá, bom hơi, bom bi, phần lớn là bom bi nổ chậm, gây cho các lực lượng phòng không bảo vệ thành phố nhiều khó khăn trong việc khắc phục

hậu quả. Trong công tác phục vụ chiến đấu, nhiều tấm gương dũng cảm xuất hiện. Điển hình là 2 nữ chiến sĩ dân quân Vũ Thị Hồi và Nguyễn Thị Mùi (xóm Xuân Quang, xã Gia Sàng) mặc dù có con nhỏ vẫn xung phong lên trận địa cứu chữa thương binh và tải thương; là lão dân quân Trần Bích (62 tuổi ở tiểu khu Quán Triều) không ngại tuổi cao, sức yếu, dũng cảm lên trận địa phục vụ bộ đội, dân quân, tự vệ chiến đấu và đã anh dũng hi sinh...

Thực hiện chủ trương của Thành ủy, Ban Chỉ huy đảm bảo giao thông thành phố được thành lập, do đồng chí Dương Quyền (Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố) làm Chỉ huy trưởng và Đại úy Hoàng Nam Thành (Thành đội trưởng) làm Chỉ huy phó.

Sau ngày thành lập, Ban Chỉ huy đảm bảo giao thông thành phố chỉ đạo việc tu bổ, sửa chữa các bến phà Thác Oánh, Ngọc Lâm và các đường ngầm Sơn Cẩm, Bến Tượng. Nhờ đó, giao thông vận chuyển hàng hoá và cơ động lực lượng trên Quốc lộ 1B qua khu vực Gia Bảy về thành phố Thái Nguyên luôn đảm bảo thông suốt.

Đầu năm 1968, do bị thất bại nặng nề trên cả 2 miền Nam - Bắc, đế quốc Mỹ buộc phải đơn phương xuống thang chiến tranh. Ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, chấp nhận đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị hai bên ở Pari (Pháp).

Trải qua hơn 2 năm 5 tháng (từ trận đầu tiên ném bom khu vực cầu Gia Bảy ngày 17/10/1965, đến trận cuối cùng đánh phá ga Lưu Xá và Bệnh viện Gang thép ngày 10/3/1968), đế quốc Mỹ đã huy động 1.639 lần chiếc máy bay phản lực hiện đại các loại F4, F105, RF101, RF4C... vào trinh sát và đánh phá thành phố Thái Nguyên 239 trận; dội 3.176 quả bom phá, 244 quả bom hơi và bom từ trường, hơn 300 quả bom bi mẹ và bắn 76 loạt đạn rôckét, tên lửa,... xuống 121 mục tiêu công nghiệp, 60 mục tiêu giao thông, 21 mục tiêu quân sự, 24 mục tiêu dân cư, 4 mục tiêu nhiên liệu; làm chết 335 người, bị thương 596 người, phá hủy hàng nghìn ngôi nhà và nhiều tài sản của nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, quân và dân thành phố luôn nêu cao truyền thống anh hùng, bất khuất, làm tốt các nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, góp phần cùng với các lực lượng phòng không, không quân bảo vệ thành phố của Bộ Quốc phòng, Quân khu Việt Bắc và bộ đội Trung Quốc bắn rơi 17 máy bay Mỹ, tiêu diệt và bắt sống nhiều tên giặc Mỹ lái máy bay. Nhân dân thành phố còn làm tốt công tác động viên tuyển quân, chi viện chiến trường. Trong 3 năm (1965 - 1967), nhân dân thành phố đã động viên 1.057 con em ưu tú vào bộ đội⁽¹⁾, tham gia chiến đấu và công tác ở khắp các mặt trận. Trong số đó, nhiều người đã trở thành những tấm gương sáng về ý chí, quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ; về tinh thần chiến đấu hi sinh, sẵn sàng xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn thành phố luôn được giữ vững. Các xã: Gia Sàng, Quang Vinh và tiểu khu Tân Long là lá cờ đầu của thành phố về phong trào giữ gìn trật tự, trị an; trong đó, xã Quang Vinh 3 năm liền đạt danh hiệu *Đơn vị Quyết thắng*.

Những kết quả đạt được trong gần 3 năm chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ là tiền đề rất quan trọng để Đảng bộ lãnh đạo quân và dân thành phố giành thắng lợi lớn hơn trong những năm tiếp theo.

Từ ngày 12 đến ngày 14/4/1968, Thành ủy phân công cán bộ xuống chỉ đạo, hướng dẫn Đảng bộ xã Túc Duyên làm thí điểm việc học tập, quán triệt Nghị quyết số 175-NQ/TW ngày 1/3/1968 của Bộ Chính trị *Về động viên chính trị toàn dân để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”* và Chương trình hành động của Tỉnh ủy cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên. Trên cơ sở kết quả chỉ đạo thí điểm tại Đảng bộ xã Túc Duyên, từ ngày 15

⁽¹⁾ Số con em nhân dân thành phố Thái Nguyên nhập ngũ trong từng năm như sau: Năm 1965: 494 người, năm 1966: 393 người, năm 1967: 210 người.

đến 20/4/1968, Thành ủy lãnh đạo triển khai việc học tập, thực hiện Nghị quyết số 175-NQ/TW của Bộ Chính trị trong toàn Đảng bộ.

Cuộc động viên chính trị *Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược* theo tinh thần Nghị quyết số 175-NQ/TW của Bộ Chính trị đã được các cấp đảng bộ trong thành phố triển khai kịp thời, chặt chẽ, đạt kết quả tốt trên các mặt công tác. Thông qua học tập, cán bộ, đảng viên ở từng cơ sở liên hệ kiểm điểm, thấy rõ ưu, khuyết điểm và nguyên nhân của ưu, khuyết điểm; từ đó đề ra phương hướng, nội dung tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 175-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

Với khí thế của cuộc động viên chính trị *Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân thành phố vượt qua khó khăn gay gắt do thiên tai, lũ lụt gây ra⁽¹⁾. Ban Thường vụ Thành ủy một mặt ra chỉ thị nhắc các các xã, tiểu khu, khối phố khắc phục khó khăn để khôi phục sản xuất và đời sống; một mặt lãnh đạo tập trung hết cán bộ các cơ quan Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố và huy động thêm 30 cán bộ, các ban, ngành trực tiếp xuống cơ sở cùng với cấp ủy và chính quyền các xã, tiểu khu bị thiệt hại nặng lãnh đạo, chỉ đạo phục hồi và phát triển sản xuất.

Nhờ đó, đến ngày 5/9/1968, hầu hết diện tích lúa trên địa bàn thành phố bị lũ lụt phá hỏng đã được cấy lại. Thành ủy và Ủy ban Hành chính thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thâm canh, tăng vụ, đưa các giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất. Kết quả, vụ mùa năm 1968, nhân dân thành phố gieo cấy được 968 ha lúa, trong đó có 50,4% diện tích được gieo cấy giống lúa mới; năng suất lúa bình quân mỗi héc-ta trên chân ruộng cấy 2 vụ đạt 4,679 tấn, tăng 132 kg/ha so với năm 1967. Riêng các xã: Túc Duyên, Đồng

(1) Trận lũ lụt từ ngày 8 đến ngày 15/8/1968 đã gây cho thành phố nhiều thiệt hại: 1 người chết, 124 ngôi nhà bị đổ, 517 ha lúa bị ngập (có 206 ha bị thối), 600 kg thóc mạ bị cuốn trôi, 139 con lợn và 530.000 con gia cầm bị chết, hoặc bị cuốn trôi.

Bầm, Quang Vinh và 6 hợp tác xã khác, năng suất lúa bình quân mỗi héc-ta đạt từ 5 tấn đến 5,5 tấn thóc⁽¹⁾; tổng sản lượng thóc toàn thành phố đạt 2.512 tấn⁽²⁾.

Nhờ thu hoạch khá, đời sống từng bước được cải thiện, nhân dân các dân tộc thành phố tích cực thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Tổng kết công tác năm 1968, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên được Tỉnh ủy đánh giá là đơn vị lãnh đạo hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm khá nhất.

Song song với việc lãnh đạo phát triển sản xuất, quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Năm 1968, toàn thành phố có 27 hợp tác xã nông nghiệp (có 26 hợp tác xã bậc cao), thu hút 2.825 hộ trong tổng số 2.853 hộ nông dân (gần 99,02%) tham gia. Hợp tác xã Đại Đồng (xã Túc Duyên) là 1 trong 40 hợp tác xã nông nghiệp toàn tỉnh có quy mô từ 100 hộ xã viên trở lên. Các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn thành phố đều có phương hướng sản xuất rõ ràng, chú ý phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp và tổ chức nhiều ngành nghề phụ; sản xuất, đời sống và đóng góp nghĩa vụ đối với sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày một tăng.

Trong 2 năm (1969 - 1970), do có các chính sách mới của Trung ương về nghĩa vụ đóng góp lương thực và do thời tiết tương đối thuận lợi, nên cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ở vùng nông thôn trên địa bàn thành phố hăng hái lao động sản xuất, năng suất và sản lượng các cây lương thực đều tăng. Năm 1969, thành phố có 50% số xã đạt năng suất lúa 5 tấn/ha, 6 hợp tác xã (Nhất Tâm, Tân Hương, Tiến Minh, Minh Hương, Quang Tiến, Minh Hòa) đạt năng suất lúa

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết công tác năm 1968 của Tỉnh ủy Bắc Thái. Số 02-BC/BT, ngày 22/1/1969, tr.3.

⁽²⁾ Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái: 15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa... Sdd, tr.33.

trên 5 tấn/ha⁽¹⁾; tổng sản lượng lương thực quy thóc toàn thành phố đạt 4.144 tấn (tăng 114 tấn so với năm 1968). Đến năm 1970, tổng sản lượng lương thực quy thóc toàn thành phố đạt 4.151 tấn (tăng 7 tấn so với năm 1969)⁽²⁾; cùng năm này, nhân dân thành phố thực hiện nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước được 609.711 kg, vượt 9.711 kg so với chỉ tiêu tỉnh giao.

Sản xuất rau xanh là một nhiệm vụ trọng tâm trong công tác lãnh đạo sản xuất thực phẩm của Đảng bộ thành phố. Năm 1970, thành phố gieo trồng được 318 ha rau xanh, tăng 0,3%; năng suất đạt 123,2 tạ/ha, tăng 1,5%; tổng sản lượng đạt 3.918 tấn, tăng 2,6% so với năm 1969.

Thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/BT ngày 26/4/1968 của Tỉnh ủy Bắc Thái *Về phát triển chăn nuôi toàn diện*, Đảng bộ thành phố lãnh đạo đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò cày kéo kết hợp với sinh sản; phát triển đàn lợn sinh sản và đàn lợn thịt; khuyến khích các gia đình xã viên đẩy mạnh chăn nuôi lợn; ra sức phát triển các loại gia cầm vừa đẻ trứng, vừa sản xuất thịt, chú ý phát triển đàn gà, ngan, ngỗng. Kết quả, tổng đàn trâu của thành phố từ 2.173 con (năm 1968), tăng lên 2.224 con (năm 1970); đàn bò từ 124 con (năm 1968), tăng lên 242 con (năm 1970); đàn lợn từ 8.580 con (năm 1968), tăng lên 8.898 con (năm 1970)⁽³⁾.

Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp cũng có bước phát triển hơn trước. Năm 1969, giá trị tổng sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp đạt 3.983.000 đồng, tăng 4,7% so với kế hoạch. Sang năm 1970, các cơ sở tiểu thủ công khắc phục khó khăn về nguyên vật liệu, giải quyết hàng tồn kho, kí kết hợp đồng. Một số mặt hàng mới ra đời, đáp ứng một phần nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của các tầng lớp nhân dân. Giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp đạt 4.125.909 đồng,

⁽¹⁾ *Báo cáo Tổng kết năm 1969 của Thành ủy Thái Nguyên*. Số 14-BC/TC, ngày 14/2/1970, tr.3.

⁽²⁾ Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái: *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa...* Tlđđ, tr.33, 37.

⁽³⁾ Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái: *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa...* Sdd, tr.38, 39.

tăng 2,06% so với năm 1969. Các cơ sở Bắc Nam, Hồng Hà, Biên Hoà, Khánh Hoà, Ánh Hồng, Dân Chủ, Tiến Thành, Cộng Đồng,... hoàn thành kế hoạch sản xuất cả năm trước thời hạn.

Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế tiếp tục được Đảng bộ thành phố lãnh đạo phát triển. Quán triệt các chỉ thị số 104, số 114 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị số 41 của Ban Thường vụ Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc, Đảng bộ thành phố lãnh đạo công tác văn hoá - thông tin phát triển lành mạnh. Thành phố là một trong số 4 huyện, thành của tỉnh có hoạt động đèn chiếu,...

Ngành Giáo dục phổ thông thành phố không ngừng phát triển. So với năm 1969, đến năm 1970, thành phố có 15 trường phổ thông cấp I, với 229 lớp (tăng 15,29%) và 10.976 học sinh (tăng 12,2%); 9 trường phổ thông cấp II, với 90 lớp (tăng 11,2%) và 4.061 học sinh (tăng 11%). Ngành Bồi dưỡng văn hóa thành phố duy trì được 4 lớp ở 2 xã (Quang Vinh, Cam Giá), 11 lớp ở 7 khu phố và cơ quan, với 141 học viên cấp I, 260 học viên cấp II.

Từ năm 1968, sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước đặt ra yêu cầu ngày càng lớn về việc huy động sức người, sức của cho chiến trường miền Nam. Sau Tết Mậu Thân năm 1968, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân, dân ta ở miền Nam tiếp tục diễn ra qua 2 đợt, kéo dài cho đến ngày 23/9/1968, tạo ra bước ngoặt quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân ta. Tuy nhiên, ta cũng mắc một số khuyết điểm lớn, *“chủ quan trong đánh giá tình hình, đề ra yêu cầu chưa sát với tình hình thực tế lúc đó; nhất là sau đợt tiến công Tết Mậu Thân..., cho nên đã gặp khó khăn trong một thời gian”*⁽¹⁾. Khó khăn nhất của ta là bị mất nhiều vùng nông thôn rộng lớn, bộ đội chủ lực mất nhiều căn cứ đứng chân.

⁽¹⁾ Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.74.

Tình hình đó đòi hỏi sự chi viện sức người, sức của từ hậu phương miền Bắc cho chiến trường miền Nam trở nên to lớn và cấp bách hơn bao giờ hết. Tại Hội nghị giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 cho các tỉnh, thành phố miền Bắc do Hội đồng Chính phủ tổ chức đầu năm 1968, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chỉ thị: Công tác động viên tuyển quân là công tác trung tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên. Động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định.

Thực hiện chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ vào chỉ tiêu tuyển quân được giao, Thành ủy chỉ thị: Trong bất kì tình huống nào, phải ưu tiên hàng đầu cho việc hoàn thành có chất lượng nhiệm vụ chi viện tiền tuyến cả về sức người, sức của. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự thành phố đã họp và giao chỉ tiêu tuyển quân cụ thể cho các xã, tiểu khu, các cơ quan, đơn vị trực thuộc; phân công từng thành viên trong Hội đồng xuống cơ sở kiểm tra, đôn đốc thực hiện công tác tuyển quân. Năm 1968, thành phố Thái Nguyên tiến hành 4 đợt tuyển quân, động viên được 4.374 thanh niên nhập ngũ, vượt 4,52% chỉ tiêu tỉnh giao⁽¹⁾. Riêng tuyển quân đợt 3, thành phố vượt chỉ tiêu quân số 16,1%, dẫn đầu tỉnh, được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

Ngày 18/7/1968, tại Rạp Chiếu bóng thành phố Thái Nguyên, Ban Chỉ huy Thành đội thành lập Đại đội 2, gồm 4 trung đội, với 200 cán bộ, chiến sĩ giao cho Tiểu đoàn 68C trực thuộc Ban Chỉ huy Tỉnh đội huấn luyện, trực tiếp đưa vào chiến trường miền Nam. Sau hơn 6 tháng huấn luyện tại xã Tân Thái (huyện Đại Từ), ngày 2/2/1969, tại ga Đồng Quang, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2 (cùng với cán bộ, chiến sĩ khác trong Tiểu đoàn 68C) lên tàu tạm biệt quê hương lên đường vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ. Sau hơn 3 tháng hành quân, đến

⁽¹⁾ Trong số 4.374 thanh niên nhập ngũ năm 1968, có 416 người là con em nhân dân các dân tộc các xã, tiểu khu và 3.958 người là cán bộ, công nhân, viên chức các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy, trường học... đóng trên địa bàn thành phố.

ngày 15/5/1969, đơn vị vào tới K9 (Tây Ninh), đảm bảo tỉ lệ quân số hành quân chiến đấu đến đích cao nhất so với các đơn vị khác.

Do chiến tranh diễn ra ngày càng ác liệt, thương binh từ các chiến trường trở về hậu phương ngày một nhiều, số quân nhân hi sinh ở chiến trường báo tử về thành phố ngày một tăng. Tình hình này có tác động không nhỏ đến tư tưởng của một bộ phận quần chúng; hiện tượng sợ hi sinh, ngại gian khổ bắt đầu xuất hiện trong một số thanh niên. Trong khi đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp đảng bộ, chính quyền, cơ quan quân sự trên địa bàn thành phố lại thiếu nhạy bén và không kiên quyết. Trong Đảng bộ thành phố có cấp ủy viên, đảng viên chưa quán triệt đầy đủ, chưa thấy hết trách nhiệm lãnh đạo của mình đối với công tác tuyển quân; thậm chí một số cán bộ, đảng viên còn tìm cách trốn tránh trách nhiệm để cho con, em mình không phải đi bộ đội. Hiện tượng quan hệ nam, nữ bất chính, vi phạm hạnh phúc gia đình quân nhân đang chiến đấu xảy ra các địa phương, cơ quan, xí nghiệp... đã làm cho những người đang chiến đấu ở các chiến trường và những người sắp lên đường đi chiến đấu không yên tâm⁽¹⁾. Những hiện tượng trên đã gây bất bình trong nhân dân, có nơi nhân dân không muốn cho con em mình vào bộ đội.

Để khắc phục tình trạng đó, chấp hành Chỉ thị ngày 20/5/1969 của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái, Thành ủy đặt nhiệm vụ lãnh đạo công tác động viên tuyển quân chi viện cho chiến trường và chấp hành chính sách hậu phương quân đội lên hàng đầu. Năm 1969, Đảng bộ thành phố lãnh đạo tiến hành 2 đợt tuyển quân, động viên được 376 người lên đường đánh Mỹ. Hầu hết các địa phương, cơ quan, đơn vị đều đạt và vượt chỉ tiêu tuyển quân được giao. Riêng một số cơ quan

⁽¹⁾ Theo *Tổng kết chống chiến tranh phá hoại của thành phố Thái Nguyên*: Trong số người quan hệ bất chính với vợ bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường có cả cán bộ, đảng viên ở cơ quan Thành đội; có cán bộ, đảng viên đã phải xử lí kỉ luật khai trừ ra khỏi Đảng (tr.36).

không đạt chỉ tiêu: Ty Thương nghiệp: 33,33%, Ty Nông nghiệp: 70%, Ty Công nghiệp: 75%, Ty Văn hoá - Thông tin: 85,71%.

Giữa lúc Đảng bộ thành phố đang tập trung lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trên địa bàn sôi nổi thi đua đẩy mạnh sản xuất, xây dựng hậu phương, chi viện chiến trường, ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta từ trần, để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta một tổn thất vô cùng to lớn và niềm tiếc thương vô hạn.

Chấp hành nghị quyết phiên họp đặc biệt của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức Lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh ở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, trong suốt nửa đầu tháng 9/1969, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố tập trung lãnh đạo các xã, tiểu khu, cơ quan, xí nghiệp, bệnh viện, trường học... trên địa bàn tổ chức các hoạt động tang lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh, bày tỏ niềm tiếc thương và lòng biết ơn vô hạn đối với Người. Các cấp ủy đảng trong Đảng bộ lãnh đạo, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn siết chặt đội ngũ, muôn người như một, nắm chắc tay súng, tay búa, tay cày, tay bút, biến đau thương thành nhiều *Tổ - Đội Lao động xã hội chủ nghĩa*, nhiều khu đồng 5 tấn và nhiều đơn vị *Quyết thắng*...

Biến đau thương thành hành động cách mạng, trong thời gian tổ chức các hoạt động tang lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh, thanh niên Hợp tác xã Minh Hoà (xã Đồng Quang) đã làm được 10 tấn phân bón; cán bộ, xã viên các hợp tác xã cơ khí Bắc Nam, Hồng Hà... đưa năng suất sản xuất chảo gang từ 160 cái/ngày lên 220 cái/ngày; tự trang, tự chế máy ren chân ngà đáy thùng và hạ quyết tâm hoàn thành vượt kế hoạch Nhà nước cả năm trước thời hạn từ 10 ngày đến 30 ngày.

Thực hiện Chỉ thị số 172-CT/TW ngày 4/9/1969 của Bộ Chính trị và Thông tri số 274-TTr/BT ngày 15/9/1969 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Thành ủy tổ chức Hội nghị cán bộ lãnh đạo toàn thành phố học tập 4 văn kiện: *Tiểu sử tóm tắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Di*

chức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Lời Kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; giải đáp các thắc mắc, lo lắng của cán bộ, đảng viên, quần chúng và bàn các biện pháp tiến hành cụ thể ở cơ sở theo tinh thần Thông tri số 274-TTr/BT của Tỉnh ủy.

Quán triệt Thông tri số 278-TTr/BT ngày 15/10/1969 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 173-CT/TW ngày 29/9/1969 của Bộ Chính trị *Về đợt sinh hoạt chính trị “Học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chí Minh”*, Thành ủy lãnh đạo mở đợt sinh hoạt chính trị *Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* rộng rãi trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Các cấp ủy đảng trong toàn Đảng bộ thành phố đã tổ chức học tập, thảo luận 4 văn kiện; liên hệ kiểm điểm, xác định nguyên nhân dẫn đến sự trì trệ của đơn vị, cơ quan mình phụ trách; trên cơ sở đó đề ra nội dung và biện pháp khắc phục.

Thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, năm 1970, các cấp ủy đảng khối xã và đường phố lãnh đạo tuyển được 470 người vào bộ đội, vượt mức chỉ tiêu trên giao 3,3%; các cấp ủy đảng khối cơ quan, đơn vị Nhà nước lãnh đạo tuyển được gần 85% chỉ tiêu; trong đó, khối các cơ quan tỉnh tuyển đạt 41,08%, khối Ủy ban Hành chính khu tuyển đạt 76,5%.

Các cấp ủy đảng trong Đảng bộ tập trung lãnh đạo sản xuất lương thực. Vụ mùa 1970 toàn thành phố gieo cấy được 993,9 ha lúa đảm bảo đúng thời vụ (vượt 3,25% kế hoạch); phân bón bình quân 7,5 tấn/ha (cao hơn những năm trước), năng suất lúa bình quân đạt 27,86 tạ/ha (vượt 2,5% so với kế hoạch và tăng 6,77% so với vụ mùa năm 1969); sản lượng lúa đạt 2.771,194 tấn (vượt 6,1% so với kế hoạch và tăng 10,1% so với vụ mùa năm 1969)⁽¹⁾. Cả năm 1970, năng suất lúa

⁽¹⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo tổng kết năm 1970*. Số 02-BC/TP, ngày 5/2/1971. tr.2.

binh quân của thành phố đạt 23,85 tạ/ha (tăng 0,49 tạ/ha so với năm 1969), sản lượng lúa đạt 3.858 tấn (tăng 179 tấn so với năm 1969)⁽¹⁾. Trên lĩnh vực chăn nuôi, bên cạnh đàn trâu tăng từ 2.126 con năm 1969, lên 2.224 con năm 1970; đàn lợn lại giảm từ 9.643 con năm 1969, xuống 8.898 con năm 1970⁽²⁾.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái, từ ngày 5 đến ngày 9/4/1971, Đảng bộ thành phố tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ IV. Đại hội ra Nghị quyết chỉ rõ mục tiêu, nhiệm vụ trong lãnh đạo sản xuất nông nghiệp phải phấn đấu đưa năng suất lúa bình quân mỗi hécta lên trên 5 tấn; phải đẩy mạnh xen canh gối vụ, thâm canh tăng năng suất để chống khan hiếm rau xanh trong kì giáp vụ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV, gồm 19 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Trong 2 ngày 16 và 17/4/1971, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa IV họp bầu Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra Thành ủy. Theo đó, Ban Thường vụ Thành ủy gồm 7 ủy viên. Các đồng chí: Trần Tường được bầu giữ chức vụ Bí thư, Dương Quyền giữ chức vụ Phó Bí thư và Nguyễn Đình Hình được phân công Thường trực Thành ủy; Ban Kiểm tra Thành ủy gồm 5 ủy viên, do đồng chí Nguyễn Văn Luận làm Trưởng ban.

Sau Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố lãnh đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân 4 cấp, với 99,98% tổng số cử tri trên địa bàn thành phố tham gia, đảm bảo đúng các quy định của Nhà nước. Kết quả, các cử tri thành phố Thái Nguyên đã góp phần bầu được 6 đại biểu Quốc hội, 6 đại biểu Hội đồng nhân dân Khu Tự trị Việt Bắc, 12 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và 50 đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

⁽¹⁾ Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái: *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa...* Sdd, tr.27, 33.

⁽²⁾ Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái: *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa...* Sdd, tr.77, 39.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ IV, các cấp đảng bộ từ thành phố đến các xã, thị trấn, tiểu khu... tập trung lãnh đạo đẩy mạnh phong trào xây dựng và củng cố hợp tác xã nông nghiệp. Quán triệt chủ trương sáp nhập một số hợp tác xã chuyên canh rau và hợp tác xã sản xuất lúa thành một hợp tác xã sản xuất toàn diện tự túc về lương thực, làm nghĩa vụ với Nhà nước bằng rau xanh và thịt, Đảng bộ xã Cam Giá lãnh đạo sáp nhập 2 hợp tác xã Đồng Tiến và Xuân Thịnh thành Hợp tác xã Đông Xuân. Tuy nhiên, sau khi sáp nhập, một số xã viên Hợp tác xã Đông Xuân đã bỏ hợp tác xã ra sản xuất riêng.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, Ban Thường vụ Thành ủy thành lập Đoàn Cán bộ củng cố xã Cam Giá, do đồng chí Bí thư Thành ủy dẫn đầu, trực tiếp xuống cơ sở nghiên cứu, nắm tình hình, cùng với tập thể Đảng ủy xã bàn bạc nội dung, biện pháp củng cố Hợp tác xã Đông Xuân. Kết quả, Đoàn Cán bộ Thành ủy cùng với tập thể Đảng ủy xã Cam Giá đã giải quyết được một số thắc mắc của xã viên. Nhờ đó, các xã viên bỏ hợp tác xã ra sản xuất riêng đã nhất trí trở lại làm ăn tập thể, phong trào hợp tác xã ở xã Cam Giá được giữ vững.

Năm 1971, sản xuất nông nghiệp của thành phố gặp nhiều khó khăn do thiên tai gây ra. Trận lụt xảy ra ngày 24/5/1971 đúng thời kì lúa đông - xuân đang chắc hạt đã ảnh hưởng không tốt đến năng suất và sản lượng lúa. Hai trận lụt lớn tiếp theo (ngày 24/7 và 17/8/1971) đã làm gần 747 mẫu lúa mùa bị thối. Nhiều diện tích rau các loại cũng bị phá hỏng rất nặng nề.

Được tỉnh hỗ trợ, thành phố đã trợ cấp mỗi nhân khẩu vùng sản xuất rau 10 đồng/tháng. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng và chính quyền, chỉ trong thời gian ngắn, vùng sản xuất rau xanh trên địa bàn thành phố đã được khôi phục, với diện tích 111 ha (tăng 6,8% so với năm 1970); sản lượng rau xanh cung cấp ra thị

trường tăng hơn trước, giá cả cũng rẻ hơn⁽¹⁾. 745 mẫu trong tổng số 747 mẫu lúa mùa bị thối đã được cấy lại. Tuy nhiên, do sau trận lụt ngày 17/8/1971, thời vụ làm mùa đã hết, nên ở một số nơi, lúa không trở bông, hoặc bị lép, không được thu hoạch, dẫn đến tổng sản lượng lúa cả năm 1971 giảm 800 tấn so với năm 1970⁽²⁾. Cũng do đó, công tác phân phối lương thực và thực hiện nghĩa vụ đóng góp lương thực của thành phố năm 1971 gặp nhiều khó khăn.

Quán triệt Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và chủ trương của Tỉnh ủy về việc đưa chăn nuôi lên thành ngành chính, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IV, Thành ủy tập trung lãnh đạo đẩy mạnh chăn nuôi. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố tổ chức cho cán bộ lãnh đạo các xã, hợp tác xã đi tham quan, học tập kinh nghiệm ở 2 cơ sở chăn nuôi điển hình tiên tiến trên miền Bắc là Khuyến Lương (Hà Nội) và Đông Xuân (Vĩnh Phú). Thông qua đợt tham quan, học tập, nhiều cán bộ lãnh đạo xã, hợp tác xã đã nghiên cứu, vận dụng kinh nghiệm xây dựng chuồng trại, tổ chức chăn nuôi của 2 điển hình tiên tiến trên vào cơ sở, địa phương mình. Trại chăn nuôi Hợp tác xã Đông Xuân (xã Gia Sàng) vừa chăn nuôi giống lợn đại bạch, vừa chăn nuôi giống lợn LANDRASO của Đan Mạch theo đúng phương pháp khoa học, nên đàn lợn khỏe mạnh và đã bắt đầu sinh sản. Hợp tác xã Quán Triều thí điểm xây dựng chuồng trại chăn nuôi lợn bằng bê tông đúc sẵn, bước đầu cho kết quả tốt. Năm 1971, trên địa bàn thành phố, tổng đàn lợn có 9.895 con (không kể 1.212 con lợn sữa), tăng 11,43% so với năm 1970.

Tình hình chăn nuôi trâu, bò trên địa bàn thành phố ngày càng gặp khó khăn do đất đai, đồi bãi, đồng cỏ bị thu hẹp để dành đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp và thức ăn

⁽¹⁾ *Báo cáo Tổng kết năm 1971 của Thành ủy Thái Nguyên*. Số 19-BC/TP, ngày 23/11/1971, tr.3.

⁽²⁾ *Báo cáo Tổng kết năm 1971 của Thành ủy Thái Nguyên*. Số 19-BC/TP, ngày 23/11/1971, tr.5.

ting (cám bã) phải dành cho chăn nuôi lợn. Do đó, đàn trâu năm 1971 giảm 2,4% so với năm 1970.

Các ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 1971 gặp nhiều khó khăn do thiếu nguyên vật liệu; một số cơ sở (tôn, thiếc, đinh, da, thuốc nhuộm vải,...) phải ngừng hoạt động nhiều ngày; sản phẩm tồn kho nhiều, một phần do phẩm chất kém, giá thành cao, một phần do không có nơi tiêu thụ...

Nhằm khắc phục tình trạng trên, Đảng bộ thành phố lãnh đạo ngành Tiểu thủ công nghiệp lấy sản xuất hàng tiêu dùng làm chính. Hợp tác xã Cơ khí Hồng Hà mở cửa hàng thu mua phế phẩm, sửa chữa và sản xuất được nhiều mặt hàng tiêu dùng bằng tôn, thiếc bán cho nhân dân. Hợp tác xã Tín Thành dùng xỉ than của các Nhà máy Điện Cao Ngạn và Giấy Hoàng Văn Thụ để sản xuất gạch, giải quyết một phần khó khăn về vật liệu xây dựng. Chỉ tính riêng 9 tháng đầu năm 1971, tổng giá trị sản lượng tiểu thủ công nghiệp của thành phố đạt 2.738.494 đồng (bằng 65% kế hoạch cả năm và bằng 91% so với cùng kì năm 1970).

Sự nghiệp giáo dục của thành phố tiếp tục được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ. Năm học 1970 - 1971, tỉ lệ học sinh đỗ thẳng tốt nghiệp phổ thông cấp I đạt 67,85% (vượt 7,85% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IV); tỉ lệ học sinh đỗ thẳng tốt nghiệp phổ thông cấp II đạt 76,65% (vượt 16,65% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IV).

Cũng trong năm học 1970 - 1971, trên địa bàn thành phố có khoảng 700 học sinh tốt nghiệp phổ thông cấp II, nhưng không được vào học phổ thông cấp III. Trước tình hình đó, Thành ủy chủ trương thành lập trường vừa học vừa làm để đào tạo các em trở thành những người trực tiếp phục vụ sản xuất công, nông nghiệp của thành phố. Cuối năm 1971, cơ sở vật chất Trường vừa học vừa làm thành phố

được xây dựng, gồm 10 ngôi nhà tranh, tre, nứa, lá. Đến tháng 2/1972, Nhà trường chiêu sinh khóa đầu tiên, với 200 học sinh.

Trong năm học 1971 - 1972, số học sinh phổ thông cấp I và cấp II tăng 2.100 em so với năm học trước. Do đó, nhiều trường thiếu lớp học và phòng học. Nhằm khắc phục tình trạng này, Đảng bộ thành phố lãnh đạo các cấp chính quyền, đoàn thể, ngành Giáo dục vận động các công trường, xí nghiệp đóng trên địa bàn giúp đỡ xây dựng được 44 phòng học, góp phần đáng kể vào việc đảm bảo đủ chỗ cho 21.500 học sinh cấp sách đến trường khai giảng năm học mới đúng thời gian vào ngày 5/9/1971 theo quy định của Bộ Giáo dục. Phong trào thi đua *Dạy tốt, học tốt* trong các trường học tiếp tục được đẩy mạnh. Tỷ lệ số học sinh phổ thông cấp I được lên lớp đạt 95,7%, cấp II đạt 95%; toàn thành phố có 20 trong tổng số 34 trường đạt danh hiệu *Đơn vị tiên tiến* cấp thành phố và cấp tỉnh (tăng 18 trường so với năm học 1970 - 1971).

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, vụ chiêm xuân 1971 - 1972, thành phố được tỉnh giao chỉ tiêu gieo cấy 600 ha (trong đó có 100 ha lúa chiêm với năng suất 23 tạ/ha và 500 ha lúa xuân với năng suất 35 tạ/ha). Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Đảng bộ và các cấp chính quyền, thành phố đã gieo cấy được 612,7 ha, vượt 1,02% so với chỉ tiêu tỉnh giao.

Để đạt được năng suất tỉnh giao, ngay từ đầu vụ, Thành ủy mở đợt vận động làm phân bón và thủy lợi, với chỉ tiêu mỗi hécta lúa chiêm bón từ 8 đến 10 tấn phân, mỗi hécta lúa xuân bón từ 12 đến 15 tấn phân. Tuy nhiên, kết quả lãnh đạo thực hiện mới đạt bình quân mỗi hécta cả lúa chiêm và lúa xuân là 8 tấn phân. Nguyên nhân không đạt chỉ tiêu phân bón là do từ ngày giặc Mỹ huy động không quân và hải quân đánh phá trở lại miền Bắc (16/4/1972), trong đó thành phố Thái Nguyên là một trọng điểm, Đảng bộ phải tập trung lãnh đạo nhiều công tác đột xuất (phòng không sơ tán, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, xây dựng và bố trí lực lượng chiến đấu...), thiếu sự kiểm

tra, đôn đốc của các cơ quan chuyên môn. Bên cạnh đó, do nắng nóng kéo dài, hạn hán gay gắt, nên không đảm bảo thời vụ gieo cấy, dẫn tới hậu quả 72 mẫu lúa chiêm xuân không cho thu hoạch. Do vậy, năng suất lúa chiêm chỉ đạt 18,81 tạ/ha, bằng 81,78% chỉ tiêu; năng suất lúa xuân chỉ đạt 20,54 tạ/ha, bằng 82,16% chỉ tiêu; tổng sản lượng lúa chiêm xuân đạt gần 1.209,5 tấn, tăng 20,6% so với vụ chiêm xuân năm trước, nhưng chỉ bằng 78,25% chỉ tiêu).

Đầu năm 1972, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam mở cuộc tiến công chiến lược và giành được nhiều thắng lợi, đẩy chiến lược “*Việt Nam hoá chiến tranh*” của đế quốc Mỹ đứng trước nguy cơ thất bại. Trước tình hình đó, đế quốc Mỹ âm mưu “*Mĩ hóa*” cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, đồng thời gây trở lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc Việt Nam. Ngày 6/4/1972, chúng cho máy bay và tàu chiến ném bom, bắn phá một số tỉnh thuộc Khu IV cũ. Ngày 16/4/1972, đế quốc Mỹ chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc Việt Nam. So với cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, cuộc chiến tranh phá hoại lần này không chỉ lớn hơn về quy mô, tốc độ và cường độ đánh phá, mà thủ đoạn tiến hành cũng tàn bạo, dã man hơn nhiều.

Từ sau ngày giặc Mỹ đánh phá trở lại miền Bắc, công tác phòng không sơ tán trở thành nhiệm vụ trung tâm đột xuất của Đảng bộ thành phố Thái Nguyên. Thực hiện chỉ thị ngày 19/4/1972 của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái về *Tăng cường công tác, sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân dân trong tình hình mới*, Thành ủy và Ủy ban Hành chính thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị khẩn trương làm công tác chuẩn bị phòng tránh, đánh địch.

Đến cuối tháng 4/1972, hơn 60.300 người được tổ chức sơ tán ra khỏi các khu vực trọng điểm có thể bị máy bay Mỹ đánh phá. Những

người ở lại nội thành làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất đều có hầm, hào phòng tránh. Cùng với kết quả tu sửa, đào đắp 17.744 hầm gia đình và tập thể (có 1.035 hầm lát phẳng, 16.709 hầm kèo), 2.104 hầm xây gạch, 56 hầm xi măng cốt thép, 56 hầm địa đạo (mỗi hầm chứa được từ 50 người đến 120 người), thành phố còn có 2 hầm địa đạo lớn của Ủy ban Hành chính tỉnh và của Thành ủy, mỗi hầm chứa được khoảng 200 người. Ngoài ra, ở những nơi công cộng, nhà ga, bến xe, hai bên trục đường giao thông, khu vực các nhà máy Điện, Giấy, Công ty Gang thép, cán bộ và nhân dân còn tu sửa, đào mới được 17.339 hố trú ẩn cá nhân và 46.895 mét giao thông hào (riêng Công ty Gang thép Thái Nguyên có 9.909 hố trú ẩn cá nhân, 11.052 mét giao thông hào).

Để kịp thời giải quyết hậu quả khi bị máy bay địch đánh phá, các đơn vị cơ sở trên địa bàn tổ chức được 122 tổ cấp cứu, tải thương, gồm 1.106 người; 123 tổ đào bới sập hầm, gồm 1.314 người; 125 tổ chữa cháy, gồm 1.235 người; 6 tổ ứng cứu giao thông, gồm 360 người; 8 đài quan sát báo động phòng không (có 3 đài chuyên nghiệp) làm nhiệm vụ thông báo, báo động cho nhân dân phòng tránh khi có máy bay địch hoạt động; 4 trạm gác phòng không tại các đầu mối giao thông quan trọng của thành phố. Lực lượng dân quân, tự vệ thành phố xây dựng được 1 cụm trận địa súng máy cao xạ 14,5 mm của tự vệ Công ty Gang thép Thái Nguyên, gồm 3 khẩu đội, với 20 cán bộ, chiến sĩ thường xuyên làm nhiệm vụ trực chiến đấu liên tục 24 giờ trong ngày; 6 cụm trận địa súng máy cao xạ 12,7 mm, gồm 24 khẩu đội, với 96 cán bộ, chiến sĩ tự vệ các nhà máy Cơ khí 3/2, Điện Thái Nguyên; 8 cụm trận địa đại liên gồm 23 khẩu đội, với 106 cán bộ, chiến sĩ (riêng Công ty Gang thép Thái Nguyên 6 cụm, 20 khẩu đội), 17 trận địa trung liên, súng trường ban ngày sản xuất, ban đêm làm nhiệm vụ trực chiến.

Tuy nhiên, trên địa bàn nội thành và gần các mục tiêu có thể bị máy bay địch đánh phá vẫn còn một số gia đình chưa chịu đi sơ tán; số

hầm, hồ cá nhân ở hai bên các Quốc lộ số 3, 1B và các đường lớn trong thành phố chưa đảm bảo có đủ cho người qua lại trú ẩn khi máy bay Mỹ hoạt động. Mặt khác, do bệnh viện ở xa, thành phố lại không có xe cứu thương, nên việc cấp cứu đưa người bị nạn từ tuyến 2 (cơ sở) lên tuyến 3 (bệnh viện) gặp khó khăn và nếu trường hợp máy bay địch đánh phá nhiều điểm cùng một lúc thành phố không có đủ nhân viên y tế để cấp cứu nạn nhân. Để khắc phục tình trạng này, Thành ủy chủ trương củng cố, kiện toàn các tổ chức phòng không nhân dân; chỉ đạo các khu phố vận động, tổ chức nhân dân tiến hành 1 đợt đào hầm, hồ trú ẩn dọc hai bên các trục đường lớn.

Vào lúc 10 giờ 45 phút ngày 24/5/1972, giặc Mỹ huy động 2 tốp máy bay bất ngờ vào ném 12 quả bom “tinh khôn”⁽¹⁾ và bắn một loạt đạn rocket xuống Nhà máy Điện Cao Ngạn, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ 2 trên địa bàn thành phố. Toàn thành phố không kịp báo động phòng không. Các đơn vị trực chiến phòng không của lực lượng dân quân, tự vệ thành phố hoàn toàn bị bất ngờ, không kịp nổ súng đánh địch. Nhà máy Điện bị tổn thất nặng nề (3 người chết, 6 người bị thương, 2 lò hơi đốt bị hỏng, kho tạp phẩm trị giá 54.000 đồng bị phá hủy hoàn toàn), phải ngừng sản xuất, tháo dỡ 500 tấn vật tư, thiết bị đưa đi sơ tán. Tổn thất ở Nhà máy Điện cho thấy công tác lãnh đạo chuẩn bị phòng tránh và đánh địch của Đảng bộ thành phố còn nhiều thiếu sót. Trong những ngày cuối tháng 6, sang đầu tháng 10/1972, máy bay Mỹ tiếp tục đánh phá nhiều mục tiêu trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, gây nhiều thiệt hại về người và của.

Về phía đế quốc Mỹ, sau một thời gian ngừng ném bom bắn phá hạn chế miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (bắt đầu từ 22/10/1972), ngày 14/12/1972, chính quyền Nixon phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích bằng không quân chiến lược đánh phá các thành phố Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác (trong đó có thành phố Thái

(1) Bom “tinh khôn” là bom có điều khiển bằng điện tử hoặc tia laser.

Nguyên). Cuộc tập kích với quy mô lớn nhất bắt đầu diễn ra từ chiều tối ngày 18 đến ngày 29/12/1972.

Tại thành phố Thái Nguyên, vào lúc 4 giờ 30 phút ngày 20/12/1972, giặc Mỹ huy động 5 tốp máy bay B52 và nhiều tốp máy bay cường kích chiến thuật, ồ ạt thả gần 1.000 quả bom phá xuống 10 trọng điểm ở khu Bắc. Đêm 29/12/1972, giặc Mỹ cho 32 máy bay ném bom B52 tiếp tục thả 580 quả bom phá xuống khu vực từ Trại Cả đến thị trấn Trại Cau, làm thành 3 vệt bom có chiều dài từ 800 m đến 5.000m, chiều rộng từ 100m đến 1.000m.

Trong 10 ngày (từ ngày 20 đến ngày 29/12/1972) đánh phá thành phố Thái Nguyên, giặc Mỹ đã huy động nhiều máy bay ném bom chiến lược B52 và máy bay chiến thuật, dội hơn 2.700 quả bom các loại, làm chết 264 người, bị thương 102 người (chiếm gần 85,44% số người chết và 57,3% số người bị thương trong toàn tỉnh)⁽¹⁾, phá hủy 1.805 gian nhà, 7,4 ha lúa và hơn 5.500 kg thóc giống; hủy diệt vùng dân cư tiểu khu Thống Nhất và các hợp tác xã nông nghiệp: Quang Tiến, Quyết Tiến (xã Quang Vinh), Tân Long (tiểu khu Tân Long), Nhất Tâm (xã Đồng Bẩm) và các trường phổ thông cấp I xã Quang Vinh, cấp II tiểu khu Hoàng Văn Thụ, Trường Trung cấp Y sĩ Việt Bắc, Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc...

Đảng bộ thành phố lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương kiên cường, dũng cảm vượt qua khó khăn, gian khổ, hi sinh, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến và động viên sức người, sức của chi viện chiến trường.

Được Cục Hoá học thuộc Bộ Quốc phòng, Phòng Hóa học thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc cử cán bộ xuống trực tiếp huấn luyện kỹ thuật, cán bộ, chiến sĩ Trung đội dân quân xã Cam Giá và Tiểu đội tự vệ tiểu khu Hoàng Văn Thụ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thả

⁽¹⁾ Toàn tỉnh Bắc Thái có 309 người chết, 178 người bị thương.

màn khói bảo vệ cầu Trà Vườn, đập Thác Huống, cầu Gia Bầy, góp phần hạn chế thiệt hại do máy bay Mỹ gây ra.

Chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban Hành chính tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố, ngày 22/12/1972, Ban Chỉ huy quân sự thành phố phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự huyện Đồng Hỷ huy động hơn 1.000 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ ra đào đắp, sửa chữa, củng cố các ụ pháo và sửa chữa đường để xe ô tô vận tải kéo pháo vào trận địa xã Túc Duyên.

Sáng ngày 23/12/1972, Ban Giám đốc Mỏ than Khánh Hoà điều động 4 xe vận tải Kra và Uran kéo 6 khẩu pháo cao xạ 100 mm từ trận địa xã Cam Giá lên trận địa xã Túc Duyên. Buổi chiều cùng ngày, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 9 có mặt tại trận địa; phối hợp chiến đấu chặt chẽ với cán bộ, chiến sĩ Đại đội 3 ở khu vực Viện Điều dưỡng (nay là khu vực Bệnh viện Lao) và Đại đội 5 ở xã Quang Vinh, góp phần bắn rơi 2 máy bay ném bom chiến lược B52 của giặc Mỹ.

Trên mặt trận giao thông vận tải, do các cửa sông, bến cảng miền Bắc bị đế quốc Mỹ rải mìn phong tỏa, từ đầu tháng 6/1972, tỉnh Bắc Thái được Trung ương giao nhiệm vụ đảm bảo mỗi tháng tiếp nhận từ 30.000 tấn đến 50.000 tấn hàng (chủ yếu là lương thực và quốc phòng) từ các tỉnh Cao Bằng theo Quốc lộ số 3, Lạng Sơn theo Quốc lộ số 1B, Hà Bắc theo đường sắt Kép - Lưu Xá về thành phố Thái Nguyên để vừa dự trữ, vừa chuyển đến các chiến trường.

Thực hiện chủ trương của lãnh đạo tỉnh, Thành ủy lãnh đạo, huy động toàn bộ trụ sở các cơ quan, trường học và tầng 1 của các nhà từ 2 tầng trở lên thuộc địa bàn thành phố làm kho chứa 14.000 tấn lương thực, gấp 4 lần sức chứa của tất cả các kho lương thực nằm trên địa bàn tỉnh. Việc tuần tra, canh gác, bảo vệ các kho chứa hàng được giao cho các lực lượng công an, bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ thành phố.

Trong những ngày cuối tháng 12/1972, khi giặc Mỹ huy động máy bay B52 vào ném bom rải thảm Hà Nội, Hải Phòng, tại các ga

Lưu Xá và Quán Triều vẫn còn tồn lại 19.923 tấn lương thực, hàng quốc phòng. Việc giải toả toàn bộ số hàng đó đến nơi an toàn là một nhiệm vụ hết sức cấp bách.

Thực hiện chủ trương của Ủy ban Hành chính tỉnh, dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố chỉ đạo, huy động cán bộ, công nhân các cơ quan, đơn vị và nhân dân khu vực xung quanh các chân hàng ga Lưu Xá và ga Quán Triều tham gia bảo vệ và giải toả hàng hóa.

Trong thời gian giải toả lương thực, hàng hóa quốc phòng tại chân hàng ga Lưu Xá (thuộc địa bàn thành phố Thái Nguyên) đã diễn ra một sự kiện lịch sử bi hùng. Đó là sự hi sinh của 59 cán bộ, đội viên Đại đội Thanh niên xung phong 915 và 1 cán bộ chỉ huy Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái (Đội phó Nguyễn Thế Cường) cùng với 2 đồng chí thủ kho Lương thực Lưu Xá đêm 24/12/1972 tại Khu tập thể Bệnh viện Công nhân Gang thép Thái Nguyên (nằm trên địa bàn xóm Xuân Quang, xã Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên)⁽¹⁾.

Tuy bị tổn thất rất nặng nề đêm 24/12/1972, nhưng các lực lượng làm nhiệm vụ giải toả lương thực, hàng quốc phòng ở ga Lưu Xá và ga Quán Triều vẫn kiên cường bám trụ, chuyển hết số hàng tồn đọng đến nơi an toàn. Trong số 19.923 tấn hàng được giải toả, có 15 tấn bị phá hủy, 25 tấn bị kém phẩm chất, tỉ lệ hao hụt gần 0,34%. Đây là một trong những đóng góp to lớn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Thái Nguyên trên mặt trận đảm bảo giao thông thời chiến.

⁽¹⁾ Sự hi sinh của 59 cán bộ, đội viên Đại đội 915 thuộc Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái đêm 24/12/1972 đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho cán bộ, đội viên Đại đội 915. Nơi hi sinh của 59 cán bộ, đội viên Đại đội 915 và đồng chí Nguyễn Thế Cường (Đội phó Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái) cùng với 2 đồng chí thủ kho Lương thực Lưu Xá đêm 24/12/1972 đã được Nhà nước công nhận là *Khu Di tích lịch sử cấp Quốc gia đặc biệt*.

Trong công tác động viên chi viện chiến trường, năm 1972, Đảng bộ thành phố lãnh đạo quân và dân trên địa bàn hoàn thành xuất sắc 4 chiến dịch tuyển quân; trong đó, chiến dịch tuyển quân đợt 1 giao quân vượt chỉ tiêu quân số 33,7% (dẫn đầu các huyện, thành phố trong tỉnh); các chiến dịch tuyển quân đợt 2, 3, 4 giao quân vượt mức chỉ tiêu quân số 52% (tỉ lệ quân số đi chiến đấu ở chiến trường vượt chỉ tiêu 34%⁽¹⁾). Kết thúc năm 1972, thành phố Thái Nguyên dẫn đầu các đơn vị huyện, thành trong tỉnh về công tác tuyển quân, được Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến hạng Hai*.

Cùng với việc hoàn thành tốt nhiệm vụ phục vụ chiến đấu, chi viện chiến trường, trong 6 tháng cuối năm 1972, Đảng bộ thành phố lãnh đạo nhân dân trên địa bàn vượt qua nhiều khó khăn (nắng hạn kéo dài, địch đánh phá ác liệt...) để giữ vững và phát triển sản xuất. Vụ lúa mùa năm 1972, toàn thành phố gieo cấy được 1.016 ha; năng suất lúa đạt 45 tạ/ha (tăng 6,81 tạ/ha so với năm 1971); tổng sản lượng lúa đạt 3.759 tấn (tăng 670 tấn so với năm 1971); tổng sản lượng rau xanh đạt 2.500 tấn (tăng 16,17% tấn so với năm 1971)⁽²⁾.

Chăn nuôi từng bước được chuyển dần lên thành ngành chính theo tinh thần Nghị quyết 19-NQ/TW của Trung ương. Theo thống kê ngày 1/10/1972, tổng đàn lợn toàn thành phố có 10.552 con, tăng 4,3% so với năm 1971. Tuy nhiên, “*Bước đi của chăn nuôi chưa vững, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, tốc độ phát triển đàn lợn nói chung còn chậm, khâu thức ăn giống còn gặp khó khăn chưa thực hiện theo đúng các quy trình quy tắc kỹ thuật chăn nuôi còn tùy tiện...*”⁽³⁾.

Việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước được các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nên nhìn chung đạt kết

(1) Dẫn theo: *Thành phố Thái Nguyên Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*. Xuất bản 2007, tr.231.

(2) Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Công tác năm 1972*. Số: 21-BC/TP ngày 24/11/1972, tr.4.

(3) Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Công tác năm 1972...* Sdd, tr.5.

quả tốt, nhất là về nghĩa vụ lương thực. Vụ hạ năm 1972, thu thóc thuê nông nghiệp đạt 84.245 kg (vượt chỉ tiêu 8,56%), thu nghĩa vụ đạt 152.061 kg (vượt chỉ tiêu 20,18%), thu mua giá cao đạt 22.319 kg (bằng 81% chỉ tiêu). Tính đến hết tháng 10/1972, nhân dân thành phố đã bán cho Nhà nước 165 tấn thịt lợn hơi, thấp hơn so với chỉ tiêu được giao; nguyên nhân chủ yếu là do khâu chăn nuôi tập thể chưa được đẩy mạnh, đàn lợn tập thể còn quá ít so với đàn lợn của các hộ gia đình.

Trong quá trình lãnh đạo các mặt công tác thời gian này, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố tập trung triển khai thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh”*.

Ban Thường vụ Thành ủy chọn các chi bộ, đảng bộ xã Đồng Quang, Gia Sàng, phố Phan Đình Phùng, Hợp tác xã Cơ khí Bắc Nam, Xí nghiệp Dược phẩm làm điểm chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW để nhân ra diện rộng trong toàn Đảng bộ. Kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW đã giúp cho đội ngũ đảng viên tự giác chấp hành tốt kỉ luật của Đảng, củng cố thêm một bước tinh thần đấu tranh nội bộ, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Cũng thông qua đó, tổ chức cơ sở đảng được củng cố, lãnh đạo quân và dân trên địa bàn đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ 2 của đế quốc Mỹ xâm lược.

Sau 12 ngày, đêm mở cuộc tập kích bằng không quân chiến lược không đạt được kết quả mong muốn, lại bị tổn thất nặng nề, ngày 30/12/1972, Tổng thống Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra để nối lại cuộc đàm phán và đến ngày 15/1/1973, tuyên bố chấm dứt ném bom, bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ

miền Bắc Việt Nam. Ngày 27/1/1973, đế quốc Mỹ buộc phải kí Hiệp định Pari về *chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam*, rút hết quân viễn chinh và quân đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam; cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

II- Lãnh đạo khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, dồn sức chi viện chiến trường, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (1973 - 1975)

Sau ngày kí kết Hiệp định Pari, mặc dù đã phải rút quân viễn chinh và quân đồng minh về nước, nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục thực hiện chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh*. Dựa vào sự viện trợ của Mỹ, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ra sức phá hoại Hiệp định Pari, tập trung quân thực hiện kế hoạch “*tràn ngập lãnh thổ*”, với hi vọng kiểm soát hoàn toàn miền Nam.

Nhận thức rõ yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, Đảng bộ thành phố lãnh đạo các cấp, các ngành tiếp tục tập trung xây dựng lực lượng về mọi mặt, tích cực chi viện chiến trường để hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 9 đến ngày 15/4/1973, Đảng bộ thành phố tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ V. Sau khi kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV (nhiệm kỳ 1971 - 1973), Đại hội thảo luận và nhất trí thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 1973 - 1974: “... *tăng cường đoàn kết nhất trí, phấn đấu vươn lên nhanh hơn, mạnh hơn, tận dụng và phát huy tốt những khả năng và thuận lợi sẵn có, khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần tự chủ, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động phát triển sản xuất toàn diện, tập trung vào nhiệm vụ mấu chốt là sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất thực phẩm phục vụ cho đời sống. Mặt khác phải tổ chức quản lí tốt thành phố về mọi mặt, đảm bảo vững mạnh và trật tự an ninh, tổ*

chức tốt khâu lưu thông phân phối và quản lí thị trường để nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng đời sống mới...”⁽¹⁾.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa V, gồm 21 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Thành ủy gồm 7 ủy viên. Đồng chí Trần Tường được bầu giữ chức vụ Bí thư; các đồng chí: Nguyễn Đình Hình và Dương Quyền được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư; Ban Kiểm tra Thành ủy gồm 5 ủy viên, do đồng chí Đặng Hồng Tuyên làm Trưởng ban.

Ngay sau Đại hội, Đảng bộ thành phố lãnh đạo thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp huyện và xã nhiệm kì 1973 - 1975 tổ chức vào ngày 29/4/1973, với 98,44% tổng số cử tri trên địa bàn thành phố tham gia, đảm bảo đúng pháp lệnh, cơ cấu, chất lượng, chính sách đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo.

Thực hiện Quyết định số 21/TCCQ ngày 23/1/1973 của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái, tháng 3/1973, Thành ủy lãnh đạo Ủy ban Hành chính thành phố giải thể 18 tiểu khu⁽²⁾ để tạm thời tổ chức lại thành 10 tiểu khu và thành lập 10 Ban Đại diện hành chính tiểu khu:

1- Tiểu khu Tân Long, địa giới gồm hai bên đoạn Quốc lộ 3 từ Cầu số 5 đến KM 6 + 500.

2- Tiểu khu Quán Triều gồm các địa bàn tiểu khu Thống Nhất và hai bên đoạn Quốc lộ số 3 từ cầu Mỏ Bạch đến Cầu số 5.

⁽¹⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ V*, bản đánh máy, tr.5, lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

⁽²⁾ 18 tiểu khu: 1- Hoàng Văn Thụ, 2- Phan Đình Phùng, 3- Trưng Vương, 4- Hùng Vương, 5- Tân Long (hai bên Quốc lộ 3 từ phố Quán Triều đến Cầu số 5), 6- Quán Triều (phố Quán Triều tách ra từ khu phố Hoàng Văn Thụ), 7- Thống Nhất, 8- Chiên Thắng (phố Chiên Thắng tách ra từ khu phố Hoàng Văn Thụ), 9- Đội Cấn sơ tán, 10- Lưu Xá, 11- Trung Thành, 12- Ba Cống, 13- Tân Quang, 14- Hương Sơn, 15- Tích Lương, 16- Vó Ngựa, 17- Phú Mỹ, 18- Độc Lập.

3- Tiểu khu Hoàng Văn Thụ gồm địa bàn các tiểu khu Hoàng Văn Thụ và Đội Cấn - sơ tán Đán.

4- Tiểu khu Phan Đình Phùng gồm các địa bàn tiểu khu Phan Đình Phùng và phố Gia Sàng của xã Gia Sàng.

5- Tiểu khu Trưng Vương gồm các địa bàn tiểu khu Hùng Vương, Trưng Vương - sơ tán Linh Sơn và xóm Tân Thành của xã Đồng Bầm.

6- Tiểu khu Chiến Thắng.

7- Tiểu khu Phú Mỹ gồm các địa bàn tiểu khu Phú Mỹ, Lưu Xá và Sơ tán Tích Lương (sau này theo Quyết định số 21/QQĐ-UB ngày 23/11/1973 của Ủy ban Hành chính tỉnh, tiểu khu Phú Mỹ đổi tên thành tiểu khu Phú Xá).

8- Tiểu khu Trung Thành gồm địa bàn các tiểu khu Độc Lập, Trung Thành.

9- Tiểu khu Tân Sơn gồm địa bàn các tiểu khu Ba Cống, Sơ tán Tân Quang (sau này theo Quyết định số 21/QĐ-UB ngày 23/11/1973 của Ủy ban Hành chính tỉnh, tiểu khu Tân Sơn đổi tên thành tiểu khu Tân Thành).

10- Tiểu khu Hương Sơn gồm địa bàn các tiểu khu Hương Sen, Vó Ngựa.

Trong mỗi tiểu khu mới được tổ chức lại, có chi bộ đảng thực hiện chức năng lãnh đạo và Ban Đại diện hành chính tiểu khu thực hiện chức năng chính quyền. Dưới Ban Đại diện hành chính tiểu khu có các tiểu ban chuyên môn: Tự vệ, Công an, Thống kê - Kế hoạch, Văn hoá - Thông tin, Y tế, Giáo dục, Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em. Mỗi Ban Đại diện hành chính tiểu khu có Trưởng ban, Phó ban là cán bộ trong biên chế Nhà nước và có từ 1 đến 3 ủy viên làm Trưởng hoặc Phó các tiểu ban. Nhiệm kỳ của Ban Đại diện hành chính tiểu khu là 2

năm. Việc thành lập 10 ban đại diện hành chính tiểu khu đã ổn định tổ chức, làm tốt chức năng chính quyền cấp cơ sở.

Thực hiện Quyết định số 388/TCCQ ngày 7/8/1974 của Ủy ban Hành chính tỉnh, thành phố Thái Nguyên chính thức thành lập 10 tiểu khu: Tân Long, Quán Triều, Chiến Thắng, Hoàng Văn Thụ, Trưng Vương, Phan Đình Phùng, Phú Xá, Trung Thành, Hương Sơn, Tân Thành; mỗi tiểu khu có 1 Ban đại diện hành chính tiểu khu.

Quán triệt chủ trương: “... *đẩy mạnh sản xuất thực phẩm gồm rau, thịt, cá. Đồng thời coi trọng sản xuất cây lương thực gồm lúa, khoai lang. Đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất... Mục tiêu chính là 5 tấn thóc, 41 tấn rau, 4 con lợn; 1,2 lao động vùng lúa và 3 lao động vùng rau trên 1 ha gieo trồng*”⁽¹⁾ do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ V (4/1973) đề ra, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố phát động Chiến dịch san lấp hố bom, tháo gỡ bom đạn chưa nổ, giải phóng mặt bằng, phát triển sản xuất.

Thực hiện chiến dịch do Thành ủy phát động, lực lượng vũ trang nhân dân thành phố đã nêu cao vai trò xung kích, tích cực cùng với nhân dân san lấp hố bom, mở rộng diện tích gieo trồng. Cán bộ, chiến sĩ các tổ, đội công binh tích cực, chủ động trong việc dò và tháo gỡ bom đạn chưa nổ. Lực lượng tự vệ Công ty Gang thép Thái Nguyên đã huy động 802 ngày công của cán bộ, chiến sĩ các tổ, đội công binh dò tháo gỡ được 47 quả bom bi, 2 quả đạn rôckét, giải phóng 546.641 m² đất đai để khôi phục và phát triển sản xuất. Được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh giúp đỡ, phối hợp, Ban Chỉ huy quân sự thành phố huy động 3.392 ngày công của dân quân, tự vệ, cán bộ, công nhân, viên chức, học sinh, sinh viên và 8.940 đồng kinh phí, đào lấp được 6.315 m³ đất đá, phát hiện và phá 7 quả bom phá từ 225 kg đến 900 kg, góp phần giải phóng hàng trăm nghìn mét vuông đất để đưa vào canh tác.

⁽¹⁾ Dẫn theo: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên 1930 - 1975, Tập I*. Thành ủy Thái Nguyên xuất bản năm 1991, tr.143.

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, Đảng bộ lãnh đạo các hợp tác xã nông nghiệp trồng rau gối vụ, trái vụ và kí kết hợp đồng với các đơn vị trồng rau ở các huyện bạn, tỉnh bạn để phục vụ nhu cầu của thành phố. Kết quả, trong 9 tháng đầu năm 1973, diện tích trồng rau xanh toàn thành phố đạt 125 ha, vượt 20 ha so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra. Tuy nhiên, năng suất rau mới đạt 11,6 tấn/ha (bằng 28,2% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội), sản lượng rau đạt 1.463 tấn (bằng 36,5% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội)⁽¹⁾, nên thành phố phải nhập thêm 368 tấn rau của huyện bạn, tỉnh bạn về mới đảm bảo số lượng rau cung cấp cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn. Đánh giá về nguyên nhân sản xuất rau xanh 9 tháng đầu năm của thành phố không đạt chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ V đề ra cả về năng suất và sản lượng, trong báo cáo công tác 9 tháng đầu năm 1973, Thành ủy chỉ rõ: *Sản xuất rau có nhiều khó khăn do chưa ổn định về quy hoạch đồng ruộng, chưa đầu tư cơ sở vật chất và hầu như chưa có các biện pháp khoa học kĩ thuật cho cây rau. Các cấp ủy đảng, chính quyền chưa lãnh đạo, chỉ đạo sát sao và một số cấp ủy, đảng viên ở các vùng trồng rau có tư tưởng muốn cấy lúa, không muốn trồng rau. Cùng với đó, việc quản lí đất 5% ở vùng trồng rau chưa tốt, các khâu quản lí lao động, quản lí nguồn phân chưa chặt chẽ. Mặt khác, 5 trận lụt xảy ra liên tiếp xảy ra vào những tháng 7, 8, 9 đã làm mất 500 tấn rau các loại, nên sản lượng rau so với nhu cầu thiếu nhiều, một tháng chỉ đảm bảo cung cấp bình quân cho mỗi người 6 kg, đạt trên 50% kế hoạch⁽²⁾.*

Để khắc phục tình trạng trên, các cấp đảng bộ, chính quyền thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã mở rộng diện tích rau xanh. Kết quả, diện tích trồng rau xanh của thành phố từ 125 ha

⁽¹⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Công tác 9 tháng đầu năm 1973*. Số 09-BC/TP, ngày 26/10/1973, tr.5.

⁽²⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Công tác 9 tháng đầu năm 1973...* Tlđđ, tr.5.

với sản lượng 1.463 tấn (tháng 9/1973), tăng lên 183 ha với sản lượng 2.164 tấn (cuối năm 1973). Cuối năm 1974, diện tích rau xanh của thành phố là 254 ha và sản lượng đạt 3.212 tấn.

Việc chăn nuôi lợn có chuyển biến tốt từ thành phố xuống cơ sở. Các cấp ủy đảng trong Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, tổ chức các hội nghị chuyên đề bàn phương hướng chăn nuôi, phát triển đàn lợn (cả chăn nuôi tập thể và chăn nuôi hộ gia đình). Các cấp ủy, chi bộ cơ sở đều phân công cấp ủy viên, đảng viên phụ trách chăn nuôi. Nhờ đó, đàn lợn của thành phố từ 11.303 con (năm 1973), tăng lên 11.903 con (năm 1974). Với kết quả đạt 3,39 đầu lợn trên 1 ha gieo trồng (năm 1973) và 3,93 đầu lợn trên 1 ha gieo trồng (năm 1974)⁽¹⁾, thành phố Thái Nguyên trở thành đơn vị dẫn đầu tỉnh Bắc Thái về thực hiện mục tiêu 2 đầu lợn trên 1 ha gieo trồng do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất đề ra. Tuy nhiên, đàn trâu của thành phố từ 2.097 con (năm 1973), đã giảm xuống còn 1.811 con (năm 1974)⁽²⁾.

Sản xuất lương thực là một nhiệm vụ quan trọng được các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ V. Tuy nhiên, do hậu quả chiến tranh để lại và thời tiết diễn biến phức tạp (giá rét, hạn hán, lụt lội...) không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nên cả diện tích, năng suất, sản lượng lúa của thành phố trong 2 năm 1973, 1974 đều giảm so với năm trước và không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ V. Năm 1974, diện tích gieo cấy lúa toàn thành phố là 1.546 ha (giảm 43 ha so với năm 1973), năng suất lúa đạt 18,89 tạ/ha (giảm 2 tạ/ha so với năm 1973), sản lượng lúa đạt 2.921 tấn (giảm 400 tấn so với năm 1973)⁽³⁾.

(1) Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái: *Niên giám Thống kê 1973 - 1975*, tr.131.

(2) Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái: *Niên giám Thống kê 1973 - 1975*, tr.122.

(3) Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái: *Niên giám Thống kê 1973 - 1975*, tr.50, 51, 52.

Từ sau ngày đế quốc Mỹ chấm dứt hoàn toàn việc ném bom bắn phá miền Bắc, các xí nghiệp công nghiệp địa phương của thành phố từ nơi sơ tán trở về chỗ cũ, nhanh chóng ổn định tổ chức, quản lý lao động; cán bộ, công nhân, viên chức hăng hái thi đua thực hiện kế hoạch sản xuất. Nhờ đó, trong 9 tháng đầu năm 1973, các xí nghiệp: Gỗ Tháng 8 đã hoàn thành 90,5%, nước chấm đạt 84,2%, mì sợi đạt 75% so với kế hoạch cả năm.

Sản xuất thủ công nghiệp có nhiều khó khăn, do thiếu nguyên liệu; xã viên không có việc làm, một số bỏ hợp tác xã ra làm ngoài. Trước tình hình đó, các cấp đảng bộ trong Đảng bộ lãnh đạo hợp tác xã thủ công nghiệp vận động cán bộ, xã viên tìm kiếm nguyên liệu địa phương, sản xuất các mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp, phục vụ đời sống nhân dân. Các hợp tác xã thủ công nghiệp tiếp tục được củng cố và phát triển; tỉ lệ lao động trong các hợp tác xã thủ công nghiệp năm 1973 đạt 85% (tăng 5% so với năm 1972). Cơ sở vật chất - kĩ thuật trong ngành Thủ công nghiệp bước đầu được tăng cường. Nhiều phân xưởng sản xuất được xây dựng, nhiều máy móc tự trang bị, tự chế tạo (như hệ thống máy sản xuất đinh vít chạy điện, máy dập đinh, máy dập bi...) được đưa vào sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất. Phong trào thi đua dám nghĩ, dám làm, phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật tiếp tục được Đảng bộ lãnh đạo duy trì và phát triển. Công tác đào tạo thợ kĩ thuật được đẩy mạnh. Chỉ tính riêng năm 1973, thành phố đã tổ chức các lớp huấn luyện và kèm cặp tay nghề cho 253 xã viên các hợp tác xã thủ công nghiệp. Nhờ đó, kết thúc năm 1973, giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp toàn thành phố tăng 12,8% so với năm 1972 và vượt kế hoạch 5,8%. Đời sống của xã viên hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp được cải thiện rõ rệt. Mức lương bình quân của xã viên các hợp tác xã rèn, vật liệu xây dựng tăng từ 30% đến 50%.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển. Các trường phổ thông nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, kịp thời khôi phục và ổn định trường lớp, đảm bảo tốt các yêu cầu dạy và học. Kết thúc năm học 1972 - 1973, tỉ lệ học sinh lên lớp ở cấp I đạt 91% (vượt chỉ tiêu 1%), cấp II đạt 95% (vượt chỉ tiêu 5%), cấp III đạt chỉ tiêu 90%; tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp cấp I, cấp II đạt chỉ tiêu, nhưng tỉ lệ học sinh đỗ thăng trong kì thi tốt nghiệp cấp III chỉ đạt 57,5% (thấp hơn 7,5% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ V đề ra).

Tuy tỉ lệ học sinh phổ thông lên lớp đạt tương đối cao, nhưng so với yêu cầu, nhìn chung chất lượng còn thấp. Việc phối hợp giáo dục học sinh giữa nhà trường, gia đình và xã hội làm chưa tốt. Cơ sở vật chất các trường học còn quá thiếu thốn, không đủ chỗ cho học sinh học; việc quản lí trường sở còn yếu. Công tác lãnh đạo của cấp ủy, đảng viên các chi bộ trường học còn hạn chế...

Phong trào bổ túc văn hoá được củng cố và duy trì. Tháng 9/1973, toàn thành phố có 26 lớp học bổ túc văn hóa, với 475 người theo học chương trình các cấp I, II, III. Các xã: Đồng Bẩm, Túc Duyên, thị trấn Trại Cau là những đơn vị làm tốt công tác bổ túc văn hoá. Tuy nhiên, trên phạm vi toàn thành phố, phong trào bổ túc văn hoá chưa đều và chưa mạnh; một số đảng viên trình độ học vẫn thấp còn biện lí do để không đi học bổ túc văn hóa; nhiều cơ sở xã, tiểu khu, cơ quan, đơn vị chưa đưa việc đi học bổ túc văn hoá vào nội dung bình xét thi đua.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quân sự địa phương, các cấp ủy đảng từ thành phố đến cơ sở luôn quan tâm lãnh đạo xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ cả về tư tưởng và tổ chức. Ban Chỉ huy quân sự thành phố hoàn thành tốt công tác chỉ đạo, chỉ huy củng cố, chấn chỉnh, kiện toàn đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ. Công tác huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ được các cấp ủy đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, nên 100% các khoa mục huấn luyện đều đạt

khá và giỏi. Đến hết tháng 9/1973, công tác huấn luyện quân sự đạt 89,37%, công tác huấn luyện chính trị đạt 71% kế hoạch cả năm.

Công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường được Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố lãnh đạo, chỉ đạo sát sao. Phong trào thi đua “*Phát cao cờ tháng Tám, thành phố giao quân vượt mức chỉ tiêu*” do Thành ủy phát động được các cấp, các ngành và đông đảo thanh niên hưởng ứng. Nhờ đó, trong đợt tuyển quân tháng 8/1973, chỉ 1 tuần kể từ sau khi được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao chỉ tiêu, thành phố đã tuyển được 284 người vào bộ đội, hoàn thành vượt mức 1,78% chỉ tiêu tỉnh giao, bảo đảm đúng chính sách, đúng thời gian và chất lượng tốt, dẫn đầu toàn tỉnh.

Thành ủy và Ủy ban Hành chính thành phố lãnh đạo, chỉ đạo Phòng Tổ chức dân chính thành phố phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự thành phố tổ chức đợt tổng kiểm tra việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở. Kết quả kiểm tra cho thấy, cấp ủy đảng và chính quyền ở cơ sở đã làm tốt việc xét trợ cấp cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình quân nhân gặp khó khăn do thiên tai, địch họa gây ra⁽¹⁾. Hầu hết các gia đình thương binh, liệt sĩ, quân nhân trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đều được ổn định về vật chất, vui vẻ về tinh thần, hăng hái khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất. Các gia đình gặp tai nạn chiến tranh đều được các cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở quan tâm chăm sóc, giúp đỡ làm lại nhà cửa, chăm sóc các cháu mồ côi, giúp đỡ gao, tiền để nhanh chóng ổn định đời sống. Lực lượng dân quân, tự vệ các xã Quang Vinh, Đồng Quang, Túc Duyên, Gia Sàng, Công ty Gang thép Thái Nguyên, Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ tích cực giúp

⁽¹⁾ Xã Đồng Quang điều hoà lương thực giúp đỡ 1 gia đình thương binh đặc biệt khó khăn, xã Đồng Bầm nuôi 1 mẹ liệt sĩ già yếu, xã Túc Duyên giúp đỡ mỗi gia đình bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường xa 20 kg thóc lúc giáp hạt; tiểu khu Trưng Vương huy động 43 ngày công giúp đỡ 1 gia đình liệt sĩ xây dựng 1 ngôi nhà 3 gian.

đỡ các gia đình bị nạn do máy bay Mỹ đánh phá trong 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972. Cấp ủy đảng, chính quyền các cơ quan, xí nghiệp, tiểu khu bố trí, sắp xếp công ăn, việc làm hợp lý cho các chị có chồng đang chiến đấu ở xa; các tổ Phụ nữ chung thủy, đảm đang được thành lập để chị em có điều kiện sinh hoạt, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Được sự quan tâm, giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị, nhiều chị có chồng đi chiến đấu ở xa đã phát huy tốt truyền thống *Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang* của Phụ nữ Việt Nam, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, được bầu là Chiến sĩ thi đua, Chiến sĩ quyết thắng, Lao động tiên tiến⁽¹⁾.

Tuy nhiên, thông qua đợt tổng kiểm tra, các cơ quan chức năng của thành phố Thái Nguyên cũng phát hiện nhiều thiếu sót trong việc triển khai thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Đó là, sự phối hợp giữa Phòng Tổ chức dân chính Ban Chỉ huy quân sự thành phố và cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở chưa chặt chẽ. Ở tiểu khu Phan Đình Phùng, cơ sở đã báo tử liệt sĩ Phan Quang Bảo hơn 1 năm, nhưng gia đình vẫn chưa được hưởng chế độ, chính sách gia đình liệt sĩ, trong khi hoàn cảnh gia đình của liệt sĩ rất khó khăn (1 mẹ già, 4 con nhỏ, thu nhập chỉ trông vào đồng lương 40 đồng/tháng của vợ liệt sĩ). Việc cấp phát trợ cấp hàng tháng, hàng quý cho gia đình liệt sĩ chưa kịp thời; các gia đình liệt sĩ còn phải đi lại nhiều, mất thời gian, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và công tác. Cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở một số cơ sở (cơ quan, xí nghiệp, xã, tiểu khu và hợp tác xã thủ công) chưa có những biện pháp tích cực để ngăn ngừa các hành động xâm phạm và làm tổn thương đến hạnh phúc gia đình quân nhân

⁽¹⁾ Tại Công ty Gang thép Thái Nguyên, chị Nguyễn Thị Lương có chồng đi chiến đấu ở chiến trường xa 11 năm, một mình ở nhà vừa nuôi 4 con nhỏ (2 con học cấp II, 2 con học cấp III), vừa công tác tốt, được cơ quan bầu là *Chiến sĩ thi đua* 11 năm liền, được Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*, được tặng huy hiệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chị Hoàng Thị Lê chồng đi chiến đấu ở xa đã 8 năm, một mình ở nhà vừa nuôi 3 con nhỏ, tự học bổ túc văn hoá từ lớp 4 đến lớp 10, vừa lao động đảm bảo ngày công cao, có tháng đạt tới 25 công.

đang chiến đấu ở các chiến trường xa. Qua kiểm tra, Thành ủy và Ủy ban Hành chính thành phố đã kịp thời đề ra các nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, uốn nắn, sửa chữa. Nhờ đó, kết quả lãnh đạo công tác hậu phương quân đội của Đảng bộ thành phố ngày càng tốt hơn. Nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên hăng hái động viên con em mình lên đường nhập ngũ, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện cho các chiến trường.

Công tác xây dựng Đảng thường xuyên được chú trọng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Cuộc vận động *Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh”* theo tinh thần Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 6/3/1970 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh”* tiếp tục được Đảng bộ triển khai thực hiện nghiêm túc.

Song song với việc triển khai thực hiện Chỉ thị 192, các cấp ủy đảng trong toàn Đảng bộ đẩy mạnh công tác kiểm tra, giải quyết một số vụ tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm kỉ luật và giải quyết các đơn từ khiếu nại, tố cáo của đảng viên. Trong 9 tháng đầu năm 1973, thông qua triển khai thực hiện Chỉ thị 192 và công tác kiểm tra thi hành kỉ luật đảng, các cấp ủy đảng đã xử lí kỉ luật 47 đảng viên, với các hình thức: Khai trừ 19 đảng viên, lưu Đảng 12 đảng viên, cách chức 1 đảng viên, cảnh cáo 10 đảng viên, khiển trách 5 đảng viên. 3 tháng đầu năm 1974, Đảng bộ thành phố tiếp tục xử lí thi hành kỉ luật 38 đảng viên, với các hình thức: Khai trừ 4 đảng viên, lưu Đảng 9 đảng viên, cảnh cáo 17 đảng viên, khiển trách 8 đảng viên. Việc xử lí thi hành kỉ luật đảng viên đảm bảo chính xác, kịp thời, được đảng viên và quần chúng đồng tình ủng hộ. Chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ thành phố từng bước được nâng cao.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy về việc tổ chức đại hội đảng các cấp, 3 tháng đầu năm 1974, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc tổ chức đại hội, tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VI.

Trên cơ sở kết quả đại hội các đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc Thành ủy, thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 4 đến ngày 8/6/1974, Đảng bộ thành phố tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VI. Sau khi kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V (4/1973), Đại hội nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1974 - 1977 là: “... *nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, tích cực, tự lực cánh sinh, tạo cho được sự chuyển biến cách mạng về phong cách làm ăn mới theo hướng đi lên sản xuất lớn... đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây lương thực nhằm giải quyết tự túc trong nội bộ nông dân...*”⁽¹⁾.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VI (nhiệm kỳ 1974 - 1977), gồm 25 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư và Ban Kiểm tra Thành ủy. Theo đó, Ban Thường vụ gồm 7 ủy viên; đồng chí Trần Tường được bầu giữ chức vụ Bí thư, các đồng chí: Nguyễn Đình Hình và Nguyễn Đức Tân được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư; Ban Kiểm tra Thành ủy gồm 5 ủy viên, do đồng chí Đặng Hồng Tuyển làm Trưởng ban.

Sau Đại hội, Đảng bộ tập trung triển khai thực hiện Chỉ thị số 205-CT/TW ngày 13/10/1973 của Ban Bí thư về *Tăng cường cuộc đấu tranh chống tệ lấy cắp vật tư, hàng hóa của Nhà nước và giữ gìn trật tự trị an ở thành phố, thị xã* và Nghị quyết số 228-NQ/TW ngày 12/1/1974 của Bộ Chính trị về *cuộc đấu tranh chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an, phục vụ tốt phong trào lao*

⁽¹⁾ Dẫn theo: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên - Tập I...* Sdd, tr.147.

động sản xuất và tiết kiệm, phục vụ tốt đời sống nhân dân. Thành ủy tổ chức Hội nghị học tập, quán triệt Chỉ thị 205 và Nghị quyết 228 cho cán bộ lãnh đạo các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các xã, thị trấn, tiểu khu; đồng thời chỉ đạo 4 chi bộ, đảng bộ cơ sở triển khai trước để rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo ra toàn thành phố.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Thành ủy, năm 1974, lực lượng Công an thành phố đẩy mạnh đấu tranh chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và chống làm ăn phi pháp; điều tra, khám phá 17 vụ trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, thu hồi tài sản cho Nhà nước trị giá trên 2.000 đồng; điều tra, phát hiện 2 vụ đầu cơ và 16 vụ buôn lậu, bắt 38 đối tượng. Lực lượng Công an thành phố còn phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra hành chính 4 hợp tác xã (Cơ khí Vĩnh Tuy, Đá granitô Tín Thành, Cơ khí 20/7 và Nông nghiệp Quán Triều), phát hiện và xử lý kịp thời các sai phạm ở 4 hợp tác xã trên, mang lại niềm tin cho cán bộ, xã viên, góp phần bảo vệ các hợp tác xã trên địa bàn.

Trước tình hình các vụ phạm pháp hình sự gia tăng⁽¹⁾, công tác bảo vệ và giữ gìn trật tự trị an được đẩy mạnh. Thực hiện chủ trương của Thành ủy, trong 2 đêm 12 và 13/3/1974, Công an thành phố phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự thành phố huy động cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ tiến hành tổng kiểm tra hành chính trên địa bàn. Qua kiểm tra đã phát hiện 321 vụ vi phạm pháp luật (có 2 vụ bộ đội đảo ngũ, 1 vụ giả danh bộ đội, 3 vụ hoạt động mại dâm, 4 vụ thanh niên trốn nghĩa vụ quân sự; các vụ còn lại là cư trú không hợp pháp và lưu manh, trộm cắp).

Kết quả đợt tổng kiểm tra hành chính đã góp phần giữ vững và ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố, tạo môi trường thuận lợi cho việc đẩy mạnh phát triển sản xuất. Các xã: Gia Sang, Quang Vinh, Đồng Quang và các tiểu khu: Tân Thành, Tân

⁽¹⁾ Trong 3 tháng đầu năm 1974, địa bàn thành phố xảy ra tới 277 vụ phạm pháp hình sự (trộm cắp, lừa đảo, cướp giật, giết người,...); phần lớn đối tượng phạm pháp hình sự là người ở địa phương khác đến.

Long, Hoàng Văn Thụ là những đơn vị tiêu biểu trong công tác bảo vệ trật tự trị an.

Thực hiện chủ trương phát triển mạnh mẽ sản xuất thực phẩm, trong đó lấy sản xuất rau là chủ yếu do Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VI đề ra, Thành ủy tập trung lãnh đạo mở rộng vùng rau xanh Đồng Bẩm, với diện tích gieo trồng 100 ha, nuôi 2.000 con lợn. Các xã, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp mở rộng diện tích gieo trồng, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, sản lượng rau xanh. Nhờ đó, diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng rau xanh của thành phố không ngừng tăng. Từ 254 ha, với năng suất 126,45 tạ/ha, sản lượng 3.212 tấn (năm 1974), đến năm 1975 đã tăng lên 335 ha, với năng suất 137,28 tạ/ha và sản lượng đạt 4.599 tấn⁽¹⁾. Trong sản xuất thực phẩm, việc chăn nuôi gia súc (chủ yếu là chăn nuôi lợn) giữ vị trí rất quan trọng. Hai năm 1974, 1975, chăn nuôi gia súc của thành phố có bước phát triển mới. Tổng đàn trâu tăng từ 1.811 con (năm 1974), lên 1.905 con (năm 1975); tổng đàn lợn tăng từ 11.903 con (năm 1974), lên 12.291 con (năm 1975).

Thực hiện nhiệm vụ *đẩy mạnh thâm canh sản xuất cây lương thực* do Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VI đề ra, vụ lúa chiêm năm 1975, toàn thành phố gieo cấy được 609 ha (tăng 204 ha so với năm 1974), sản lượng lúa chiêm đạt 1.161 tấn (tăng 314 tấn so với năm 1974).

Nhờ kết quả sản xuất lương thực, thực phẩm năm 1975 đều đạt khá, nên nhân dân thành phố hăng hái thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Năm 1975, kết quả thực hiện nghĩa vụ đóng góp lương thực (thóc) tăng 14%, đóng góp thực phẩm (thịt lợn hơi) tăng 38% so với năm 1974⁽²⁾.

⁽¹⁾ Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Thái: *Niên giám thống kê tỉnh Bắc Thái 1973 - 1975*, tr.102, 103, 104.

⁽²⁾ Dẫn theo: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên - Tập I...* Sdd, tr.149.

Từ đầu năm 1975, yêu cầu chi viện kịp thời sức người, sức của cho chiến trường miền Nam trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Thực hiện chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên tập trung lãnh đạo tiến hành gấp rút 3 đợt tuyển quân. Chỉ trong vòng hơn 2 tháng (từ ngày 18/2 đến hết tháng 4/1975), thành phố đã động viên được 1.320 con em ưu tú vào bộ đội (chiếm 30,79% số người nhập ngũ trong toàn tỉnh), vượt 21,31% chỉ tiêu được giao, dẫn đầu toàn tỉnh. Với tinh thần *Vì đồng bào miền Nam ruột thịt*, thành phố Thái Nguyên có 1 gia đình huy động đến người con thứ năm, 6 gia đình huy động đến người con thứ tư, 24 gia đình huy động đến người con thứ ba và 172 gia đình huy động đến người con thứ hai vào bộ đội. Con em nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên vào bộ đội đã có mặt chiến đấu ở trên khắp các chiến trường 3 nước Đông Dương, góp phần cùng quân, dân cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua chặng đường 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang thành phố phát huy cao độ tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu và chiến đấu, chi viện chiến trường, góp phần rất to lớn vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Trong hơn 10 năm trực tiếp chống Mỹ cứu nước (1965 - 1975), Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã lãnh đạo thực hiện thắng lợi 40 chiến dịch động viên tuyển quân, huy động 3.756 thanh niên nhập ngũ⁽¹⁾, tham gia chiến đấu ở khắp các chiến trường 3 nước Đông Dương. Trong số đó, có 1.326 người anh dũng hi sinh, được Tổ quốc

⁽¹⁾ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái: *Hồ sơ tuyển quân 1945 - 1975*. Tư liệu lưu tại Văn phòng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

ghi công là liệt sĩ và 1.309 người để lại một phần máu, xương ngoài mặt trận, được Nhà nước công nhận là thương binh.

Bên cạnh số thanh niên vào bộ đội chủ lực, chỉ tính riêng trong 2 lần trực tiếp chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn thành phố (lần 1 từ tháng 10/1965 đến tháng 3/1968, lần 2 từ tháng 5 đến tháng 12/1972), thành phố đã huy động 17.489 người gia nhập lực lượng dân quân, tự vệ, trực tiếp làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu bảo vệ quê hương. Trong đó, có 1.576 cán bộ, chiến sĩ trực tiếp chiến đấu ở 89 trận địa phục kích, đón lõng bắn máy bay Mỹ bay thấp bằng súng bộ binh, góp phần cùng với các đơn vị phòng không bộ đội chủ lực (Quân khu Việt Bắc, Quân chủng Phòng không - Không quân, Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc) chiến đấu trên địa bàn bắn rơi 22 máy bay Mỹ (có 2 máy bay ném bom chiến lược B52).

Nhân dân và lực lượng vũ trang thành phố còn đóng góp 75.601 ngày công làm các trận địa phòng không, 153.750 ngày công làm đường giao thông vận chuyển vũ khí, phương tiện chiến đấu vào trận địa, với tổng khối lượng đào, đắp, vận chuyển 166.963 m³ đất, đá; quyên góp, ủng hộ cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ chiến đấu 848 kg gạo, 396 kg thịt lợn, 271 kg đường, 158 kg kẹo, 9.763 kg rau xanh...⁽¹⁾.

Thành tích 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng 2 *Huân chương Quân công* (1 *hạng Nhất*, 1 *hạng Ba*), 22 *Huân chương Chiến công* (3 *hạng Nhất* và 19 *hạng Hai, hạng Ba*); 13 tập thể và 4 cá nhân được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu cao quý *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*; cán bộ, nhân dân và

⁽¹⁾ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái: *Báo cáo thống kê các mặt 1965 - 1972*. Tư liệu lưu tại Văn phòng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

chiến sĩ các lực lượng vũ trang thành phố được tặng 12.000 Huân, Huy chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước các hạng.

Tự hào với những thành tích to lớn đã đạt được trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên vững vàng bước sang thời kì mới - thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

KẾT LUẬN

So với nhiều địa phương khác ở trong tỉnh, tổ chức đảng thị xã Thái Nguyên ra đời muộn, vì sự kìm kẹp của thực dân Pháp và tay sai tại đây có phần khắc nghiệt hơn. Mặc dù vậy, thông qua các hoạt động trên địa bàn của cán bộ Trung ương, Xứ ủy Bắc Kỳ ánh sáng cách mạng vẫn đi vào quần chúng ở thị xã.

Sẵn có truyền thống yêu nước, nhân dân các dân tộc thị xã đã tổ chức nhiều phong trào đấu tranh chống đế quốc và tay sai. Đến khi tình thế cách mạng trực tiếp xuất hiện, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang cách mạng, nhân dân thị xã nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, được sự giáo dục, tuyên truyền của các chiến sĩ cộng sản, nhiều thanh niên yêu nước của thị xã đã trưởng thành. Đó là những hạt nhân dẫn đến sự ra đời Chi bộ Đảng đầu tiên vào tháng 2/1946, đáp ứng sự đòi hỏi của phong trào cách mạng ở địa phương.

Kể từ khi thành lập cho đến khi kết thúc thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (5/1975), Chi bộ (từ năm 1953 là Đảng bộ thị xã, từ tháng 10/1962 là Đảng bộ thành phố) Thái Nguyên đã trải qua gần 30 năm vừa xây dựng, vừa lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương vượt qua nhiều gian nan, thử thách, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn lịch sử.

Ra đời trong hoàn cảnh đất nước đang lâm vào tình thế hết sức hiểm nghèo “*ngàn cân treo sợi tóc*” bởi sự đe dọa trực tiếp của các thế lực ngoại xâm, nội phản, cùng với bao khó khăn về các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội, Chi bộ thị xã đã lãnh đạo nhân dân xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng, từng bước đẩy lùi “*giặc đói*”,

“giặc dốt” và đấu tranh chống giặc ngoại xâm thắng lợi, bảo vệ thành quả cách mạng vừa mới giành được.

Trong năm đầu *Toàn quốc Kháng chiến* (12/1946 - 12/1947), Chi bộ lãnh đạo xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng, thực hiện triệt để tiêu thổ kháng chiến, phối hợp với các đơn vị bộ đội chủ lực và các địa phương trong tỉnh trực tiếp chiến đấu, góp phần đập tan cuộc tấn công quân sự quy mô lớn của thực dân Pháp lên Căn cứ địa Việt Bắc, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan đầu não tại ATK Trung ương.

Trong những năm thị xã Thái Nguyên tạm thời giải thể (1949 - 1953), đảng viên của Chi bộ được điều động lên công tác ở các cơ quan thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh và các cơ sở đảng thuộc Đảng bộ huyện Đồng Hỷ hoặc bổ sung vào quân đội tiếp tục hoạt động. Ở bất kì đơn vị, cương vị công tác nào, các đảng viên của Chi bộ thị xã vẫn luôn luôn phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Từ năm 1953, thị xã Thái Nguyên được tái lập. Đảng bộ thị xã lãnh đạo xây dựng và củng cố hậu phương ngày càng vững mạnh, đảm bảo giao thông trên địa bàn thông suốt trong mọi tình huống; tích cực chi viện tiền tuyến, góp phần cùng quân, dân cả nước làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “*Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*” (7/5/1954), buộc thực dân Pháp phải kí kết *Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương* (21/7/1954), cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân 3 nước Đông Dương.

Từ sau ngày hòa bình lập lại trên miền Bắc, Đảng bộ thị xã lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế - xã hội, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân; ngăn chặn, đẩy lùi mọi âm mưu và hành động phá hoại của các phần tử phản động, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Đầu năm 1959, trên cơ sở giải thể Ban Cán sự Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã được thành lập, lãnh đạo thực hiện thắng lợi Kế hoạch Nhà nước 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1958 - 1960), tiếp theo là Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Bộ mặt kinh tế - xã hội thị xã (thành phố) ngày càng có nhiều chuyển biến sâu sắc.

Trong những năm trực tiếp kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965 - 1975), Đảng bộ lãnh đạo thực hiện 3 nhiệm vụ lớn: Giữ vững phát triển kinh tế - xã hội; chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ; tích cực chi viện chiến trường, góp phần cùng quân - dân cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trên chặng đường gần 30 năm lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ thành phố không ngừng lớn mạnh. Khi mới thành lập (1946), tổ chức Đảng ở thị xã chỉ có 1 chi bộ, với 5 đảng viên; 10 năm sau (1956), Đảng bộ thị xã có 6 chi bộ, với 81 đảng viên; đến năm 1975, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã có 86 chi bộ, đảng bộ trực thuộc, với trên 2.300 đảng viên.

Từ trong hoạt động thực tiễn gần 3 thập kỉ, trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã đúc kết được những bài học kinh nghiệm quý về công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Bài học thứ nhất, thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng bộ ngày càng vững mạnh để làm tròn vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương

Thực tế lịch sử đã chứng minh: Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Nhận thức rõ điều ấy, trong quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị qua các thời kì từ năm 1946 đến

năm 1975, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên nắm vững và có ý thức trách nhiệm thực hiện thắng lợi các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thường xuyên được Đảng bộ quan tâm. Trong mọi thời điểm, nhất là vào những giai đoạn khó khăn, phức tạp do sự chống phá của các thế lực phản động, như những năm đầu sau ngày hòa bình được lập lại trên miền Bắc, Đảng bộ chú trọng xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin, ý chí kiên định lí tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sức mạnh của một tổ chức đảng trước hết được thể hiện ở sự đoàn kết thống nhất nội bộ. Sự thống nhất về tổ chức và đoàn kết nhất trí nội bộ là một trong những nhân tố bảo đảm cho tổ chức đảng lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị. Từ nhận thức này, Đảng bộ thành phố luôn chú trọng xây dựng, củng cố khối đoàn kết nhất trí. Trên thực tế, có lúc “... *nội bộ lãnh đạo tuy chưa được thật thống nhất, đoàn kết...*”⁽¹⁾, nhưng thông qua việc tăng cường đấu tranh tự phê bình và phê bình, tình trạng đó đã được khắc phục.

Khi bước vào thực hiện kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1958 - 1960), Thị ủy Thái Nguyên được thành lập thay thế vai trò của Ban Cán sự Đảng. Cùng với việc thành lập thành phố Thái Nguyên, vị trí, vai trò của Đảng bộ cũng được nâng lên, đảm bảo cho việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn lịch sử mới.

Qua các đợt chỉnh huấn tự phê bình và phê bình trong Đảng, bằng việc rèn luyện trong thực tế đấu tranh, trong lao động sản xuất, chiến đấu, trình độ giác ngộ chính trị, tư tưởng của cán bộ, đảng viên

⁽¹⁾ Ban Cán sự thị xã Thái Nguyên: *Báo cáo Công tác 6 tháng đầu năm 1958*. Số 12/BC, ngày 1/7/1958, tr.3.

cũng như về năng lực lãnh đạo của Chi bộ - Đảng bộ từng bước được nâng lên.

Cùng với việc không ngừng nâng cao trình độ nhận thức về chính trị, xây dựng lập trường cách mạng kiên định, đứng vững trên quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, chống mọi biểu hiện và các khuynh hướng lệch lạc đi ngược lại đường lối của Đảng, Đảng bộ còn không ngừng tăng cường sự thống nhất về tổ chức, chống mọi tư tưởng cục bộ, bè phái.

Công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là những vấn đề hết sức quan trọng đối với một đảng cầm quyền. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công tác này, Đảng bộ thường xuyên tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh từ Đảng bộ đến các tổ đảng cơ sở; coi việc nâng cao chất lượng cơ sở đảng là kết quả của việc nâng cao chất lượng của mỗi đảng viên. Do vậy, Đảng bộ rất coi trọng sinh hoạt của các chi bộ, tổ đảng để giáo dục chính trị, tư tưởng cho đảng viên; kiên quyết đấu tranh khắc phục những biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng tiểu tư sản, vô tổ chức, kỉ luật, bệnh quan liêu mệnh lệnh, xa rời quần chúng. Nội dung sinh hoạt chi bộ từng bước được cải tiến, đảm bảo 3 tính: Lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu. Thông qua sinh hoạt chi bộ, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ từng bước được nâng cao trình độ mọi mặt, ngày càng nhận thức rõ hơn đường lối, chính sách của Đảng, có thêm những kinh nghiệm hoạt động thực tiễn. Nhờ vậy, Đảng bộ thành phố luôn luôn là một Đảng bộ vững mạnh của Đảng bộ tỉnh.

Bài học thứ hai, trên cơ sở quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, biết vận dụng sáng tạo vào tình hình cụ thể ở địa phương

Mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước chỉ mang lại hiệu quả khi được cụ thể hóa bằng các chỉ thị, nghị quyết cụ thể phù hợp với đặc điểm tình hình trong từng địa phương. Đảng

bộ thành phố Thái Nguyên tuy còn non trẻ, nhưng đã tỏ rõ năng lực vận dụng, tổ chức và lãnh đạo thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối của Trung ương.

Cải tạo các thành phần kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ quan trọng mang tính tất yếu khi bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ nhận thức này, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã vận dụng các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân thành các chỉ thị, nghị quyết cụ thể. Mặc dù có lúc còn máy móc trong việc xác định một số ngành nghề chưa đúng với các thành phần kinh tế cần cải tạo, nhưng nhìn chung các chỉ thị, nghị quyết do Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố vạch ra là phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Trên cơ sở đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền thành phố, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa đã hoàn thành trước thời hạn, tạo ra được những chuyển biến sâu sắc trên lĩnh vực kinh tế - xã hội. Thắng lợi của Đảng bộ trong công tác lãnh đạo thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã tạo điều kiện cho nhân dân các dân tộc thị xã đóng góp công sức của mình vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trong những năm đầu kể từ sau ngày thành lập (19/10/1962), chức năng, nhiệm vụ của thành phố chưa được xác định rõ ràng, nên đã ảnh hưởng tới vai trò, vị trí lãnh đạo của Đảng bộ trên các mặt kinh tế - xã hội. Những năm sau đó, trên cơ sở quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của thành phố, Đảng bộ tập trung lãnh đạo xây dựng được chiến lược phát triển kinh tế - xã hội một cách toàn diện, đem lại những thành tựu quan trọng, góp phần cải thiện đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân.

Trong công tác lãnh đạo phục vụ chiến đấu và chiến đấu, Đảng bộ thành phố đã vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, phát động và tổ chức được những phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp. Nhân dân các dân tộc thành phố được Đảng giáo dục, đã

phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ; tích cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Bài học thứ ba, thường xuyên quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất đạo đức để không ngừng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cách mạng

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy, toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Chính phủ, của Đoàn thể thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được”⁽¹⁾.

Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên rất chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có đủ đức, tài. Chiến lược con người được Đảng bộ quan tâm, nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có năng lực, sức khỏe và phẩm chất tốt đẹp, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

Trong thời kì kháng chiến chống Pháp cũng như sau ngày hòa bình lập lại, hầu hết cán bộ, đảng viên thị xã có trình độ văn hóa rất thấp, hạn chế đến năng lực công tác chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là trong lĩnh vực tổ chức, quản lí kinh tế. Vì vậy, các cấp ủy đảng trong Đảng bộ một mặt củng cố, kiện toàn tổ chức; mặt khác bố trí, sắp xếp lực lượng, tổ chức cho cán bộ, đảng viên tham dự các khóa học văn hóa, các lớp chính trị, nghiệp vụ tập trung.

Từ năm 1963 trở đi, Đảng bộ thành phố coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lí luận Mác - Lênin, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực tổ chức lãnh đạo của đảng viên và các cấp

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 5 (1947 - 1949)*, xuất bản lần thứ hai. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.54.

ủy đảng. Ngoài việc cử cán bộ đi học tại các khóa huấn luyện của tỉnh và Trung ương, Đảng bộ thường xuyên mở các lớp đào tạo tại chức cho các đảng viên ở cơ sở. Nhờ vậy, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ thành phố có phẩm chất chính trị tốt, nắm vững lý luận Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, có trình độ chuyên môn cần thiết để hoàn thành các nhiệm vụ trên cương vị công tác của mình.

Bài học thứ tư, thường xuyên chăm lo xây dựng bộ máy chính quyền và đoàn thể quần chúng các cấp, không ngừng nâng cao vai trò và hiệu lực của hệ thống chuyên chính vô sản

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: *Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền nhà nước*. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam) là kết quả 15 năm đấu tranh cách mạng gian khổ và anh dũng của nhân dân do Đảng lãnh đạo. Đó là một nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân.

Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ sức mạnh của bộ máy chính quyền nhà nước, được thể hiện trong mối liên hệ giữa Đảng với chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Nhận thức rõ điều này, Đảng bộ thành phố đã bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối có tính nguyên tắc của mình đối với toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản. Đảng bộ thường xuyên chăm lo xây dựng chính quyền và đoàn thể quần chúng các cấp, nhằm nâng cao vai trò và hiệu lực của hệ thống chuyên chính vô sản.

Sức mạnh của Đảng bộ được thể hiện trong mối quan hệ giữa Đảng với dân. Đảng luôn luôn quan hệ chặt chẽ với quần chúng, chăm lo với lợi ích của quần chúng lao động. Nhận thức đúng vai trò của quần chúng là đầu tàu của lịch sử, trong quá trình đấu tranh thực hiện nhiệm vụ cách mạng, Đảng bộ chẳng những đã biết dựa vào quần chúng, mà còn tổ chức, động viên, phát huy tính tích cực cách mạng của quần chúng. Những thành tựu to lớn giành được qua các thời kì: Đấu tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến chống thực dân Pháp; khôi

phục, cải tạo, xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; trực tiếp kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chính là kết quả của Đảng bộ thành phố trong việc thực hiện đường lối quần chúng và phát huy sức mạnh quần chúng. Đảng vì dân, dân có Đảng, quây quần trong mối quan hệ mật thiết, gắn bó, đã tạo nên sức mạnh vật chất kì diệu cho Đảng bộ và nhân dân thành phố liên tiếp giành được từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Gần một phần ba thế kỉ (1946 - 1975), nhìn lại lịch sử, Đảng bộ và nhân dân thành phố có quyền tự hào chính đáng với trang sử vẻ vang của mình. Phát huy những kinh nghiệm và truyền thống tốt đẹp của Đảng ta trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ngay từ khi ra đời (tháng 2/1946), Chi bộ, Đảng bộ thị xã, thành phố Thái Nguyên đã phấn đấu không mệt mỏi cho sự nghiệp cách mạng mà Đảng và Hồ Chủ tịch đã vạch ra. Trong chiến đấu, nhiều đồng chí đã anh dũng hi sinh, góp phần đem lại cuộc sống ấm no và hạnh phúc cho nhân dân.

Trung thành với những lí tưởng cao đẹp của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự nghiệp cách mạng của Đảng, Đảng bộ được nhân dân tin yêu, hết lòng ủng hộ và kiên quyết đi theo ngọn cờ vẻ vang của Đảng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân thành phố Thái Nguyên đã phát huy cao độ tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất, chiến đấu; trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, lập nên những thành tích xuất sắc, tạo nên những đổi thay lớn lao trong đời sống xã hội của thành phố.

Tự hào với những thành tựu to lớn mà Đảng bộ thành phố lãnh đạo nhân dân các dân tộc trên địa bàn giành được trong chặng đường 30 năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1946 - 1975), toàn thể đảng viên trong toàn Đảng bộ, cùng nhân dân các dân tộc thành phố mãi mãi giữ niềm tin, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi những mục tiêu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội trên chặng đường mới.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

TẬP THỂ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

I- Thời kì kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) có 4 tập thể

1- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Cương:

Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (Quyết định số 202/KT-CTN ngày 11/6/1999 của Chủ tịch nước).

2- Cán bộ, công nhân và lực lượng tự vệ Nhà máy Giấy

Hoàng Văn Thụ: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (Quyết định số 287/QĐ-CTN ngày 10/4/2001 của Chủ tịch nước).

3- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thịnh Đức:

Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (Quyết định số 635/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005 của Chủ tịch nước).

4- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân phường Thịnh

Đán: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (Quyết định số 635/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005 của Chủ tịch nước).

II- Thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975) có 14 tập thể

1- Công an thành phố Thái Nguyên: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (Quyết định số 341/KT-CTN ngày 22/7/1998 của Chủ tịch nước).

2- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (Quyết định số 424/KT-CTN ngày 22/8/1998 của Chủ tịch nước).

3- Cán bộ, công nhân và lực lượng tự vệ Công ty Gang thép Thái Nguyên: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (Quyết định số 203/KT-CTN ngày 11/6/1999 của Chủ tịch nước).

4- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân phường Gia Sàng: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (Quyết định số 160/KT-CTN ngày 28/4/2000 của Chủ tịch nước).

5- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân phường Hoàng Văn Thụ: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (Quyết định số 160/KT-CTN ngày 28/4/2000 của Chủ tịch nước).

6- Cán bộ, công nhân và lực lượng tự vệ Nhà máy điện Thái Nguyên: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng

chiến chống Mĩ cứu nước (Quyết định số 567/KT-CTN ngày 8/11/2000 của Chủ tịch nước).

7- Cán bộ, công nhân và lực lượng tự vệ Bưu điện Thái Nguyên: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (Quyết định số 567/KT-CTN ngày 8/11/2000 của Chủ tịch nước).

8- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân phường Quan Triều: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (Quyết định số 634/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005 của Chủ tịch nước).

9- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân phường Phú Xá: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (Quyết định số 634/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005 của Chủ tịch nước).

10- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân phường Cam Giá: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (Quyết định số 634/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005 của Chủ tịch nước).

11- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Quyết Thắng: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (Quyết định số 634/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005 của Chủ tịch nước).

12- Cán bộ, công nhân và lực lượng tự vệ Xí nghiệp Than Khánh Hoà: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời

kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Quyết định số 634/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005 của Chủ tịch nước).

13- Cán bộ, giáo viên, học sinh và lực lượng tự vệ Trường Công nhân Bưu điện miền núi: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Quyết định số 634/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005 của Chủ tịch nước).

14- Cán bộ, đội viên Đại đội 915 - Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái: Được Chủ tịch nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Quyết định số 613/QĐ-CTN ngày 25/4/2009 của Chủ tịch nước).

PHỤ LỤC 2

CÁ NHÂN ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN QUÊ QUÁN HOẶC TRÚ QUÁN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

I- Thời kì kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) có 1 cá nhân

1- Đồng chí Đàm Văn Ngụ: Sinh năm 1928; quê quán xã Minh Khai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Pháp, được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* ngày 7/5/1956.

II- Thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975) có 4 cá nhân

1- Đồng chí Hoàng Văn Nghiên: Sinh năm 1939; quê quán xã Ngũ Lão, huyện Hoà An (nay là phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng; trú quán phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước, được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* ngày 1/1/1967.

2- Đồng chí Phạm Viết Đức: Sinh năm 1936; quê quán xã Hoàng Kiêm, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá; trú quán phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước, được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* ngày 1/10/1971.

3- Đồng chí Ngô Văn Sơn: Sinh năm 1947; quê quán, trú quán xã Đồng Bầm, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên); có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng

chiến chống Mỹ cứu nước, được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* ngày 3/6/1976.

4- Đồng chí Trần Thế Lại: Sinh năm 1933; quê quán xã Quảng Tiến, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; trú quán thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên); có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* ngày 20/12/1979.

PHỤ LỤC 3
ĐẢNG VIÊN CHI BỘ THỊ XÃ KHI THÀNH LẬP (1946)
VÀ BAN CÁN SỰ ĐẢNG, THỊ ỦY, THÀNH ỦY
CÁC KHÓA (1946 - 1975)

Danh sách đảng viên Chi bộ thị xã khi thành lập (2/1946)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Phạm Văn Nghiên	Bí thư
2	Nguyễn Thế Nhang	Ủy viên
3	Bạch Thị Tân	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Tư	Ủy viên
5	Đồng chí Vượng	Ủy viên

Ban Cán sự Đảng thị xã (1953 - 1959)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Văn Cầu	Trưởng ban
2	Nguyễn Hữu Chấn	Ủy viên
3	Hải Chu	Ủy viên
4	Nguyễn Văn Chức	Ủy viên
5	Nguyễn Bá Sửu	Ủy viên

Thay đổi, bổ sung: Sau ngày hòa bình lập lại (21/7/1954), đồng chí Nguyễn Quang Hiệu được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định giữ chức vụ Phó ban Cán sự Đảng thị xã.

Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã (1959 - 1960)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Văn Cầu	Bí thư
2	Huỳnh Hữu	Phó Bí thư
3	Nguyễn Quang Hiệu	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Nguyễn Hữu Chấn	Ủy viên Ban Chấp hành (đến tháng 4/1959)
5	Nguyễn Tất Hạch	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Hoàng Thế Minh	Ủy viên Ban Chấp hành

Thay đổi, bổ sung: Tháng 4/1959, đồng chí Dương Quyền (Trưởng Công an huyện Đại Từ, về làm Trưởng đồn Công an thị xã) được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã.

Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã (1960 - 1961)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Quang Hiệu	Bí thư
2	Huỳnh Hữu	Phó Bí thư
3	Trần Văn Cầu	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Nguyễn Tất Hạch	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Dương Quyền	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trần Đình Cách	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Đỗ Mạnh Đích	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Nguyễn Thị Minh Kim	Ủy viên Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
9	Nguyễn Văn Luận	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Hoàng Thế Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Bằng Ninh	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Bá Sửu	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Bạch Thị Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Quang Miện	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã (1961 - 1963)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Huỳnh Hữu	Bí thư
2	Nguyễn Tất Hạch	Phó Bí thư
3	Trần Văn Cầu	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Dương Quyền	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đỗ Thắng	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trần Đình Cách	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Đỗ Mạnh Đích	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Nguyễn Thị Minh Kim	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Văn Luận	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Hoàng Thế Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Nguyễn Bá Sửu	Ủy viên Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
13	Bạch Thị Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Nguyễn Quang Miện	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
15	Bằng Ninh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ thành phố (2/1963 - 5/1963)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Hoàng Minh Chí	Quyền Bí thư
2	Huỳnh Hữu	Ủy viên Ban Thường vụ - Thường trực Thành ủy
3	Đỗ Thắng	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Trần Văn Cầu	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Nguyễn Văn Hòa	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Nguyễn Tất Hạch	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Nguyễn Đình Hình	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Nguyễn Quang Miện	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Dương Quyền	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Ngô Văn Số	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Văn Thụ	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Hoàng Xuân	Ủy viên Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa I (1963 - 1965)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Tường	Bí thư
2	Hoàng Minh Chí	Phó Bí thư

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
3	Trần Văn Bảo	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Trần Bằng	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Văn Hòa	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đỗ Mạnh Đích	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Lê Thị Gạo	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Nguyễn Tất Hạch	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Đình Hình	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Triệu Kỳ Phay	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Dương Quyền	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Ngô Văn Số	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Hoàng Huy Thoa	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Lưu Ngọc Thọ	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Văn Thụ	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Hoàng Xuân	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Đăng Thái	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
19	Lê Vạn Thắng	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa II (1965 - 1967)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Tường	Bí thư
2	Lê Đình Nhậm	Phó Bí thư

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
3	Trần Văn Bảo	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Trần Bằng	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Đình Hình	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Dương Quyền	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Văn Thụ	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đỗ Mạnh Đích	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Lê Thị Gạo	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Tất Hạch	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Triệu Kỳ Phay	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Dương Văn Quyền	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Ngô Văn Số	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Nguyễn Văn Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Hoàng Huy Thoa	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Lưu Ngọc Thọ	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Vũ Kim Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Hoàng Xuân	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Phương Ngọc Côn	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
21	Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

Thay đổi, bổ sung: Tháng 11/1966, đồng chí Nguyễn Tế Hồng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa III (1967 - 1971)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lê Đình Nhậm	Bí thư
2	Dương Quyền	Phó Bí thư
3	Trần Bằng	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Nguyễn Đình Hình	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Tế Hồng	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Ngô Văn Số	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Mai Kim Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đỗ Mạnh Đích	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Tất Hạch	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Phạm Văn Hương	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Tiến Nhuận	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Dương Văn Quyền	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Đức Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Trần Thị Thìn	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Hoàng Huy Thoa	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Lưu Ngọc Thọ	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Ma Thị Anh Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Thị Tinh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Vũ Kim Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Tuấn Liên	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
21	Đỗ Thái	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa IV (1971 - 1973)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Tường	Bí thư
2	Dương Quyền	Phó Bí thư
3	Nguyễn Đình Hình	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Nguyễn Tế Hồng	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Dương Văn Quyền	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Ngô Văn Số	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Vũ Kim Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Đình Kim	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Văn Luận	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Dương Kim Nụ	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Bùi Đình Quế	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Trần Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Đức Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Mai Kim Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Trần Thị Thìn	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Lê Thị Thủy	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Ma Thị Anh Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Thị Tình	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Đặng Hồng Tuyến	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Hoàng Đình Biên	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
21	Dương Đình Dinh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
22	Cao Huy Dĩnh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
23	Phùng Á Đông	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

Thay đổi, bổ sung: Tháng 5/1972, đồng chí Nguyễn Đức Tân được Ban Chấp hành Đảng bộ bầu vào Ban Thường vụ Thành ủy.

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa V (1973 - 1974)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Tường	Bí thư
2	Nguyễn Đình Hình	Phó Bí thư Thường trực
3	Dương Quyền	Phó Bí thư
4	Dương Văn Quyền	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Trần Sinh	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Đức Tân	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Vũ Kim Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Hữu Bạch	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Vũ Hiền	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Đình Kim	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Văn Lạc	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Mai Văn Năm	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Dương Kim Nụ	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Bùi Đình Quế	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Hoàng Công Tá	Ủy viên Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
16	Mai Kim Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Trần Thị Thìn	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Lê Thị Thủy	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Ma Thị Anh Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Thị Tinh	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Đặng Hồng Tuyến	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Hoàng Đình Biên	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
23	Đàm Mạnh Dương	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
24	Phùng Á Đông	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
25	Nguyễn Văn Đức	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VI (1974 - 1978)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Tường	Bí thư
2	Nguyễn Đình Hình	Phó Bí thư Thường trực
3	Nguyễn Đức Tân	Phó Bí thư
4	Vũ Hiến	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Văn Lạc	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Dương Văn Quyền	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Trần Sinh	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Hữu Bạch	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Đàm Mạnh Dương	Ủy viên Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
10	Phùng Á Đông	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Văn Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Nguyễn Tiến Huân	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Đặng Văn Mai	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Mai Văn Năm	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Dương Kim Nụ	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Bùi Đình Quế	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Lê Thanh Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Cao Thị Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Mai Kim Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Thị Thìn	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Lê Thị Thủy	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Ma Thị Anh Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Đặng Hồng Tuyền	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Vũ Văn Từ	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Ngô Văn Bạ	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
27	Nguyễn Quang Chiêu	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
28	Nghiêm Sĩ Ngoạn	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
29	Đỗ Vinh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

PHỤ LỤC 4

**BÍ THƯ CHI BỘ, TRƯỞNG BAN, PHÓ BAN CÁN SỰ ĐẢNG THỊ XÃ
BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ THỊ ỦY, THÀNH ỦY THÁI NGUYÊN
(1946 - 1975)**



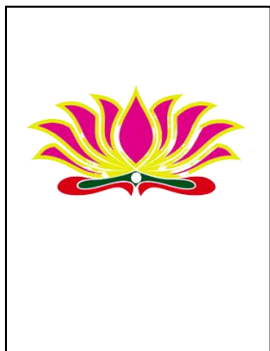
Đồng chí Phạm Văn Nghiên: Bí thư Chi bộ thị xã (2/1946 - 1948).



Đồng chí Trần Văn Cầu (1920 - 2005): Quê quán xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; trú quán xã Đồng Quang, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên); vào Đảng tháng 8/1946, Trưởng ban Cán sự Đảng thị xã (1953 - 1959), Bí thư Thị ủy (1959 - 1960); Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Nguyễn Quang Hiệu (1923 - 1980): Quê quán, trú quán xã (nay là phường) Nam Tiến, huyện (nay là thành phố) Phổ Yên; vào Đảng ngày 27/1/1947; Phó ban Cán sự Đảng thị xã (1954 - 1959), Bí thư Thị ủy (1960 - 1961); được tặng thưởng 1 *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba*, 1 *Huy chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất*; Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Huỳnh Hữu (1921 - đã từ trần): Quê quán, trú quán xã Phở Văn, huyện (nay là thị xã) Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; vào Đảng ngày 1/1/1946; Phó Bí thư Thị ủy (1960 - 1961), Bí thư Thị ủy (1961 - 1963), Phó Bí thư Thành ủy (1963 - 1965).



Đồng chí Nguyễn Tất Hạch (1920 - 1995): Quê quán xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; vào Đảng ngày 20/6/1947; Phó Bí thư Thị ủy - Chủ tịch Ủy ban Hành chính thị xã khóa lâm thời (1961 - 1963); được tặng thưởng 1 *Huân chương Chiến thắng hạng Nhì*, 1 *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì*, 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba*; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Hoàng Minh Chí (1920 - 2011): Quê quán xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai; trú quán thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên); vào Đảng năm 1945; Phó Bí thư, Quyền Bí thư Thành ủy lâm thời (2/1963 - 5/1963), Phó Bí thư Thành ủy - Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố khóa I (1963 - 1964); được tặng thưởng 1 *Huân chương Độc lập hạng Nhì*, 1 *Huân chương Chiến thắng hạng Nhất*, 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất*; Huy hiệu 50 năm, 60 năm, 70 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Trần Tường (1920 - 1999): Quê quán xã Trục Chính, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng năm 1945; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Bí thư Thành ủy (1963 - 1967), Bí thư Thành ủy (1971 - 1977); được công nhận là *Cán bộ Lão thành cách mạng* và được tặng thưởng 1 *Huân chương Độc lập* hạng Ba, 1 *Huân chương Kháng chiến chống Pháp* hạng Nhất, 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước* hạng Nhất; Huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Lê Đình Nhậm (1922 - 2013): Quê quán xã Đồng Thịnh, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; trú quán ngõ Văn Chương, thành phố Hà Nội; vào Đảng tháng 1/1946; Phó Bí thư Thành ủy (1965 - 1967), Bí thư Thành ủy (1967 - 1971); Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố khóa II (1965 - 1967); được tặng thưởng 1 *Huân chương Chiến thắng* hạng Nhất, 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước* hạng Nhất; Huy hiệu 40 năm, 50 năm, 60 tuổi Đảng.



Đồng chí Dương Quyền (1922 - đã từ trần):
Quê quán, trú quán xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; vào Đảng ngày 10/10/1946; Phó Bí thư Thành ủy (1967 - 1974); Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố khóa III (1967 - 1969), khóa V, VI (1971 - 1975); được tặng thưởng 1 *Huân chương Chiến thắng hạng Ba*, 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất*.



Đồng chí Nguyễn Đình Hình (1922 - 2012):
Quê quán xã Văn Phú, huyện (nay là thị xã) Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; trú quán phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng năm 1946; Phó Bí thư Thường trực Thành ủy (từ năm 1973).

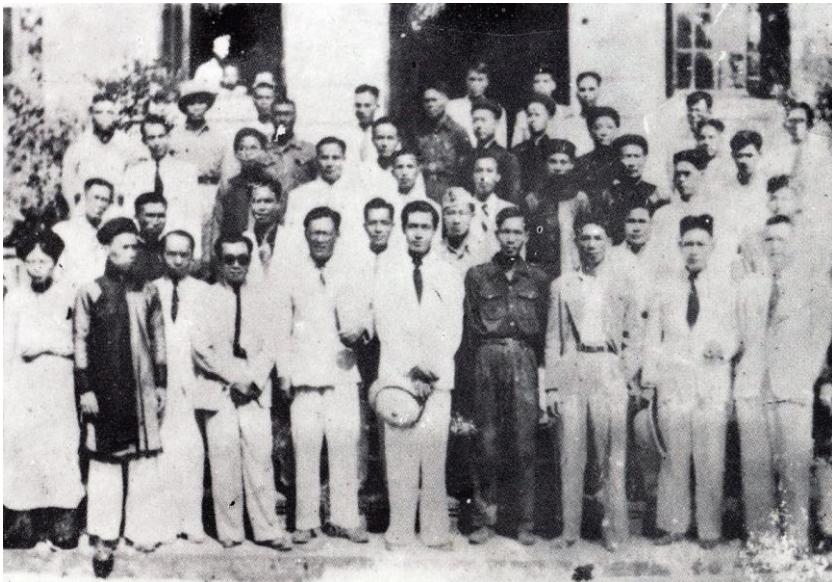


Đồng chí Nguyễn Đức Tân (1930 - 2009):
Quê quán xã Lương Phú, huyện Phú Bình; trú quán phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; vào Đảng ngày 2/1/1960; Phó Bí thư Thành ủy (từ năm 1974); Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố (từ năm 1975).

PHỤ LỤC 5
MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN (1946 - 1975)



Thành phố Thái Nguyên ngày mới thành lập



Mặt trận Liên Việt thị xã Thái Nguyên (năm 1946)



*Quang cảnh thị xã Thái Nguyên sau tiêu thổ kháng chiến
(trước ngày 7/10/1947 - ngày thực dân Pháp mở Chiến dịch tấn công
Việt Bắc Thu - Đông năm 1947)*



*Đoàn đại biểu cấp cao đi dự Hội nghị Gionevơ
về nói chuyện với nhân dân thị xã (năm 1954)*



Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ phát huy kế hoạch thăng lợi



Khánh thành Ga Thái Nguyên (năm 1959)



*Bác Hồ về thăm Trường Thiếu nhi Vùng cao Khu tự trị Việt Bắc
(ngày 13/3/1960)*



*Nhân dân thành phố Thái Nguyên nhiệt liệt chào đón đoàn đại biểu
Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam lên thăm Khu tự trị Việt Bắc*



Bác Hồ về thăm Khu Gang thép Thái Nguyên (ngày 1/1/1964)



*Bác Hồ về thăm và nói chuyện với nhân dân, cán bộ Thái Nguyên
tại Sân vận động thị xã (ngày 1/1/1964)*



Tự vệ thành phố Thái Nguyên sẵn sàng chiến đấu



*Thanh niên nhà máy điện Cao Ngạn
hăng hái ghi tên đăng ký lên đường chống Mỹ cứu nước*



Cầu Gia Bảy bị bom Mỹ phá hủy (năm 1965)



Lực lượng tự vệ thành phố Thái Nguyên phối hợp với các đơn vị pháo cao xạ bắn rơi chiếc máy bay thứ 1.000 của giặc Mỹ trên bầu trời miền Bắc (ngày 29/4/1966)



Tự vệ Khu Gang thép Thái Nguyên sẵn sàng chiến đấu (năm 1967)



*Đồng chí Doanh Hằng, Phó Bí thư Tỉnh ủy,
Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh dự và phát biểu chỉ đạo
tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên
lần thứ VI (tháng 6/1974)*



Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy Thái Nguyên, khóa V (1973 - 1974)



*Đền thờ Đội Cấn - thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917
(phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên)*



*Chùa Đán (phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên),
nơi Quân Giải phóng tập kết trước khi tiến vào giải phóng
thị xã Thái Nguyên (tháng 8/1945)*

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố qua các kì đại hội.

2- Các chỉ thị, nghị quyết hằng năm của Tỉnh ủy Bắc Thái, Tỉnh ủy Thái Nguyên.

3- Các báo cáo tổng kết công tác hằng năm của Thành ủy Thái Nguyên.

4- Các tập *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên* qua các năm.

5- Các tập hồi kí của các cán bộ lão thành cách mạng hoạt động trên địa bàn tỉnh và thành phố Thái Nguyên.

6- *Đại Nam nhất thống chí - Tập IV* (1971), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

7- Ngô Vi Liễn (1999), *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

8- Nguyễn Xuân Minh (chủ biên), Hoàng Ngọc La (1991), *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên Tập I (1930 - 1975)*.

10- Nguyễn Xuân Minh (chủ biên), Phạm Tất Quỳnh, Nguyễn Văn Thắng, Vũ Thanh Khôi, Hà Huy Hoàng (2005), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Tập II (1965 - 2000)*.

11- Phạm Tất Quỳnh (chủ biên), Nguyễn Xuân Minh, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Thị Hương Canh, Vũ Thanh Khôi, Dương Công Nhuận, Nguyễn Thu Huyền (2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Tập I (1936 - 1965)*.

12- Nguyễn Văn Thắng (chủ biên), Nguyễn Xuân Minh, Phạm Tất Quỳnh, Nguyễn Thị Hương Canh, Ma Khánh Tiên (2001), *Thái Nguyên - Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*.

13- Nguyễn Văn Thắng (2018), *thành phố Thái Nguyên Lịch sử kháng chiến chống xâm lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2017)*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

14- Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỉ XX (thuộc các tỉnh từ Nghệ - Tĩnh trở ra)*, Nxb Khoa học xã hội.

15- Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 4 (1945 - 1946)*. Nxb lần 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

16- Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 5 (1947 - 1949)*. Nxb lần 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

17- Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 12 (1966 - 1969)*. Nxb lần 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
LỜI GIỚI THIỆU	9
Mở đầu: KHÁI QUÁT THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN	11
I- Địa danh và địa giới hành chính qua các thời kì	11
II- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và xã hội	17
III- Truyền thống lịch sử	20
Chương I: CHI BỘ THỊ XÃ TRONG THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1954)	48
I - Lãnh đạo xây dựng, củng cố chính quyền, tham gia chiến đấu bảo vệ cửa ngõ phía nam An toàn khu (ATK) Trung ương (1946 - 1949)	48
II- Thị xã Thái Nguyên tạm thời giải thể; nhân dân thị xã tiếp tục tham gia kháng chiến, kiến quốc (1949 - 1953)	55
III- Thị xã Thái Nguyên tái lập; Ban Cán sự Đảng thị xã ra đời, lãnh đạo nhân dân tích cực xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến (1953 - 1954)	59
Chương II: ĐẢNG BỘ THỊ XÃ (THÀNH PHỐ) TRONG THỜI KÌ HÒA BÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC (1954 - 1965)	63
I - Lãnh đạo khôi phục, thực hiện kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1954 - 1960)	63
II- Lãnh đạo thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)	79

Chương III: ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ TRONG THỜI KÌ CẢ NƯỚC CÓ CHIẾN TRANH (1965 - 1975)	97
I - Lãnh đạo giữ vững sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện chiến trường (1965 - 1972)	97
II- Lãnh đạo khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, dồn sức chi viện chiến trường, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (1973 - 1975)	144
KẾT LUẬN	161
PHỤ LỤC	170
Phụ lục 1- Tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân	170
Phụ lục 2- Cá nhân Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân quê quán hoặc trú quán trên địa bàn thành phố	174
Phụ lục 3- Đảng viên Chi bộ thị xã khi thành lập (1946) và Ban Cán sự đảng, Thị ủy, Thành ủy các khóa (1946 - 1975)	176
Phụ lục 4- Bí thư Chi bộ, Trưởng ban, Phó ban Cán sự Đảng thị xã Bí thư, Phó Bí thư Thị ủy, Thành ủy Thái Nguyên (1946 - 1975)	187
Phụ lục 5- Một số hình ảnh hoạt động của thành phố Thái Nguyên (1946 - 1975)	191
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH	201

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Phường Tân Thịnh - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0208 3840023; Fax: 0208 3840017

Website: nxb.tnu.edu.vn * E-mail: nxb.dhtn@gmail.com

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
Tập I
(1946 - 1975)

(Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lý, bổ sung)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. PHẠM QUỐC TUẤN

Giám đốc - Tổng biên tập

Biên tập & trình bày:

HOÀNG ĐỨC NGUYỄN

DƯƠNG MINH NHẬT

Thiết kế bìa:

LÊ THÀNH NGUYỄN

Sửa bản in:

DƯƠNG MINH NHẬT

Liên kết xuất bản:

Công ty Cổ phần In Hà Nội

(Địa chỉ: Lô 6B, CN5, Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội)

ISBN: 978-604-350-176-6

In 500 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty Cổ phần In Hà Nội (Địa chỉ: Lô 6B, CN5, Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội). Giấy phép xuất bản số: 4633-2022/CXBIPH/1-172/ĐHTN. Quyết định xuất bản số: 326/QĐ-NXBĐHTN, ngày 21/12/2022. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2022.